

Abstract Proceedings of the International Conference

VIỆT NAM
Giao lưu
văn hoá
tư tưởng
Đông Á

**Vietnam in the Cultural and Ideological
Exchange in East Asia**

KỶ YẾU TÓM TẮT
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

Cơ quan tổ chức

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
USSH-VNU HCM



Đơn vị thực hiện

Khoa Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

FOR INTERNAL CIRCULATION ONLY
HOCHIMINH CITY
NOVEMBER 8th, 2019

VIỆT NAM – GIAO LƯU VĂN HOÁ
TƯ TƯỞNG ĐÔNG Á
Vietnam in the Cultural and Ideological Exchange in East Asia
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8-11-2019

B A N C H Í ĐẠ O

Trưởng ban

PGS.TS. Ngô Thị Phương Lan, Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

B A N T Ồ C H Ứ C

Trưởng ban

TS. Lê Hữu Phước, Phó Hiệu trưởng Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM

Phó Trưởng ban

PGS.TS. Lê Quang Trường, Trưởng Khoa Văn học

PGS.TS. Nguyễn Công Lý, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo

TS. Trần Anh Tiến, Trưởng Phòng QLKH-DA

Thành viên

PGS.TS. Lê Giang, Khoa Việt Nam học

TS. Phan Mạnh Hùng, Khoa Văn học

ThS. Hồ Khánh Vân, Khoa Văn học

TS. Dương Hoàng Lộc, Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo

TS. Hoàng Ngọc Minh Châu, Phòng ĐN-QLKH

ThS. Hồ Quang Viên, Phòng KHTC

B A N N Ò I D U N G

Trưởng ban

PGS.TS. Lê Quang Trường

Phó Trưởng ban

PGS.TS. Nguyễn Công Lý

Thành viên

PGS.TS. Lê Giang, GS.TS. Huỳnh Như Phương, PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu,

PGS.TS. Trần Lê Hoa Tranh, TS. Phan Mạnh Hùng, TS. Hoàng Ngọc Minh Châu,

TT.TS. Thích Phước Đạt, TT.TS. Thích Đức Trường,

ĐĐ.TS. Thích Đồng Thành, ĐĐ.TS. Thích Hạnh Tuệ

B A N B I Ê N T Á P - D I C H T H U Ậ T

Trưởng ban

PGS.TS. Trần Thị Phương Phương

Thành viên

TS. Nguyễn Ngọc Bảo Trâm, ThS. Nguyễn Thị Phương Thuý,

ThS. Lê Thụy Tường Vi, ThS. Lê Thị Thanh Vy

MỤC LỤC

Diễn văn khai mạc Hội thảo Quốc tế “Việt Nam - giao lưu văn hoá tư tưởng Đông Á”	13
Phan Thanh Định - Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHKHXH&NV	
VĂN HỌC VIỆT NAM: GIAO LƯU VÀ SO SÁNH VỚI VĂN HỌC ĐÔNG Á	
Sông nước Quế Lâm trong thơ văn đi sứ Việt Nam – Đối thoại xuyên quốc gia của các trí thức truyền thống hai nước Việt - Trung dưới góc nhìn văn hoá Đông Á.....	17
陈国保 / Chen Guo-Bao	
Phát hiện mới về thơ khắc bia của sứ thần Việt Nam ở Trung Quốc: Khảo sát tại miếu Trọng Phu Tử ở Tế Ninh, Sơn Đông	19
陳益源 / CHEN YI-YUAN (Trần Ích Nguyên)	
Bước đầu tìm hiểu biểu tượng hòn Vọng Phu trong văn học các nước Đông Á (Nghiên cứu so sánh trường hợp Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản)	20
Đào Thị Hồ Phương	
Saikaku và Basho trong nền văn học thời Edo.....	21
Đào Thị Hồ Phương	
Khảo sát việc cải biên <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> thành tác phẩm cải lương tại Việt Nam.....	22
Đặng Ngọc Ngân	
Phương thức xây dựng nhân vật từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc đến sân khấu cải lương Việt Nam	22
Đặng Ngọc Ngân	
Hình tượng ẩn giả trong thơ chữ Hán Nguyễn Du	23
Đinh Thị Hương	
Lê Sỹ Điền	
Thiền sư Tuệ Thâm – gương mặt lạ mà quen	24
Đoàn Thị Thu Vân	
Sự giao lưu văn hóa thiền trong thơ thiền Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam qua hai tác phẩm <i>Cảnh Đức truyền đăng lục</i> (景德傳燈錄) (Trung Hoa) và <i>Thiền uyển tập anh</i> (禪苑集英) (Việt Nam).....	25
Huỳnh Quán Chi	
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	
Tiếp nhận chủ nghĩa hiện đại ở Việt Nam trong bối cảnh văn học Đông Á	26
Kiều Thanh Uyên	
Yếu tố dân gian và tâm linh trong truyện “Chuyện kể về phu nhân Suro” (<i>Tam quốc di sự</i>) của Hàn Quốc và “Chuyện đối tụng ở Long cung” (<i>Truyện kì mạn lục</i>) của Việt Nam	27
La Duy Tân	

Bước đầu tìm hiểu, so sánh một vài motif trong truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc....	28
Lê Diễm Quỳnh	
Truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam trong bối cảnh giao lưu khu vực Đông Á.....	28
Lê Dương Khắc Minh	
Cảm thức Tự nhiên trong quan niệm văn học cổ điển các nước thuộc khu vực văn hóa Đông Á	29
Lê Đắc Tường	
Văn học kỳ ảo đương đại Việt Nam trong mối quan hệ với văn học đại chúng các nước Đông Á	30
Lê Ngọc Phương	
Phát hiện thêm thơ đi sứ Trung Hoa của nhà thơ Nam bộ Vương Hữu Quang	31
Lê Quang Trường	
Vũ trụ tùy bút - Tư thái trước tác của tác giả và tính cách thể loại của tác phẩm.....	33
Lê Thời Tân	
Nguyễn Hồng Hạnh	
Hiện tượng dịch văn hóa trong <i>Xuân thu nhĩ tập</i>	33
Lê Thụy Tường Vi	
Kỳ và thực trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của truyện kỳ ảo trung đại Việt Nam và Hàn Quốc.....	34
Lê Văn Tấn - Kim Ki-Hyun	
Khảo luận về nhà thơ Thái Thuận và <i>Lã Đường di cảo thi tập</i>	35
劉玉琚 / Liu Yu-Jun / Lưu Ngọc Quân	
Những nguyên tắc nghệ thuật của tiểu thuyết lịch sử phương Đông và phương Tây (Khảo sát <i>Ivanhoe</i> của Walter Scott và <i>Tam quốc diễn nghĩa</i> của La Quán Trung)	36
Mai Thế Mạnh	
Hoàng hạc lâu qua ngòi bút của các thi nhân Việt Nam thời trung đại.....	37
Nguyễn Công Lý	
Thuyết cách điệu và lý luận thơ chữ Hán Việt Nam.....	38
Nguyễn Đình Phúc	
Nhận thức về Nhật Bản trong văn du ký người Việt Nam viết về Nhật Bản nửa đầu thế kỷ XX.....	39
Nguyễn Hữu Sơn	
Tư tưởng <i>Đàn kinh</i> trong thơ chữ Hán nhà Lý Việt Nam.....	40
Nguyễn Phước Tâm	
Quan sát nữ giới trong <i>Truyện kỳ mạn lục</i> (Nguyễn Dữ) và <i>Vũ nguyệt vật ngữ</i> (Ueda Akinari) từ góc nhìn phê bình nữ quyền	41
Nguyễn Thi Phú	

Cảm hứng hành hương trong thơ Thiền Đông Á.....	42
Nguyễn Thị Bảo Anh	
Ma nữ trong <i>Truyện kỳ mạn lục</i> và <i>Liêu Trai chí dị</i> dưới góc nhìn so sánh	42
Nguyễn Thị Bích Dung	
Nguyễn Thị Tính	
Ảnh hưởng thuyết thần vận trong thơ chữ Hán của Nguyễn Hàm Ninh (1808-1868) (Khảo sát tập thơ <i>Tĩnh Trai tiểu thảo trích sao</i> và <i>Tĩnh Trai thi sao</i>).....	43
Nguyễn Thị Bích Đào	
Văn học Hàn Quốc trong chương trình Ngữ văn ở Việt Nam	44
Nguyễn Thị Quốc Minh	
Văn học thiếu nhi Việt Nam trong so sánh đối chiếu với văn học thiếu nhi Trung Quốc ...	45
Nguyễn Thị Thủy	
Nhã hóa: Nguyên tắc nghệ thuật căn bản của loại truyện thơ Nôm chuyển thể.....	46
Nguyễn Văn Hoài	
Trịnh Căn và tập thơ <i>Khâm định thắng bình bách vịnh</i> (Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh)	47
Phạm Kim Ngân	
Tiểu thuyết phóng tác của Hồ Biểu Chánh: cải biên văn học, cải biến văn hóa	48
Phạm Thị Thái Hà	
Quan niệm xuất xứ trong thơ chữ Hán Nguyễn Du và Nguyễn Đề	49
Phạm Thị Thuý Hằng	
Yếu tố Nhật Bản trong văn học Việt Nam 1940-1945: Khảo sát trường hợp tạp chí Tri Tân, Trung Bắc chủ nhật và Đại Việt tạp chí	50
Phan Mạnh Hùng	
Giới thiệu thơ đi sứ phương Nam của Phó Nhượng Kim	51
Phan Nguyễn Kiến Nam	
Tìm về cội nguồn dân tộc trong văn học Việt Nam và văn học Trung Quốc (xét trường hợp Nguyễn Xuân Khánh và một số nhà văn tầm cỡ Trung Quốc).....	52
Phan Thị Trà	
Đề tài “kỳ ngộ” và những “phức hợp Tam giáo” trong văn học trung đại Việt Nam và Hàn Quốc (qua khảo sát truyện truyền kỳ)	53
Trần Thị Hoa Lê	
Thơ văn Thái Đình Lan và Đặng Huy Trứ trên con đường “viễn hành lân quốc”	54
Trần Thị Hoa Lê - Thành Đức Hồng Hà	
Cuộc gặp gỡ đầu tiên của Việt Nam với văn học phương Tây ở thế kỷ XVII (trường hợp bộ truyện Nôm <i>Các thánh truyện</i> của Jeronimo Maiorica)	55
Trần Thị Phương Phương	

Thực tế vận động tự sự từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân đến *Đoạn trường tân thanh* của Phạm Thiên Thư..... 56

Trần Thị Quỳnh Thuận

Viết văn như là phương thức tự chữa lành: Tự thuật chấn thương trong *Một nỗi đau riêng* của Oe Kenzaburo và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh..... 58

Trần Thị Thục

Cảm thức “bi thu” trong thơ trung đại Việt Nam - Trung Quốc 59

Trần Thị Vân Dung

Hiện trạng và những hạn chế trong việc tiếp nhận văn học Việt Nam ở Đài Loan 60

Trịnh Thuỳ Trang

Việc tiếp nhận tiểu thuyết Trung Quốc ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX 61

Võ Văn Nhơn

Việt Nam *Cổ Duệ* từ Bắc truyền lược thuật..... 62

Vũ Thị Thanh Trâm

Lý giải xu hướng vận động của thơ Nôm Đường luật trong sự phát triển của văn học Việt Nam và khu vực Đông Á 63

Vũ Thanh

Luận về xúc cảm giọng đọc và khác biệt văn tự trong trường hợp chữ Nôm đoạn cuối *Truyện Kiều*..... 64

魏慈德 / Wei Tzu-Te (Ngụy Từ Đức)

“Hoa liên Bách Việt xuân” – Tình hữu nghị và công việc trị lý phía nam qua ngòi bút của Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên..... 65

張蜀蕙 / Zhang Shu-Hui (Trương Thục Huệ)

VĂN HÓA TƯ TƯỞNG VIỆT NAM:

GIAO LƯU VÀ SO SÁNH VỚI VĂN HÓA TƯ TƯỞNG ĐÔNG Á

Những điểm tương đồng trong tư tưởng giáo dục của Phan Châu Trinh và Fukuzawa Yukichi 69

Cao Xuân Long

Từ *Chức cảm hồi văn* của Tô Huệ đến bài *Dạ cổ hoài lang* của Cao Văn Lầu 70

Châu Hoài Phương

Thoát Á luận: Bài học canh tân đất nước từ Nhật Bản..... 71

Dương Trường Phúc

Khu vực văn hóa chữ Hán: Khái niệm và nội dung nghiên cứu..... 72

Đoàn Lê Giang

Từ quan điểm “vô vi” của Đạo giáo đến quan điểm “nhàn” của Nguyễn Bình Khiêm 73

Hà Trọng Thà - Cao Xuân Long

Nghiên cứu các truyện cổ Việt Nam và Hàn Quốc có đề tài xung đột anh chị em và văn

hóa giao tiếp	74
Kwon Hyeok-rae	
Cảng biển Đông Nam Á qua một số tư liệu Hán Nôm triều Nguyễn	75
Hồ Ngọc Minh	
Lịch sử và văn hóa Trung Hoa trong các bộ sưu tập câu hát dân gian ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX (trường hợp Câu hát huê tình).....	76
La Mai Thi Gia	
Đọc lại thần tích đền Lý Ông Trọng (<i>Việt điện u linh tập</i>) trong liên hệ với tự sự về hai nhân vật hữu quan – Triệu Xương và Cao Biền	77
Lê Thời Tân	
L luận bàn về niên hiệu Trung Hoa dân quốc ở Việt Nam qua bi ký biến ngạch, đối liên tại các Hội quán người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh	77
羅景文 / Luo Jing-Wen	
Những khó khăn và nỗ lực hoà nhập với nền văn hoá mới tại Đài Loan của những cô gái Việt Nam trong hôn nhân xuyên quốc gia.....	78
Mai Thị Kim Khánh - Nguyễn Thị Quỳnh Như	
Với văn hóa Đông Á cổ truyền - những điều muốn nói	79
Nguyễn Đình Chú	
Biểu hiện của “Tam cương” trong văn tế Hán Nôm Việt Nam	80
Nguyễn Đông Triều	
Mối duyên ngàn năm – ngôi tháp mộ của nhà sư Giao Chi tại chùa Linh Nham Sơn Đông, Trung Quốc	81
Nguyễn Hoàng Yến	
Nhân tố Nhật Bản đối với sự hình thành tư tưởng duy tân của các trí thức Việt Nam trong phong trào giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỷ XX	82
Nguyễn Hữu Phúc	
Ý nghĩa của việc công bố tư liệu Hán Nôm trong nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam	83
Nguyễn Phúc An	
Vài suy nghĩ về nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới.....	84
Nguyễn Thanh Phong	
Nghiên cứu tiếp biến văn hóa và ngôn ngữ trong những yếu tố Hán Việt (Bàn luận trên cơ sở tầm nguyên một số yếu tố Hán Việt cùng trường nghĩa pháp luật).....	85
Nguyễn Thị Thanh Chung	
Tiếp xúc và giao lưu của văn nhân Việt Trung ở Nhật Bản: Trường hợp Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu	86
Nguyễn Tiến Lực	

Giới thiệu về giáo dục Nhật Bản trên báo chí quốc ngữ Nam bộ giai đoạn nửa cuối thế kỷ XX nửa đầu thế kỷ XX.....	87
Nguyễn Trọng Nhân	
Tư tưởng Đạo giáo ở Nam Bộ, Việt Nam (Trường hợp những biểu tượng trong kiến trúc chùa, miếu của tôn giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang).....	88
Nguyễn Trung Hiếu - Mai Thị Minh Thuy	
Tam giáo trong văn hóa Việt Nam qua cái nhìn của Alexandre de Rhodes (1591 - 1660) và Léopold Michel Cadière (1869 - 1955)	89
Nguyễn Văn Hiệu	
Hoàng Trọng Huân và dấu ấn văn hóa gia tộc của ông trong lòng Sài Gòn.....	91
Phạm Ngọc Hoàng	
Nghiên cứu về Nho giáo Việt Nam trong sự so sánh với Nho giáo Trung Quốc và Nhật Bản	92
Phạm Thị Loan	
Văn hóa ứng xử trong tục ngữ Việt Nam và Hàn Quốc.....	93
Phan Ánh Nguyễn	
Những cuộc "bút đàm" trong chuyến công cán đến Phúc Kiến năm 1831	94
Phan Thị Thu Hiền	
Sự tiếp biến văn hóa Đông Á của Hồ Chí Minh (Nhìn từ các nghiên cứu của Hồ Chí Minh về Nho giáo và Lão giáo).....	95
Trần Thị Phúc An	
Báo chí ở Nhật Bản và Hàn Quốc cuối thế kỷ XIX đến những năm 1920	95
Trần Huỳnh Tuyết Như	
Dấu ấn hồ Động Đình trong văn hóa Việt: nhìn từ quan điểm của người Việt Nam thời trung đại.....	97
Trịnh Thùy Dương	
Nguyễn Thanh Tùng	
Ảnh hưởng của Đạo giáo trong văn hóa tinh thần của người Việt.....	98
Võ Thị Thùy Dung	
Nghiên cứu sách Tam đại toàn thời Vĩnh Lạc trong khoa cử Đông Á – trường hợp so sánh hình thái phát sinh ở hai nước Việt Nam và Hàn Quốc	98
許怡齡/ Xu Yi-Ling / Hứa Di Linh	
Gợi ý liên văn hóa của Husserl về sự đối mới luân lý và tính hợp lý về lý luận: Một nhận định mới từ quan điểm Đông Á.....	99
游淙祺 / Yu Chung-Chi	
Nho học Việt Nam: Tính bản địa hoá và nguyên nhân hình thành	101
张玲 / Zhang Ling (Trương Linh)	

Du lịch phương Nam – Ấn tượng về Việt Nam đầu thế kỷ XX của thương nhân Đài Loan Trang Ngọc Ba	102
莊秋君 / Zhuang Qiu-Jun / Trang Thu Quân	
Từ Văn miếu Hà Nội Việt Nam xem xét việc truyền bá và phát triển Nho học ở Đông Á – khảo sát văn bia tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội	103
Zhong Ke 钟珂	
PHẬT GIÁO VIỆT NAM: GIAO LƯU VÀ SO SÁNH VỚI PHẬT GIÁO ĐÔNG Á	
Giá trị và sức lan tỏa của tác phẩm Phật giáo Truy môn cảnh huấn ở Việt Nam.....	107
Đinh Khắc Thuân	
Việt hóa, dân gian hóa Nho giáo, Phật giáo (Khảo sát sự tiếp biến một số khái niệm Nho, Phật trong ca dao, dân ca Nam Bộ)	108
Đoàn Lê Giang	
Ảnh hưởng của tư tưởng khoan dung Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.....	109
Lê Đức Thọ	
Chất Thiền – Phật trong thơ Mai Am qua <i>Diệu Liên tập</i>	110
Lý Hồng Phượng	
Tìm hiểu thơ chữ Nôm của các nhà Nho thế kỷ XV-XIX viết về Phật giáo từ góc nhìn văn hóa	110
Phạm Kim Ngân	
Quan điểm Phật - Đạo - Nho trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài	111
Phan Thanh	
Chữ Hiếu trong Nho giáo và Phật giáo	112
Thích Đồng Thành	
Vấn đề Khu Thích dĩ nhập Nho trong <i>Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh</i>	113
Thích Hạnh Tuệ	
Giải pháp nâng cao giá trị đạo đức Phật giáo cho tiến trình hòa bình Đông Nam Á.....	114
Thích Nguyên Hạnh	
Tìm hiểu <i>Phật tâm ca</i> của Tuệ Trung thượng sĩ và <i>Chứng đạo ca</i> của Huyền Giác	115
Thích Phước Đạt.....	
Quan hệ giữa thiền sinh học, thiền tôn giáo và thiền học nghệ thuật nhìn từ cơ sở minh triết phương Đông.....	115
Võ Phước Lộc	
PHỤ LỤC: TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN TRẦN TRƯỜNG KHÁNH	
TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐÀI LOAN VỪA ĐƯỢC XUẤT BẢN TẠI VIỆT NAM	
Hồi âm từ phương Nam.....	119
Huỳnh Như Phương	

Độc nhà văn Đài Loan Trần Trường Khánh, cảm tấm lòng nhân ái sâu sắc	122
Trần Lê Hoa Tranh	
Trần Trường Khánh và những thân phận Kim Môn	125
Nguyễn Đình Minh Khuê	

**Diễn văn khai mạc Hội thảo Quốc tế
“Việt Nam - giao lưu văn hoá tư tưởng Đông Á”**

TS. Phan Thanh Định

Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Kính thưa quý vị quan khách, quý giáo sư, các nhà nghiên cứu

Kính thưa Chư tôn đức Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Thưa toàn thể Hội thảo

Hôm nay Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG-HCM chúng tôi diễn ra một hoạt động học thuật rất quan trọng, đó là Hội thảo khoa học Quốc tế **“Việt Nam - giao lưu văn hoá tư tưởng Đông Á”**.

Hội thảo ngày hôm nay, chúng tôi vinh hạnh đón tiếp các vị khách quý, quý giáo sư, các nhà nghiên cứu đến từ những trường đại học, những viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Tôi xin thay mặt Ban Giám hiệu Nhà trường, Ban tổ chức Hội thảo gửi lời chào nồng nhiệt, lời cảm ơn chân thành đến quý vị có mặt trong buổi Hội thảo hôm nay.

Kính thưa quý vị

Dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam nằm trong cơ tầng văn hóa Đông Nam Á bản địa, và về mặt vị trí địa lý, Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á, nhưng lại nằm giữa bán đảo Trung - Ấn, nơi tồn tại hai nền văn hóa văn minh vĩ đại thời cổ trung đại là Ấn Độ và Trung Quốc. Vì thế, ngay từ thời cổ đại, bên cạnh giao lưu văn hóa với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam còn có sự giao lưu và chịu ảnh hưởng văn hóa tư tưởng Ấn Độ, tiếp theo là giao lưu và chịu ảnh hưởng văn hóa tư tưởng Trung Hoa. Sang thời cận hiện đại, việc giao lưu văn hoá trong khu vực Đông Á càng được mở rộng trên nhiều bình diện khác nhau và ngày càng gắn bó, nhất là trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hoá. Quá trình giao lưu văn hóa tư tưởng giữa Việt Nam với các quốc gia Đông Á diễn ra với những mức độ khác nhau, trong những thời điểm, điều kiện lịch sử đặc thù.

Để làm rõ các phương diện lý thuyết và thực tiễn của mối quan hệ, giao lưu tư tưởng văn hoá giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Á, đồng thời cũng là dịp để tạo diễn đàn giao lưu nghiên cứu học thuật giữa trường chúng tôi và các trung tâm, trường đại học trong khu vực, thế giới, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh quyết định tổ chức Hội thảo khoa học này. Hội thảo mong muốn lắng nghe những phát biểu mang tính chuyên sâu từ các nhà nghiên cứu với các chủ điểm: Văn học Việt Nam giao lưu với văn học Đông

Á; Văn hoá tư tưởng Việt Nam giao lưu với văn hoá tư tưởng Đông Á; Phật giáo Việt Nam giao lưu với Phật giáo Đông Á. Những vấn đề này sẽ góp phần đẩy mạnh sự hiểu biết về văn học, văn hoá tư tưởng của Việt Nam và các nước Đông Á, tạo tiền đề cho sự giao lưu hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, văn hoá hiện tại và tương lai.

Xin cảm ơn quý vị giáo sư, các học giả, nhà nghiên cứu đã quan tâm gửi bài và dành thì giờ đến tham dự Hội thảo. Chúng tôi cũng được biết nhiều vị đã và đang cộng tác với Trường chúng tôi trong nghiên cứu và đào tạo, tuyển dụng nhân sự nhiều năm qua. Xin mượn diễn đàn này, tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý vị và hy vọng rằng Trường chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác và giúp đỡ quý báu từ quý vị.

Cám ơn Khoa Văn học, Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo đã có sáng kiến đề xuất và tổ chức chu đáo Hội thảo này. Cảm ơn sự ủng hộ tài lực của chư tôn thiên đức thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Cảm ơn các cán bộ nhân viên các phòng ban, trung tâm và các anh chị sinh viên, học viên sau đại học trong Trường đã góp sức chuẩn bị cho Hội thảo.

Tôi long trọng tuyên bố Hội thảo khoa học quốc tế “Việt Nam – giao lưu văn hoá tư tưởng Đông Á” chính thức khai mạc.

Xin cảm ơn và chúc sức khoẻ quý vị.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 11 năm 2019

**VĂN HỌC VIỆT NAM:
GIAO LƯU VÀ SO SÁNH VỚI VĂN HỌC ĐÔNG Á**

**Sông nước Quế Lâm trong thơ văn đi sứ Việt Nam –
Đối thoại xuyên quốc gia của các trí thức truyền thống hai nước
Việt - Trung dưới góc nhìn văn hoá Đông Á
東亞文化視域下的中越傳統知識精英的跨國對話
——越南燕行詩文中的桂林山水**

**A Study on Transnational Dialogues between Chinese and Vietnamese
Traditional Intelligentsia from A Cultural Perspective of East Asia;
Guilin Landscape in the Poetry by Vietnamese Envoys**

陈国保 / Chen Guo-Bao

GS. - Viện Nghiên cứu Việt Nam, Trường Đại học Sư phạm Quảng Tây
Institute of Vietnamese Studies, GXNU, China
廣西師範大學越南研究院

Thời cổ đại, các quốc gia Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản đều thuộc vùng văn hoá chữ Hán Đông Á. Các trí thức truyền thống của hai nước Việt – Trung đều có tinh thần dung văn chương để tải đạo và truyền đời. Sông nước Quế Lâm không những thu hút các văn nhân Trung Quốc đề thơ để lại những áng văn chương hay, mà còn thu hút cả những sứ thần Việt Nam yêu thích đề vịnh thành những bài thơ lưu truyền trong lịch sử. Quế Lâm là địa điểm quan trọng trên con đường đi sứ của các sứ thần Việt Nam, cũng là trung tâm văn hoá, kinh tế, chính trị của Trung Quốc. Các sứ thần Việt Nam trên đường đi sứ đã miêu tả và bình luận cảnh quan, nhân vật, văn hoá Quế Lâm và dẫn tác phẩm của văn nhân Trung Quốc. Vẻ đẹp thiên nhiên và phong tục ở Quế Lâm tạo cảm hứng sáng tạo cho các sứ thần làm thành một hoạt động độc đáo trên hành trình gian khổ đến Bắc Kinh. Những miêu tả về Quế Lâm trong thơ của các sứ thần Việt Nam là dấu hiệu của cuộc đối thoại xuyên quốc gia và chia sẻ văn hoá Nho giáo giữa giới trí thức truyền thống Trung Quốc và Việt Nam.

古代越南、朝鮮、日本等國家同屬東亞“漢字文化圈”。作為“書同文”的中越兩國傳統知識精英，文以載道、文以傳世也是他們共同的精神追求。馳名天下的桂林山水，不但吸引著無數的中國中原文人騷客駐足流連、揮毫潑墨，留下了大量的佳篇名句；也讓歷史上的一屆又一屆的越南燕行使臣醉心迷戀、激情詠懷，寫下了為數不少的紀詠詩文。作為中國清代廣西的政治、經濟、文化中心和繼友誼關之後清朝接待越南使臣的又一重要網站，桂林是越南燕行使臣入關以後北上途中所經的一個區域重鎮。越南使臣溯灘江而上，對桂林山水自然、人文景觀的描述和觀感，本于文以傳世的精神，往往通過援引中國文人雅士關於桂林風景的書寫與評價。桂林的奇山秀水、人情風物不僅極大的觸動了越南使臣燕行途中創作的激情和靈感，成為異國使臣漫長而艱辛的北上之路中的一縷清風；而且越南使臣桂林行程中對於沿途山水風光、地理風情的詩文描述，也是作為他者的異國使臣醉心華風的真情流露，是共享儒家文化傳統的中越兩國傳統知識精英

的跨國對話。

關鍵字：東亞 越南 使臣 燕行詩文 桂林

Ancient Vietnam, Korean and Japan belonged to a cultural circle of Chinese characters in East Asia. As a result, traditional intelligentsia in both China and Vietnam shared some common spiritual pursuits, such as expressing thoughts through literary works. The world-famous Guilin Landscape did not only attract Chinese literati to visit and record, but also tempted Vietnamese envoys to make poems and painters. As a regional political, economic and cultural center in Guangxi during Qing Dynasty, Guilin was another place to host Vietnamese envoys in addition to Youyi-Guan, as well as an important town on envoy's way northward to Beijing. Traveling on the Li River, the Vietnamese envoys expressed their feelings on both natural landscape and human landscape of Guilin. They referred frequently to the works by Chinese literati. Similarly, these Vietnamese envoys regarded China as home, although they were foreigners. Natural beauty and regional customs in Guilin inspired of these Vietnamese envoys to write and compose, these activities formed a unique part of their lives on the way to Beijing. The description of Guilin in the poetry by these envoys was a sign of transnational dialogues between Chinese and Vietnamese traditional intelligentsia.

Keywords: East Asia, Vietnam, envoys, envoy poetry, Guilin

**Phát hiện mới về thơ khắc bia của sứ thần Việt Nam ở Trung Quốc:
Khảo sát tại miếu Trọng Phu Tử ở Tế Ninh, Sơn Đông**
**New discovery about stele poetry written by Vietnamese ambassadors
to China: A study in Zhong Fu Zi Temple in Jining, Shandong**

陳益源 / CHEN YI-YUAN (Trần Ích Nguyên)*

GS. - Đại học Quốc lập Kim Môn, Đài Loan

Prof. - National Quemoy University, Taiwan

Qua điều tra nghiên cứu của chúng tôi, trên hành trình đi sứ sang Trung Quốc đời nhà Thanh, các đoàn sứ thần Việt Nam ít nhất đã từng đề thơ khắc bia ở 8 nơi là: chùa Tương Sơn (Quế Lâm, Quảng Tây), chùa Phi Lai (Thanh Viễn, Quảng Đông), vườn bia Ngô Khê (Kỳ Dương, Hồ Nam), gác Đăng Vương (Nam Xương, Giang Tây), miếu Nhạc Vương (Thang Âm, Hà Nam), đền Lã Tiên (Hàm Đan, Hà Bắc), miếu Mạnh Tử (huyện Trâu, Sơn Đông), miếu Trọng Phu Tử (Tế Ninh, Sơn Đông). Số thơ văn của sứ giả Việt Nam lưu lại Trung Quốc không chỉ có giá trị to lớn cho việc khai quật, hiệu đính, bổ sung vào kho tàng thơ văn đi sứ Việt Nam, mà từ đó còn cho ta thấy được thái độ, quan điểm của văn nhân Việt Nam đối với văn hóa tư tưởng Trung Hoa, cũng như sự ảnh hưởng của văn hóa tư tưởng Trung Hoa đến văn nhân Việt Nam.

Tiếp theo những phát hiện năm 2017 về 6 tấm bia khắc thơ của sứ thần Việt Nam hiện còn ở miếu Nhạc Vương (Thang Âm, Hà Nam), bài viết này cũng là những phát hiện mới của chúng tôi sau đợt điều tra điền dã tại miếu Trọng Phu Tử (Tế Ninh, Sơn Đông) vào ngày 15/1/2018. Đó là phát hiện nơi này còn giữ 3 tấm bia khắc thơ của sứ thần Việt Nam dưới thời Khang Hy nhà Thanh, lần theo manh mối tìm thấy thêm 27 bài thơ văn đi sứ Việt Nam của 21 vị sứ thần khác nhau được ghi chép trong *Trọng Lí chí* (仲里志) và *Tế Ninh kim thạch chí* (濟寧金石志). Nhiều sứ thần Việt Nam có thể lập bia khắc thơ ở Trung Quốc như vậy, đều có liên quan đến sự trọng thị của người quản lý các ngôi miếu. Thế nên, chúng tôi gợi ý giới học thuật quan tâm đến một phương hướng nghiên cứu mới, đó là điều tra mở rộng thêm các gia miếu, từ đường, di chỉ nhà ở của danh nhân các nơi ở Trung Quốc mà sứ thần Việt Nam từng lui tới viếng thăm. Hy vọng trong tương lai sẽ có cơ hội thu thập được càng nhiều thành quả văn học Việt Nam còn sót lại trên đất Trung Quốc.

Từ khóa: Việt Nam, sứ thần, thơ khắc bia, miếu Trọng Phu Tử ở Tế Ninh

* Giáo sư danh dự Khoa Văn học Trung Quốc, Đại học Quốc lập Thành Công; Viện trưởng Học viện Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc lập Kim Môn, Đài Loan. Bài viết này là một trong những thành quả nghiên cứu thuộc dự án nghiên cứu của Bộ Khoa học Kỹ thuật Đài Loan “Khảo sát và nghiên cứu hoạt động lập bia khắc thơ của sứ thần Việt Nam ở Trung Quốc đời nhà Thanh” (mã số: MOST 106-2410-H-006-071-MY2) mà chúng tôi đang thực hiện.

Our research shows that, on their diplomatic trips to China during the Qing Dynasty, Vietnamese ambassadors left poems on steles in at least 8 places: Jianshan Temple (Guilin, Guangxi), Feilai Temple (Qingyuan, Guangdong), Wuxi Forest of Steles (Qiyang, Hunan), Tengwang Tower (Nanchang, Jiangxi), Yuefei Temple (Tangyin, Henan), Luxian Temple (Handan, Hebei), Mengzi Temple (Zoucheng, Shandong), and Zhong Fu Zi Temple (Jining, Shandong). The discovery of Vietnamese stele writings left in China not only helps to enrich Vietnamese literature but also reveals more about Vietnamese scholars' opinions and attitudes towards Chinese culture and ideology and about Chinese influence on Vietnamese scholars. After 6 steles engraved with poems of Vietnamese ambassadors discovered in the Yuefei Temple (Tangyin, Henan), we discovered 3 similar steles in the Zhong Fu Zi Temple (Jining, Shandong) during our fieldtrip on January 15th, 2018. Those poems were written by Vietnamese ambassadors to China during the Kangxi period (Qing Dynasty). They provided us with more information to find out 27 more poems of 21 Vietnamese ambassadors recorded in the two books *Zhong Li Zhi* (仲里志) and *Jining jin shi zhi* (濟寧金石志). The fact that Vietnamese ambassadors had their own poetic steles in those temples indicates the temple keepers' love and appreciation for literature. We suggest a new research direction of examining family temples, family worship halls, and houses of prominent Chinese people whose hometowns might have been visited by Vietnamese ambassadors.

Keywords: Vietnam, ambassador, stele, Zhong Fu Zhi, Jining

**Bước đầu tìm hiểu biểu tượng hòn Vọng Phu
trong văn học các nước Đông Á (Nghiên cứu so sánh trường hợp
Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản)
The symbol of “hon vong phu” in literature of East Asian countries**

Đào Thị Hồ Phương

ThS. – Đại học Bình Dương/ MA. - Binh Duong University

Email: phuong39vn@yahoo.com

Trong khu vực Đông Á, các nước Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản đều chịu ảnh hưởng khá đậm nét từ nền văn hóa Trung Hoa. Văn học cũng không ngoại lệ. Biểu tượng hòn Vọng Phu đã “hiện diện” ở trong rất nhiều tác phẩm văn học ở Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản. Bài viết này từ góc độ so sánh tìm hiểu biểu tượng hòn Vọng Phu trong văn học các nước Đông Á, với những điểm giống và khác nhau ở mỗi nước trong quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa.

Từ khóa: Hòn Vọng Phu, văn học Đông Á, giao lưu, tiếp biến văn hóa.

In the East Asia region, Vietnam, Korea and Japan were all strongly influenced by the Chinese culture and literature. The image of “hon vong phu” (waiting-for-husband statue) appears in many literary works of China, Vietnam, Korea, and Japan. This article studies how similarly and differently this image was presented in the literatures of those countries as a result of the cultural exchange and adaptation process.

Keywords: Hon vong phu, East Asian literature, cultural exchange

Saikaku và Basho trong nền văn học thời Edo **Saikaku and Basho in Edo literature**

Đào Thị Hồ Phương

ThS – Đại học Bình Dương /MA. - Binh Duong University

Email: phuong39vn@yahoo.com

Người ta nói rằng văn hóa Genroku và văn hóa, văn học thời Edo được bắt đầu bởi Ihara Saikaku, được bổ sung bởi Matsuo Basho và hoàn thành bởi Chikamatsu Monzaemon. Đặc biệt, Saikaku và Basho được xem như là hai đối thủ của nhau. Giữa Saikaku và Basho có những điểm tương đồng cũng như có nhiều điểm khác biệt thú vị. “Trận chiến” của họ đã làm thay đổi “cán cân” của văn học Nhật Bản. Bài viết này bước đầu tìm hiểu và so sánh Saikaku và Basho trong nền văn hóa, văn học thời Edo.

Từ khóa: Saikaku, Basho, văn học Edo, văn hóa Genroku

It is said that Genroku culture, as well as Edo culture and literature, was initiated by Ihara Saikaku, developed by Matsuo Basho and perfected by Chikamatsu Monzaemon. Interestingly, Saikaku and Basho were rivals in love and literature, but they still shared many similarities. Their “battle” made a noticeable change in the direction of Japanese literature. This article compares Saikaku’s and Basho’s opinions and achievements in the context of Edo culture and literature.

Keywords: Saikaku, Basho, Edo literature

**Khảo sát việc cải biên *Tam quốc diễn nghĩa*
thành tác phẩm cải lương tại Việt Nam**
Examining the adaptation of *Romance of The Three Kingdoms* to Cai Luong

Đặng Ngọc Ngân

ThS. - Trường THPT Phạm Phú Thứ, TP.HCM

MA. - Pham Phu Thu High School, HCM City

Email: ngocngan121291@gmail.com

Vấn đề cải biên tác phẩm văn học thành các loại hình nghệ thuật khác nói chung, trong đó có nghệ thuật sân khấu vẫn là một hướng nghiên cứu mới mẻ. Qua bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát việc cải biên tác phẩm tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc trên sân khấu cải lương Việt Nam, cụ thể là trường hợp *Tam Quốc diễn nghĩa*, tác phẩm vốn đã được cải biên thành hàng chục tác phẩm cải lương với việc cải biên từ cốt truyện, nhân vật, sự kiện,...

Từ khóa: Cải biên, *Tam Quốc diễn nghĩa*, nghệ thuật Cải lương, sân khấu Cải lương.

The adaptation of literary works to other art forms, including theatre, is still a new domain for researching. This paper examines the process of adapting classic Chinese novels to Cai Luong (renovated theatre), a Vietnamese traditional art form, through the case of *Romance of The Three Kingdoms*.

Keywords: Adaptation, *Romance of the Three Kingdoms*, theatre, Cai Luong

**Phương thức xây dựng nhân vật từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc
đến sân khấu cải lương Việt Nam**

**Character development:
from Chinese classical novel to Vietnamse Cai Luong**

Đặng Ngọc Ngân

ThS. - Trường THPT Phạm Phú Thứ, TP.HCM

MA. - Pham Phu Thu High School, HCM City

Email: ngocngan121291@gmail.com

Ở Việt Nam, có nhiều tác phẩm cải lương được cải biên từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Nhiều nhân vật quen thuộc trong tiểu thuyết Trung Quốc đã trở nên sống động trên sân khấu cải lương Việt Nam. Bài viết tìm hiểu về phương thức xây

dựng hình tượng nhân vật từ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc đến sân khấu cải lương Việt Nam, qua đó nhận diện những đặc điểm tương đồng và dị biệt trong quá trình cải biên này.

Từ khóa: Hình tượng nhân vật, tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc, cải lương Việt Nam

Many works of Cai Luong (renovated theatre), a Vietnamese traditional form, were adapted from Chinese classical novels. Many familiar characters in Chinese classical novels have come alive on the Cai Luong stage. This article studies how similarly and differently those characters were developed in both Chinese classical novels and Cai Luong works.

Keywords: Character, Chinese classical novel, Vietnamese Cai Luong

Hình tượng ẩn giả trong thơ chữ Hán Nguyễn Du
Hermit image in Nguyen Du's Sinographic poems:
An explanation from classical Chinese poetry

Đinh Thị Hương

TS. - Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông

PhD. - Post and Telecommunication Institute of Technology

Email: huongdt1277@gmail.com

Lê Sỹ Điền

TS. - Trung cấp Kỹ thuật Nghiệp vụ Sông Hồng

PhD. - Song Hong College of Technology and Service

Email: diencdvp@gmail.com

Hình tượng ẩn giả xuất hiện nhiều trong thơ cổ điển Trung Quốc và Việt Nam. Trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du cũng có hình tượng này. Nghiên cứu này góp phần lý giải hình tượng ẩn giả trong thơ Nguyễn Du trên cơ sở liên hệ với văn học Trung Quốc. Ẩn giả có thể sống trên núi cao, trong rừng sâu, chốn thôn dã hay ngao du sông nước. Dù ẩn giả trong thơ Nguyễn Du là hình ảnh trực tiếp hay gián tiếp của ông, ta cũng thấy qua đó đặc điểm con người vừa nhân đức vừa trí tuệ, vừa tĩnh lại vừa động, sự mong muốn được sống hòa mình với thiên nhiên, sự hành đạo và tu dưỡng tinh thần của ông. Ngoài ra, nghiên cứu này còn gián tiếp khơi gợi những cảm nhận thẩm mỹ trong một vài cảnh tượng nghệ thuật, nhận biết những dấu hiệu hình ảnh thể hiện cuộc sống ẩn dật của con người, đồng thời tiếp nối những nghiên cứu đa dạng về thiên tài văn học Nguyễn Du.

Từ khóa: Thơ chữ Hán, Nguyễn Du, ẩn giả, thơ cổ điển Trung Quốc

The image of hermit appeared frequently in classical Chinese and Vietnamese poetry. Nguyen Du's Sinographic poems also mentioned or described characters who led a reclusive life. The hermit could live alone in the woods or mountains, taking adventures along rivers or in the countryside, leading a life without political restrictions or social obligations. Either explicitly or implicitly referring to Nguyen Du himself, the image of hermit in his poems indicates his honorable virtues and profound knowledge, reveals his desire to live in harmony with nature, nurture the spirit, and practice religious belief. This study analyzes the hermit image in several Sinographic poems of Nguyen Du in comparison to classical Chinese literature in the hope to inspire readers' aesthetic sense for reclusive life and enrich the studying of the talented writer Nguyen Du.

Keywords: Nguyen Du's poems in Chinese characters, hermit sleeping in cloud, classical Chinese poetry

Thiền sư Tuệ Thâm – gương mặt lạ mà quen Zen master Hyesim – a strange but familiar figure

Đoàn Thị Thu Vân

PGS. TS. - Đại học Sư phạm TPHCM

PhD. Assoc. Prof. - Ho Chi Minh City University of Pedagogy

Email: utcungtv@yahoo.com

Thiền sư Tuệ Thâm (1178-1234) sinh vào thời Goryeo, là một danh tăng của Hàn Quốc. Ông là một gương mặt lạ mà quen đối với người đọc Việt Nam. Lạ, bởi vì ông là một nhà thơ nước ngoài. Nhưng như đã từng gặp gỡ và quen thuộc, bởi ông gần như cùng thời đại với các nhà thơ thiền thời Lý - Trần của Việt Nam, thời đại mà ở cả hai nước, Phật giáo được xem là quốc giáo. Ở đó, thơ thiền Tuệ Thâm phản ánh ý vị Tam giáo đồng nguyên của thơ thiền đời Trần, cảm hứng phiêu du giữa thế gian của Tuệ Trung thượng sĩ, cảm xúc tinh tế trước thiên nhiên của Trần Nhân Tông và trạng thái tự tại trong cô liêu của Huyền Quang.

Từ khóa: Tuệ Thâm, văn học Hàn Quốc, thơ thiền

Zen master Hyesim (1178 - 1234), born in the Goryeo Dynasty, was a famous Korean monk. He is a strange but also familiar face to Vietnamese readers, strange because he is a foreign poet, familiar because he lived in the same time span with the Ly-Tran period of Daiviet (present-day Vietnam), during which Zen Buddhism reached its fullest blossom and was considered the national religion, producing the

most famous Zen Masters over the entire national history. Hyesim's Zen poetry was similar to Zen poetry of the Tran Dynasty in the notion that Confucianism, Buddhism and Taoism shared the same origin. It also met Tue Trung's inspiration of traveling around the world, Tran Nhan Tong's delicate feeling about nature, and Huyen Quang's state of freedom in solitude.

Keywords: Hyesim, Zen master, Zen poetry

**Sự giao lưu văn hóa thiền trong thơ thiền Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam
qua hai tác phẩm *Cảnh Đức truyền đăng lục* (景德傳燈錄) (Trung Hoa)
và *Thiền uyển tập anh* (禪苑集英) (Việt Nam)**

**The cultural exchange in Indian, Chinese, and Vietnamese Zen poetry
in *Jing De chuan deng lu* and *Thien uyen tap anh***

Huỳnh Quán Chi

TS. - Đại học Tiền Giang/ PhD. - Tien Giang University

Email: huynhquanchi@gmail.com

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

ThS. - Đại học Tiền Giang/ MA. - Tien Giang University

Email: nguyenthimyhạnh@tgu.edu.vn

Thiền như là một yếu tố đặc biệt trong cái nôi văn hóa Ấn Độ, lan tỏa khắp nơi và không ngừng. Ở từng quốc gia, sự tiếp nhận yếu tố văn hóa này làm nên những ảnh hưởng văn hóa khác nhau tùy vào văn hóa bản địa của họ. Thiền đã đến Trung Hoa, Việt Nam... Hai tác phẩm *Cảnh Đức truyền đăng lục* và *Thiền uyển tập anh* không chỉ cho thấy lịch sử Thiền ở Trung Hoa, Việt Nam mà còn ít nhiều cho thấy chiếc cầu nối Thiền từ Ấn Độ đến Trung Hoa, Việt Nam. Hai tác phẩm này còn lưu giữ nhiều thơ (kệ) thiền của cả ba nước: Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam. Nghiên cứu thơ (kệ) thiền của ba nước qua hai tác phẩm cũng là tìm hiểu những cung bậc khác nhau về giao lưu văn hóa Thiền trong văn học khu vực Đông Á.

Từ khóa: Thơ thiền, văn hóa Thiền, giao lưu văn hóa

Zen is considered a special element in the cradle of Indian culture, which has been spread out and continuously developed. In each country, the reception of this cultural element has led to different cultural influences depending on each culture. Zen has come to China, Vietnam and so on. *Jing De chuan deng lu* (景德傳燈錄 The transmission of the lantern) and *Thien uyen tap anh* (禪苑集英 Collection of outstanding figures of the Zen garden) not only show the history of Zen in China and

Vietnam respectively but also more or less indicate the connection between Zen from India and Zen in China and Vietnam. These two works also contain a lot of Zen poems of the three countries: India, China and Vietnam. Studying the poetry of the three countries through the two works is also the exploration of the different levels of Zen cultural exchange in East Asian literature.

Keywords: Zen poetry, Zen culture, cultural exchange.

Tiếp nhận chủ nghĩa hiện đại ở Việt Nam trong bối cảnh văn học Đông Á

Reception of modernism in Vietnam in the context of East Asian literature

Kiều Thanh Uyên

TS - Trường Đại học Đà Lạt

PhD. - Faculty of Literature and Cultural Studies, Da Lat University

Email: uyenkt@dlu.edu.vn

Chủ nghĩa hiện đại xuất hiện nhằm đáp ứng nhu cầu tìm kiếm cách thức diễn đạt mới trong nghệ thuật vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Không chỉ ảnh hưởng mạnh mẽ ở phương Tây mà trào lưu chủ nghĩa hiện đại còn lan rộng đến nhiều khu vực khác, đặc biệt là Đông Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên và Việt Nam) đang trong giai đoạn hiện đại hóa văn hóa nghệ thuật vào nửa đầu thế kỷ XX. Bài nghiên cứu này nhằm khảo sát bối cảnh tiếp nhận cũng như vận dụng chủ nghĩa hiện đại ở Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực văn học Đông Á.

Từ khóa: Chủ nghĩa hiện đại, văn học Đông Á, sự tiếp nhận, Việt Nam

Modernism arose in response to the demand of finding new way to express arts during the late 19th and early 20th centuries. Not only did modernism make a strong influence in the West but it also spread to other areas, especially to East Asian countries such as China, Japan, Korea and Vietnam during their period of modernizing arts and culture in the early 20th century. This paper examines the Vietnamese context in which modernism has been received and applied in comparison to the broader picture of East Asian literary area.

Keywords: Modernism, East Asian literature, reception, Vietnam

**Yếu tố dân gian và tâm linh
trong truyện “Chuyện kể về phu nhân Suro” (*Tam quốc di sự*) của Hàn Quốc
và “Chuyện đối tụng ở Long cung” (*Truyện kỳ mạn lục*) của Việt Nam
Folkloric and spiritual elements
in Korea’s “The story of Lady Suro” (*Samguk Yusa*)
and Vietnam’s “The trial at the Dragon King’s palace” (*Truyen ky man luc*)**

La Duy Tân

ThS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP.HCM

MA. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: duytan.kr@hcmussh.edu.vn

Tham luận tổng hợp hiểu biết về văn hóa và lịch sử của hai quốc gia Hàn Quốc và Việt Nam trong tìm hiểu các yếu tố dân gian và tâm linh thông qua việc phân tích chi tiết tương đồng và khác biệt trong cách kể chuyện của hai tác phẩm. Qua đó, tham luận giúp người đọc hiểu rõ hơn về cách người Hàn Quốc và người Việt Nam nhìn nhận và tư duy trong tương quan văn hóa Hán tự với các hiện tượng tự nhiên trong xã hội cổ xưa. Đặc biệt, thông qua phân tích hai tác phẩm với những yếu tố kì ảo, người đọc có thể quan sát được sự tồn tại và vai trò của người phụ nữ ẩn sâu bên trong hai tác phẩm.

Từ khóa: Yếu tố dân gian, *Truyện kỳ mạn lục*, *Tam quốc di sự*

From the comparative view on Korean and Vietnamese cultures and histories, this paper analyzes folkloric and cultural elements in the Korean tale “The Story of Lady Suro” (*Samguk yusa*) and the Vietnamese tale “The Trial at the Dragon King’s Palace” (*Truyen ky man luc*) to provide more insight into how ancient-time Korean and Vietnamese people perceived natural phenomena within the Sino-cultural sphere. The analysis specifically focuses on magical elements in the two tales, which may reveal women’s position and significance in the two bygone societies.

Keywords: *Samguk Yusa*, *Truyen ky man luc*, Korea, Vietnam

**Bước đầu tìm hiểu, so sánh một vài motif
trong truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc**
Compare some motifs in Vietnamese and Korean fairy tales

Lê Diễm Quỳnh
CN. HVCH - Khoa Văn học
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM
MA. student - Faculty of Literature,
University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
Email: diemquynhussh@gmail.com

Qua việc tìm hiểu truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc, chúng tôi nhận thấy có nhiều motif cùng xuất hiện trong truyện cổ tích hai nước. Từ những motif tiêu biểu, bài viết nghiên cứu về tính dân tộc cũng như sự gặp gỡ giữa truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc, để từ đó, có được cái nhìn khái quát về những tương đồng và khác biệt trong văn hóa truyền thống của hai nước Việt - Hàn, góp phần thúc đẩy thêm sự giao lưu văn học của hai dân tộc trong quá trình giao lưu phát triển văn hóa xã hội.

Từ khóa: Truyện cổ tích, motif, tính dân tộc, giao lưu

Our studying Vietnamese and Korean fairy tales reveals many similar motifs. This article analyzes most-repeated motifs in those tales and further discusses similarities and differences in traditional, national characteristics of Vietnam and Korea to foster the mutual understanding and facilitate literary exchange between the two countries.

Keywords: Fairy tales, Vietnam, Korea, motifs

**Truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam
trong bối cảnh giao lưu khu vực Đông Á**
Vietnamese marvelous story in the context of literary exchange in East Asia

Lê Dương Khắc Minh
ThS. NCS. - Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam
MA. PhD. student - Graduate Academy of Social Sciences
Email: ongthonglinh@gmail.com

Truyện kỳ là một thể loại văn học vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc, sau đó lan tỏa nhanh chóng sang các nước trong khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam. Điều

đó đã tạo nên sự thống nhất trong đa dạng cho thể loại truyện kỳ của các nước. Các tác phẩm vừa mang những nét tương đồng về thể loại, bút pháp, thi pháp nhưng đồng thời cũng tạo nên màu sắc riêng, thể hiện bản sắc dân tộc từng quốc gia. Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo, cảm hứng thế sự và yếu tố dân gian bản địa là các yếu tố giúp truyện truyền kỳ trung đại Việt Nam mang màu sắc riêng biệt trong bối cảnh giao lưu, tiếp biến với văn học các nước trong khu vực Đông Á.

Từ khóa: Truyện truyền kỳ, trung đại, Việt Nam, giao lưu, bản sắc dân tộc

Marvelous story is a medieval literary genre that originated from China, then spread rapidly to other countries in East Asia, including Vietnam. This origin is the key connection of diverse marvelous stories of these countries. East Asian marvelous stories not only have similarities in genre, writing style, and poetic devices, but also indicate distinguished national identities. Patriotism, humanism, inspiration about life and native folk are the factors that put distinctive colors to Vietnamese medieval marvelous stories in the context of literary exchange in East Asia.

Keywords: Marvelous stories, medieval, Vietnam, exchange, East Asia region, national identity.

Cảm thức Tự nhiên trong quan niệm văn học cổ điển các nước thuộc khu vực văn hóa Đông Á **Sense of Nature (Ziran) in East Asian classic literature**

Lê Đắc Tường

TS. - Trường THPT Duy Tân-Kon Tum

PhD. - Duy Tan High School, Kon Tum

Email: ledactuong@gmail.com

Từ khi hình thành khu vực văn hóa Đông Á, văn học của Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam bên cạnh những đặc điểm riêng còn có những bước đi, tính chất, quy luật chung. Có nguồn gốc từ tư tưởng Thiên - Lão, Tự nhiên trở thành một nguyên tắc mỹ học trong văn học cổ điển của các nước thuộc khu vực văn hóa Đông Á. Thực tiễn sáng tác, quan niệm sùng thượng Tự nhiên chủ yếu là sự biểu hiện bên trong để di dưỡng tính tình, giữ gìn sự thanh sạch của tâm hồn, cao hơn là để thể hiện sự thấu triệt chân lý cuộc đời và hướng đến sự giác ngộ, đạt Đạo.

Những biểu hiện của Tự nhiên sẽ được làm sáng tỏ một phần qua việc nghiên cứu vấn đề: Cảm thức Tự nhiên trong quan niệm văn học cổ điển các nước thuộc khu vực văn hóa Đông Á.

Từ khóa: Thiên - Lão, Tự nhiên, văn học cổ điển

Since the very early days of the East Asian cultural area, Chinese, Korean, Japanese and Vietnamese literatures, besides forming their own distinctive features, have experienced similar developing steps and been governed by some similar principles. Originating from Zen Buddhism-Taoism, Nature (Ziran) has become an aesthetic key in classic literature of those East Asian countries. This paper examines how the sense of Nature was expressed in classic literary works of different countries in the East Asian cultural area.

Keywords: Zen Buddhism-Taoism, Nature, classic literature

**Văn học kỳ ảo đương đại Việt Nam
trong mối quan hệ với văn học đại chúng các nước Đông Á
Vietnamese contemporary fantasy literature in relationship
with popular literature of East Asian countries**

Lê Ngọc Phương

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: ngocphuongtm@yahoo.com

Những năm gần đây văn học kỳ ảo (Fantasy) nổi lên như một hiện tượng mang phong cách trẻ trung, sôi động, thu hút sự quan tâm của nhiều cộng đồng độc giả. Dòng văn học kỳ ảo mang đến một thế giới mới lạ với nhiều yếu tố kỳ bí, giàu trí tưởng tượng, đưa người đọc bước vào những câu chuyện hấp dẫn của phép thuật, năng lực siêu nhiên, những cuộc phiêu lưu, những sinh vật kỳ lạ. Tuy nhiên, là một hiện tượng trẻ, đến nay văn học kỳ ảo chưa được nghiên cứu ở mức độ công phu và xứng đáng ở Việt Nam. Theo chúng tôi, nếu tìm hiểu hiện tượng này trong mối quan hệ tương tác với văn học/ văn hóa đại chúng các nước khu vực Đông Á thì chúng ta sẽ tìm thấy nhiều phát hiện thú vị.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một số vấn đề chính như: khái niệm văn học kỳ ảo, sự du nhập của văn học kỳ ảo nước ngoài vào thị trường Việt Nam, sự xuất hiện của thể loại văn học này trong sinh quyển văn học đương đại Việt Nam. Ngoài ra, bài viết sẽ giới thiệu những thành tựu và đặc điểm riêng của văn học kỳ ảo đương đại nước ta.

Từ khóa: Văn học kỳ ảo, văn học đại chúng, đương đại

In recent years, fantasy literature has emerged as a youthful and vibrant phenomenon – attracting the attention of many reader communities. The fantasy literature expressed unusual worlds with many mysterious and imaginative elements, brought readers into the fascinating stories about supernatural powers, adventures, strange creatures. However, as a new phenomenon, fantasy literature has not been studied meticulously. In our opinion, if we study this phenomenon in interactive relationship with popular literature / popular culture of East Asian countries, we will find many interesting discoveries.

In this article, we will present some main issues, such as: the conception of fantasy literature, the introduction of foreign fantasy literature in Vietnam, the appearance of this literary genre in Vietnam's contemporary literature. Besides, this article will introduce some achievements and specific characteristics of our contemporary fantasy literature.

Keywords: Fantasy, popular literature, East Asia

**Phát hiện thêm thơ đi sứ Trung Hoa
của nhà thơ Nam bộ Vương Hữu Quang
New discoveries of ambassador poetry to China written
by South Vietnamese poet Vương Hữu Quang**

Lê Quang Trường

PGS. TS. - Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof. - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: lequangtruongdn@gmail.com

Vương Hữu Quang 王有光, đại thần triều Nguyễn, tự Dụng Hối 用晦, hiệu là Tế Trai 濟齋, gốc người Minh Hương, tổ quán ở phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến. Ông sinh ra trên vùng đất Nam Bộ Việt Nam, tại thôn Tân Đức, huyện Tân Long, trấn Phiên An, tỉnh Gia Định. Ông từng từng giữ nhiều trọng trách trong triều đình và ở nhiều địa phương khác nhau từ bắc vào nam, từng đi sứ Trung Quốc vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) và năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Tài học của Vương Hữu Quang còn thể hiện qua việc ông được cử làm giám khảo trường thi Hà Nội (1842), trường thi Thừa Thiên (1852), duyệt quyền trong kỳ thi Đình (1847). Thế nhưng cho đến nay, độc giả ở Việt Nam vẫn còn xa lạ với Vương Hữu Quang bởi tác phẩm của ông vốn ít ỏi lại ít được tìm thấy. Trước mắt, chỉ mới tìm thấy 2 tác phẩm thơ khắc bia của

Vương Hữu Quang còn tồn tại ở Trung Quốc. Một bài thơ vô đề khắc bia ở Ngô Khê do TS. Nguyễn Đông Triều và TS. Phan Mạnh Hùng giới thiệu trên tạp chí *Xưa và nay* từ tư liệu *Hồ Tương bi khắc* 湖湘碑刻; một bài khác của Vương Hữu Quang là *Yết Thang Âm Nhạc Trung Vũ Vương miếu* do GS Trần Ích Nguyên công bố tại Việt Nam trong buổi tọa đàm do Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, ĐH XHNV TP HCM tổ chức và trong các bài báo của ông. Trong khi đọc tư liệu thơ văn đi sứ Việt Nam trong bộ *Việt Nam Hán văn Yên hành văn hiến tập thành*, người viết bài này phát hiện thêm thơ của Vương Hữu Quang, vì vậy bài viết tập trung giới thiệu thêm các tác phẩm thơ khác của Vương Hữu Quang để bổ sung vào số sáng tác vốn ít ỏi mà lại bị thất lạc của một nhà thơ xứ Nam Bộ.

Từ khoá: Vương Hữu Quang, nhà thơ Nam Bộ, thơ đi sứ

Vuong Huu Quang 王有光, with courtesy name Dung Hoi 用晦 and poetic name Te Trai 濟齋, was a great mandarin of the Nguyen Dynasty. He was born in Tan Duc Village, Tan Long District, Phien An Province, into a family of the Ming Dynasty immigrants who originated from Cangzhou County, Fujian Province. He held many important positions in the imperial court across various localities and went to China for diplomatic duties twice in the 5th year (1845) and 7th year (1847) of Thieu Tri Emperor. He was appointed an examiner in the provincial imperial examinations organized in Hanoi in 1842, Thua Thien in 1852, and in the national imperial examination in 1847. However, Vuong Huu Quang is quite unfamiliar to Vietnamese modern readers because he wrote very little, most of which got lost during time. Only two stele poems of his have been rediscovered, one engraved on a stele in Wuxi (China), which Nguyen Dong Trieu and Phan Manh Hung introduced in the *Xua va Nay* journal, and the other under the title *Yet Thang Am Nhạc Trung Vu Vương miếu* being introduced by Chen Yi Yuan in a conference in VNU-HCM, Vietnam. This article introduces a few more poems of Vuong Huu Quang recorded in *Viet Nam Han van Yen hanh van hien tap thanh*, which we have recently rediscovered, to enrich our knowledge about this talented but mostly forgotten writer of Southern Vietnam.

Keywords: Vuong Huu Quang, South Vietnamese poet, ambassador poetry

**Vũ trung tùy bút - Tư thái trước tác của tác giả
và tính cách thể loại của tác phẩm**
Vu trung tuy but – writing mindstate of author and characteristics of genre

Lê Thời Tân

PGS. TS. - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội /

PhD. Assoc. Prof. - Thu Do University

Email: lethoitannvu@gmail.com

Nguyễn Hồng Hạnh

ThS. - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội / MA. - Thu Do University

Bài viết nêu quan điểm cho rằng *Vũ trung tùy bút* là một văn tập tập hợp các thiên tản văn viết rải rác đây đó tản mạn qua năm tháng để sau cùng được “kết tập” lại dưới một nhan đề chung nhằm tới việc khắc in thành “sách”. Kết tập thành sách này có tính cách là một tập “tùy bút” gồm trong nó cả ba yếu tố thuật kể, nghị luận thuyết minh và trữ tình biểu cảm.

Từ khóa: *Vũ trung tùy bút*, kết tập, trước tác, thể loại

This paper proves that *Vu trung tuy but* (雨中隨筆 Notes written in the rain) by Pham Dinh Ho (范廷琥 1768-1839) was a collection of articles written infrequently over time and then gathered to be block-printed into a book under a shared title. Those collected articles were “written freely” (literal meaning of “tuy but” in Vietnamese) and contain three elements: factual narration, rational discussion, and emotional description.

Keywords: *Vu trung tuy but*, write freely, collection, genre

Hiện tượng dịch văn hóa trong *Xuân thu nhã tập*
Cultural translation in *The Elegant Collection of Spring and Autumn*

Lê Thụy Tường Vi

ThS. - Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: vyofle@gmail.com

Homi Bhabha cho rằng trong khung văn hóa, quá trình dịch có chung một mô hình, gồm: du nhập, tiếp nhận hoặc loại thải, dịch văn hóa và cuối cùng tạo nên một

“không gian thứ ba” – nơi ngôn ngữ nguồn và đích có thể đối thoại với nhau. Gợi ý này rất đáng quan tâm trong trường hợp *Xuân thu nhã tập*. Trong bài viết dưới đây, chúng tôi khảo sát về ngôn ngữ trong các tuyên ngôn của *Xuân thu nhã tập* để chứng minh hai nội dung: thứ nhất, sự phục sinh những điển cố, điển tích trong các tuyên ngôn này; thứ hai, cuộc đối thoại văn hóa trong *Xuân thu nhã tập*. Qua hai nội dung này, chúng tôi đặt lại vấn đề rằng *Xuân thu nhã tập* không tiếp nhận mà xây dựng một “không gian thứ ba” để phương Đông tự định nghĩa mình.

Từ khóa: Dịch văn hóa, không gian thứ ba, *Xuân thu nhã tập*

Homi Bhabha argued that in a cultural framework, the translation process included: introduction, reception or disposal, cultural translation and finally, creating a “third space” - where the source language and the target language can make conversation. This suggestion is very interesting in the case of *The Elegant Collection of Spring and Autumn*. In the following article, we examined the language of the manifestoes in *The Elegant Collection of Spring and Autumn* in order to convince two points: firstly, the resurrection of the historical references and historical stories in these declarations; secondly, the cultural dialogues in *The Elegant Collection of Spring and Autumn*. In these two aspects above, we rejustified that *The Elegant Collection of Spring and Autumn* did not passively receipt the Western literary tendencies but actively built a “third space” where the East world could define itself.

Keywords: The third space, *The Elegant Collection of Spring and Autumn*, cultural translation

**Kỳ và thực trong nghệ thuật xây dựng nhân vật
của truyện kỳ ảo trung đại Việt Nam và Hàn Quốc
Fantasy and reality in the art of character building
in Vietnamese and Korean medieval fantasies**

Lê Văn Tấn

PGS. TS. - Học viện viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

PhD. Assoc. Prof. - Graduate Academy of Social Sciences, VASS

Email: tanlv0105@gmail.com

Kim Ki-Hyun

Pohang City, South Korea

Email: 1kimkihyun@gmail.com

Truyện kỳ ảo là một thể loại văn xuôi nghệ thuật độc đáo, thuộc văn học kỳ ảo, nằm trong hình thức tự sự trung đại, có quy mô nhỏ hoặc trung bình (về mặt dung

lượng số trang), có nội dung chuyện kể và/ hoặc có cốt truyện tương đối hoàn chỉnh; nhân vật được xây dựng và phản ánh theo phương thức tư duy chứa đựng yếu tố kỳ ảo... Truyện kỳ ảo trung đại từng bước vận động, phát triển, gắn với hư cấu và tưởng tượng, hướng đến việc thể hiện, khẳng định ý thức tự chủ, tự giác trong sáng tạo nghệ thuật của nhà văn trung đại Việt Nam và Hàn Quốc. Xét từ phương diện nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn hai nước, chúng tôi nhận thấy vấn đề sử dụng yếu tố kỳ và thực trong thể loại này có nhiều điểm khá lí thú. Đây chính là nội dung chính được chúng tôi đặt ra và bàn luận trong báo cáo này.

Từ khóa: Kỳ, thực, truyện kỳ ảo, văn học trung đại, Việt Nam, Hàn Quốc

Medieval fantasy is a unique narrative genre of medieval literature, short or medium in length, relatively complete in plot, with characters being created from magical thinking and carrying magical elements. Medieval fantasy in Vietnam and Korea, through depicting imaginative world, expressed the authors' perception of the real world they were living in. This article examines how Vietnamese and Korean medieval writers used and mixed fantastic and real elements in their narration.

Keywords: Medieval fantasy, Vietnam, Korea

Khảo luận về nhà thơ Thái Thuận và *Lã Đường di cáo thi tập*

越南诗人蔡顺及《吕塘遗稿诗集》考论

劉玉琚 / Liu Yu-Jun / Lưu Ngọc Quân

GS. - Khoa Trung văn, Học viện Nhân văn, Đại học Giao thông Tây Nam

西南交通大学人文学院中文系教授

Thái Thuận là một trong những nhà thơ quan trọng nhất trong lịch sử thơ ca Việt Nam, *Lã Đường di cáo thi tập* của ông cũng là một trong số ít tập thơ được viết bằng chữ Hán của triều Lê còn lại đến nay. *Lã Đường di cáo thi tập* xét về mặt thể thơ cho thấy thể thơ Đường luật cận thể mang tính độc tôn, đồng thời mang đặc điểm chung của sáng tác thơ ca triều Lê, phản ánh sự ảnh hưởng của chế độ khoa cử đối với các sáng tác văn học, bên cạnh đó còn chứng tỏ tính ứng dụng và tính hiệu quả của thơ chữ Hán Việt Nam. Thơ Thái Thuận học theo thơ Đường, thể hiện phong điệu thơ Đường mới mẻ. Những ý tượng như tuyết, nhận thường xuất hiện trong thơ nhưng lại không có ở Việt Nam có thể khiến cho chúng ta suy nghĩ sâu hơn về thi học so sánh giữa hai nước.

Từ khóa: Thái Thuận, *Lã Đường di cáo thi tập*, thất luật, thơ Đường, triều Lê

蔡顺是越南汉诗史上最重要的诗人之一，他的《吕塘遗稿诗集》亦是现今流传不多的黎朝汉语诗歌别集。《吕塘遗稿诗集》在体裁上具有独尊近体、专重七律的特点，同时这也是黎朝诗歌创作的共同特点，反映了科举制度对越南汉语文学创作的影响，并从一个侧面展现了越南汉诗主要功能的功利性和应用性。蔡顺的诗歌以摹唐为重，取法诸家，体现出较为鲜明的唐风情韵。他诗中屡屡出现的雁、雪等越南所无的意象，可以引发我们对中越比较诗学作更深入的思考。

关键词：蔡顺 吕塘遗稿诗集 七律 唐诗 黎朝

**Những nguyên tắc nghệ thuật của tiểu thuyết lịch sử phương Đông
và phương Tây (Khảo sát *Ivanhoe* của Walter Scott
và *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung)
Artistic principles of Eastern and Western historical novels
(The case of *Romance of the Three Kingdoms* and *Ivanhoe*)**

Mai Thế Mạnh

GV - Trường Đại học Thủ Dầu Một

MA. - Thu Dau Mot University

Email: manhmt@tdmu.edu.vn

Tiểu thuyết lịch sử là một thành tựu của các nền văn học trên thế giới. Ở mỗi nền văn học, loại hình tiểu thuyết này dù xuất hiện sớm hay muộn đều mang một tính chất đặc thù đó là “tính lịch sử”. So sánh tiểu thuyết lịch sử thuộc hai phạm trù văn học lớn trên thế giới phương Đông và phương Tây, bài viết muốn hướng đến làm rõ những tương đồng và dị biệt dựa trên những nguyên tắc nghệ thuật của thể loại. Qua đó góp phần lý giải, chỉ ra những đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết lịch sử, giúp nhìn nhận và đánh giá đúng bối cảnh ra đời, nội dung, vấn đề lịch sử và tính văn học của tiểu thuyết.

Từ khóa: Tiểu thuyết lịch sử, tính lịch sử, tính văn học, *Ivanhoe*, *Tam quốc diễn nghĩa*

Historical novels are achievements of many literatures in the world. Having appeared in different literary periods, this type of novel in every literature always has a specific characteristic that is "historical". Comparing historical novels belonging to two major literary areas in the world, Eastern literature and Western literature, this paper aims to clarify the similarities and differences in term of artistic principles of genre. Thereby, we hope that it will contribute to the interpretation, pointing out the basic characteristics of historical novel, as well as help readers to recognize and

appreciate precisely the context, content, historical features and literary characteristics of historical novels.

Keywords: Historical novel, historical features, literary characteristics, historical context

Hoàng hạc lâu qua ngòi bút của các thi nhân Việt Nam thời trung đại The Yellow Crane Tower under the pen of Vietnamese Medieval poets

Nguyễn Công Lý

PGS. TS. - Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nguyencongly54@yahoo.com.vn

Hoàng Hạc lâu là một thắng cảnh hữu tình thơ mộng nổi tiếng và đầy huyền thoại nằm bên bờ bắc dòng Trường Giang ở tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc. Từ khi thi hào Thôi Hiệu đến đây cất bút đề thơ thì địa danh này càng nổi tiếng nhiều hơn. Bài thơ của Thôi Hiệu đã tái hiện hết những cảnh vật hữu tình nơi đây, đến nỗi mà thi Tiên Lý Bạch khi đến thăm không thể cất bút đề thơ được nữa và đành phải cất tiếng than. Ấy vậy mà, các thi nhân Việt Nam khi xưa, nhân đi công cán sang Trung Quốc có đến nơi này và đã viết khoảng trăm bài thơ ca ngợi Hoàng Hạc lâu. Bài viết này sẽ giới thiệu và chỉ ra những đóng góp mới của các nhà thơ thời trung đại khi viết về Hoàng Hạc lâu.

Từ khóa: Hoàng Hạc lâu, Thôi Hiệu, Lý Bạch, thi nhân Việt Nam, thời trung đại.

The Yellow Crane Tower is a famous and legendary poetic construction located on the north bank of the Changjiang River in Hubei Province, China. Since the poet Cui Hao (崔顥) came there to find inspirations for his poems, this place has become even more famous. Cui Hao was so talented in recreating in his poems the most attractive features of the Yellow Crane Tower that Li Bai (李白) felt so humble and could not write another poem about the site. However, many Vietnamese medieval poets travelling to China and visiting this place wrote about a hundred poems praising The Yellow Crane Tower. This article introduces those poems and points out their contributions to the poetic topic of the The Yellow Crane Tower.

Keywords: The Yellow Crane Tower, Cui Hao, Li Bai, Vietnamese poet, Medieval

Thuyết cách điệu và lý luận thơ chữ Hán Việt Nam
The Gediao theory and Vietnamese Sinographic poetic theories

Nguyễn Đình Phúc

PGS. TS. - Khoa Ngữ văn Trung Quốc

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof. - Faculty of Chinese Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: dinhphuc74@hotmail.com

Ba trường phái thi học Thần vận, Cách điệu và Tính linh lần lượt ra đời và phát triển mạnh ở Trung Quốc vào giai đoạn cuối Minh đầu Thanh, tuy khá trẻ nhìn từ góc độ thời gian, nhưng chúng lại được xem là tổng hòa, kết tinh của lý luận thơ ca Trung Quốc. Cả ba trường phái thi học nêu trên, xét từ góc độ ảnh hưởng, không chỉ có ảnh hưởng sâu rộng đến văn học Trung Quốc, đặc biệt là thơ ca Trung Quốc ở giai đoạn sau, mà còn vượt biên giới quốc gia, ảnh hưởng sâu rộng đến thơ ca của các nước lân cận, đặc biệt là các nước Đông Á, trong đó có Việt Nam. Bài viết này chủ yếu tập trung bàn về những biểu hiện của Cách điệu trong lý luận thơ chữ Hán Việt Nam.

Từ khóa: Thuyết cách điệu, Thẩm Đức Tiềm, lý luận, thơ chữ Hán Việt Nam

The three poetic thoughts *Shenyun* (spiritual resonance), *Gediao* (formal style), and *Xingling* (native sensibility) came into being and flourished in China from the late of Ming to the early of Qing. Appearing relatively late in the literary history, they synthesized and refined Chinese poetic theories. Not only did they affected Chinese literature intensively but they also got beyond the national borders to other East Asian countries, including Vietnam. This article focuses on the presence of *Gediao* in Vietnamese Sinographic poetic theories.

Keywords: Gediao (formal style), Shen De Qian, Vietnamese Sinographic poetry, poetic theory.

Nhận thức về Nhật Bản trong văn du ký người Việt Nam
viết về Nhật Bản nửa đầu thế kỷ XX
Vietnamese perception of Japan presented in travel writing
in the early 20th century

Nguyễn Hữu Sơn

PGS. TS. - Viện Văn học

PhD. Assoc. Prof. - Vietnam Institute of Literature

Email: lavson59@yahoo.com

Nhật Bản lần đầu tiên được biết đến ở Việt Nam trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ 20 chủ yếu thông qua phong trào Đông Du và dịch thuật báo chí, bước đầu đã xuất hiện các mục bài giới thiệu tổng hợp, chuyên sâu về lịch sử Nhật Bản. Bài viết này Nhận diện chung về đặc điểm thể tài văn học du ký, xác định điều kiện giao thương, giao lưu văn hóa Việt - Nhật giúp một số tác giả người Việt Nam trực tiếp đến Nhật Bản và viết về Nhật Bản, giới thiệu tư liệu tác phẩm du ký của người Việt Nam viết về Nhật Bản giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, phân tích, bình luận vai trò nhận thức của ba tác giả du ký viết về Nhật Bản tiêu biểu giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX là Nguyễn Bá Trác, Lê Văn Lương, và Nguyễn Tiến Lãng.

Từ khóa: Du ký, Nhật Bản, đầu thế kỷ XX, Nguyễn Bá Trác, Lê Văn Lương, Nguyễn Tiến Lãng

Japan was first known in Vietnam during the early 20th century as a result of the Dong Du Movement and works translated from Japanese published on newspapers, followed by brief or in-depth articles introducing Japanese history and culture. This article examines the historical context that enabled Vietnamese people to travel to and write about Japan, discusses the characteristics of travel writing that helped Vietnamese writers to vividly present their first-hand experience of the country, and analyzes several texts about Japan written by early-20th-century Vietnamese writers Nguyen Ba Trac, Le Van Luong, and Nguyen Tien Lang.

Keywords: travel writing, Japan, early 20th century, Nguyen Ba Trac, Le Van Luong, Nguyen Tien Lang

Tư tưởng *Đàn kinh* trong thơ chữ Hán nhà Lý Việt Nam
The thought of *Tanjing* in Chinese poetry of Ly Dynasty of Vietnam

Nguyễn Phước Tâm

TS. - Trường Đại học Trà Vinh

PhD. - Tra Vinh University

Email: npt306@hotmail.com

Nằm ở bán đảo Đông Dương, Việt Nam là nước láng giềng phía nam có sông núi liền một dải với Trung Quốc, giữa hai nước có mối quan hệ văn hóa lâu đời. Từ khoảng cuối thế kỷ thứ 3 tr.CN đến đầu thế kỷ thứ 10, Việt Nam đặt dưới ách thống trị của chế độ phong kiến phương Bắc, vì thế mối quan hệ đặc biệt này ngày càng trở nên thắt chặt hơn. Với khoảng thời gian khoảng ngót 1000 năm Bắc thuộc ấy, nền văn hóa cổ - trung đại Việt Nam, bao gồm cả lĩnh vực tư tưởng đã chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Trung Quốc. Bài viết này chủ yếu lấy một vài trường hợp điển hình trong thơ chữ Hán nhà Lý, tiến hành đối chiếu, phân tích, nhằm chứng minh những biểu hiện tư tưởng *Đàn kinh* trong thơ chữ Hán nhà Lý Việt Nam, qua đó cho ta biết thêm nội hàm văn học không chỉ mang tính quốc gia, mà còn mang tính quốc tế và tính nhân loại.

Từ khóa: Tự tánh thanh tịnh, thơ chữ Hán nhà Lý

Located in the Indochinese peninsula, Vietnam is a southern neighbor with a mountain river and a strip with China, and there has been a long-standing cultural relationship between the two countries. From the end of the third century BC to the beginning of the 10th century, Vietnam was under the domination of the Northern feudal regime, so this special relationship became increasingly tight. With a period of approximately 1,000 years of belonging, the ancient culture - medieval Vietnam, including the field of thought has been deeply influenced by Chinese culture. This article mainly takes a few typical cases in Chinese poetry, conducted comparison, analysis, in order to prove the existence of the thought of *Tanjing* in Chinese poetry of the Ly Dynasty of Vietnam, thereby giving us more literary content containing not only national, but also international and human values.

Keywords: Pure self-nature, Chinese poetry of the Ly Dynasty

**Quan sát nữ giới trong *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ)
và *Vũ nguyệt vật ngữ* (Ueda Akinari) từ góc nhìn phê bình nữ quyền
Truyen ky man luc by Nguyen Du and *Ugetsu Monogatari*
by Ueda Akinari from the perspective of feminist criticism**

Nguyễn Thi Phú

CN. HVCH - Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. Student - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: n.phu80@gmail.com

Tham gia vào khu vực văn hóa Đông Á, văn học Việt Nam và Nhật Bản thời trung đại đã chịu nhiều tác động từ trung tâm văn minh Trung Hoa về mặt tư tưởng và văn hóa. Do đó, văn học của hai đất nước đã có nhiều điểm gặp gỡ, tương đồng thú vị. *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ) và *Vũ nguyệt vật ngữ* (Ueda Akinari) là những trường hợp minh chứng cho điều trên. Trong hoạt động so sánh hai tác phẩm từ góc độ nữ quyền luận, chúng tôi nhận thấy nữ giới trong *Truyện kỳ mạn lục* và *Vũ nguyệt vật ngữ* có những điểm giống nhau như: lòng chung thủy, tính tần tảo, sự nổi loạn trong tính dục,... Tuy nhiên, hai tác phẩm cũng có những điểm khác biệt rõ rệt như hành động trả thù của nhân vật nữ, kết cấu và bút pháp. Bài viết so sánh hai tác phẩm từ góc nhìn nữ quyền để nhận diện những đặc trưng và đóng góp của hai tác phẩm trong nền văn học mỗi nước.

Từ khóa: Nữ giới, phê bình nữ quyền, *Truyện kỳ mạn lục*, *Vũ nguyệt vật ngữ*

Vietnam and Japan, as neighboring countries of China, have been extensively influenced by Chinese culture and ideology, which entails many similarities between Vietnamese and Japanese literatures. The pair of *Truyen Ky Man Luc* 傳奇漫録 by Nguyen Du and *Ugetsu Monogatari* 雨月物語 by Akinari Ueda is a typical example. Comparing the two stories from the feminist perspective, this article points out that female characters in those stories share similar traits such as faithfulness, domestic diligence, and wantonness. However, the two works are different in structure, writing style and details such as the act of revenge conducted by the main heroines.

Keywords: *Truyen ky man luc*, *Ugetsu Monogatari*, comparative literature, feminist criticism

Cảm hứng hành hương trong thơ Thiền Đông Á **Inspiration of pilgrimage in East Asian Zen poetry**

Nguyễn Thị Bảo Anh

ThS. - Trường ĐH Thủ Dầu Một / MA. - Thu Dau Mot University

Email: nguyenthibaoanh1991@gmail.com

Thiền tông trong bối cảnh văn hóa Đông Á, xét ở đây gồm Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, có một sự kết nối dài lâu về mặt lịch sử, văn hóa và văn học. Do vậy, tìm hiểu cảm hứng hành hương trong thơ Thiền Đông Á là một loại trải nghiệm mà trước hết là nhìn nhận triết thuyết Phật giáo được chuyển hóa như thế nào qua thi ca, sau là khơi gọi những hướng đi trong nghiên cứu và giảng dạy văn học Thiền dưới những tương quan so sánh về tôn giáo và văn học giữa các quốc gia Đông Á.

Từ khóa: Cảm hứng hành hương, thơ thiền Đông Á, văn hóa Đông Á

In the mutual cultural context of East Asia, Vietnamese, Chinese and Japanese Zens have historically, culturally and literarily connected to each other. This paper studies pilgrimage inspiration in Zen poetry of the three countries, analyzing how Buddhist philosophy was presented in poetic form, and suggesting directions for studying and teaching Zen literature in the wider context of East Asian religion and literature.

Keywords: Pilgrimage inspiration, East Asian Zen poetry, East Asian culture

Ma nữ trong *Truyện kỳ mạn lục* và *Liêu Trai chí di* **dưới góc nhìn so sánh** **Female ghosts in *Truyen ky man luc* and *Liao Zhai zhi yi*** **from comparative perspective**

Nguyễn Thị Bích Dung

Nguyễn Thị Tính

TS. - Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2

PhD. - Faculty of Philology, Hanoi Pedagogical University 2

Email: nguyentinhsp2@yahoo.com.vn

Trong tâm lý dân gian, yêu ma quỷ quái là đối tượng ghê tởm, độc ác. Tuy nhiên, trong các tác phẩm truyện kỳ Đông Á, yếu tố kinh sợ đã bị làm mờ đi; cái đẹp nhan sắc, tài năng, nữ tính... đáng trọng của các ma nữ nổi bật lên. So sánh các câu

chuyện ma nữ trong *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ) và *Liêu Trai chí dị* (Bồ Tùng Linh), chúng tôi vừa rút ra những điểm tương đồng, dị biệt; vừa cho thấy đặc trưng của thể loại truyện kỳ và những khác biệt trong tư duy nghệ thuật của hai tác giả.

Từ khóa: *Truyện kỳ mạn lục*, *Liêu Trai chí dị*, ma nữ, truyện kỳ

Ghosts and devils are hideous and cruel entities in people's common awareness. However, in the Eastern traditional literary works, the element of fright was dimmed; the respectable beauty, talent and feminism... of the female ghosts were more prominent. In comparison of the female ghost in *Truyen ky man luc* by Nguyen Du to it in *Liao zhai zhi yi* (聊齋志異) by Pu Song Ling (蒲松齡), the similarities and differences between them have been pointed out; simultaneously, the typical features of this type of literary work as well as the differences of the two authors' artistic thinking have been shown.

Keywords: Female ghost, *Truyen ky man luc*, *Liao zhai zhi yi*, Nguyen Du, Pu Song Ling

**Ảnh hưởng thuyết thần vận trong thơ chữ Hán
của Nguyễn Hàm Ninh (1808-1868)**

(Khảo sát tập thơ *Tĩnh Trai tiểu thảo trích sao* và *Tĩnh Trai thi sao*)

Influence of the Shenyun theory in Sinographic poems

by Nguyen Ham Ninh (1808-1868)

(through two collections *Tĩnh Trai tiểu thảo trích sao* and *Tĩnh Trai thi sao*)

Nguyễn Thị Bích Đào

ThS. NCS. Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. PhD. Student - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nguyenbichdao1011@gmail.com

Nối tiếp đề tài nghiên cứu “Ảnh hưởng của thuyết thần vận đời Thanh vào lý luận thơ chữ Hán Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”¹ của PGS. TS. Nguyễn Đình Phúc, bài viết dưới đây tìm hiểu ảnh hưởng của thuyết thần vận vào thực tế sáng tác thơ chữ Hán của tác gia cụ thể: tác gia Nguyễn Hàm Ninh 阮咸寧 (1808-1868). Mục đích

¹ Nguyễn Đình Phúc. (2008). “Ảnh hưởng của thuyết thần vận đời Thanh vào lý luận thơ chữ Hán Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX”. Truy xuất từ: www.khoavanhoc-ngonngu.edu.vn.

của bài viết này, trước hết nhằm góp phần khẳng định sự lưu truyền rộng rãi thuyết thần vận của Trung Quốc ở Việt Nam vào giữa thế kỷ XIX; thứ hai là mong muốn giới thiệu một tác gia “bị lãng quên”, nhưng đáng được chú ý trong văn học triều Nguyễn thế kỷ XIX.

Từ khóa: Thuyết thần vận, Nguyễn Hàm Ninh, thơ chữ Hán, văn học triều Nguyễn, thế kỷ XIX

Based on Nguyen Dinh Phuc's study "Influence of the Qing Dynasty's Shenyun theory on Vietnamese literary theory about Sinographic poetry in the late 19th century", this article focuses on how Shenyun (theory of spiritual tone) influenced the specific Vietnamese writer Nguyen Ham Ninh 阮咸寧 (1808-1868). This analysis works as a case study to illustrate the widespread of Shenyun in Vietnam in the late 19th century and brings back to reader's attention a talented but forgotten writer of the Nguyen Dynasty.

Keywords: Shenyun, Nguyen Ham Ninh, Sinographic poetry, Nguyen Dynasty literature, 19th century

Văn học Hàn Quốc trong chương trình Ngữ văn ở Việt Nam **Korean literature in Vietnam's literature curriculum**

Nguyễn Thị Quốc Minh

TS. - Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nguyenbichdao1011@gmail.com

Văn học Hàn Quốc là nền văn học lớn và có bản sắc ở châu Á. Cùng với sự phát triển quan hệ kinh tế, văn hóa, giáo dục giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc, văn học Hàn Quốc cũng được dịch, giới thiệu và giảng dạy ở Việt Nam. Bài viết này khảo sát văn học Hàn Quốc, bao gồm văn học dân gian, văn học cổ điển và văn học hiện đại được biên soạn, tổ chức giảng dạy như thế nào ở Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp tăng cường việc giảng dạy văn học Hàn Quốc ở Việt Nam.

Từ khóa: Văn học Hàn Quốc, giảng dạy văn học, chương trình ngữ văn, giao lưu văn học

Korean literature is a prolific, distinctive literature in Asia. Along with the

development of economic, cultural and educational relationship between Vietnam and South Korea, Korean literature has been introduced, translated and taught in Vietnam. This paper presents a brief examination of how Korean literature, including folk, classical, and modern literary components, is introduced in textbooks and taught in the Vietnamese education system, and suggests some solutions to promote the teaching of Korean literature in Vietnam.

Keywords: Korean literature, literary curriculum, literary exchange.

Văn học thiếu nhi Việt Nam trong so sánh đối chiếu với văn học thiếu nhi Trung Quốc

Vietnamese children literature in comparison to Chinese children literature

Nguyễn Thị Thủy

ThS. - Khoa KHXH&NV, Trường Đại học Thủ Dầu Một

MA. - Faculty of Social Sciences and Humanities, Thu Dau Mot University

Văn học Việt Nam và văn học Trung quốc, với những thành tựu rực rỡ, những độc đáo riêng, đã trở thành truyền thống, “cổ điển” suốt hàng nghìn năm. Hai nền văn học này không có nhiều biến động, đổi thay, và cho đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XIX, dưới ảnh hưởng của phương Tây, cùng quá trình hiện đại hóa ở bản địa, nhiều loại hình văn học mới đã nảy sinh. Trong xu hướng đó, văn học thiếu nhi là một loại hình tiêu biểu. Ra đời và phát triển muộn (chỉ hơn 100 năm gần đây), nên mảng văn học này, cho tới nay còn chưa có những nghiên cứu tương xứng. Bài viết dưới đây là cái nhìn tổng quan về tiến trình phát triển, diện mạo, đặc điểm của văn học thiếu nhi Việt Nam trong sự so sánh đối chiếu với văn học thiếu nhi Trung Quốc.

Từ khóa: Văn học thiếu nhi, tiến trình, diện mạo, đặc điểm

Vietnamese and Chinese literatures with their brilliant and unique achievements have become traditional and classical but quite static in genre for thousands of years. Not until the late 19th and early 20th centuries, under the Western influence and domestic modernization, did new genres appear in the two countries, including children literature. Only about a century old, this young genre in Vietnam has not been adequately studied. This article gives an overview of the birth, development, appearance, and characteristics of Vietnamese children literature in comparison to Chinese literature.

Keywords: Children literature, Vietnam, China

**Nhã hóa: Nguyên tắc nghệ thuật căn bản
của loại truyện thơ Nôm chuyển thể**
**Elegantization: an aesthetic rule of Nom verse-tale adapted
from Chinese novel**

Nguyễn Văn Hoài

ThS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities

Email: nguyenbichdao1011@gmail.com

Trong văn học Việt Nam có một số lượng không ít truyện thơ Nôm được chuyển thể (hay cải biên) từ tiểu thuyết thuộc thể tài tài tử giai nhân của Trung Quốc. Từ văn xuôi tự sự chuyển thành truyện thơ Nôm thì có những biến đổi căn bản gì trên phương diện nguyên tắc nghệ thuật? Trên cơ sở so sánh những cặp đôi tác phẩm như *Kim Vân Kiều truyện* và *Truyện Kiều*, *Định tình nhân* và *Truyện Song Tinh*, *Ngọc Kiều Lê* và *Ngọc Kiều Lê tân truyện*, *Hảo cầu truyện* và *Hảo cầu tân truyện*, *Trung hiếu tiết nghĩa Nhị độ mai* và *Nhị độ mai*,... chúng tôi thấy những truyện thơ Nôm này có đặc điểm chung là nhã hóa tiểu thuyết Trung Quốc (thuộc loại văn học thông tục). Bài viết của chúng tôi sẽ minh giải hiện tượng văn học này như là một nguyên tắc nghệ thuật của loại truyện thơ Nôm chuyển thể.

Từ khóa: Nhã hóa, tiểu thuyết Trung Quốc, truyện thơ Nôm, chuyển thể (cải biên)

Many Nom verse-tales of Vietnam were adapted from Chinese caizi jiarren (literally means “scholar and beauty”) novels. The adaptation required much poetic modification to fit the story to the new form. This article compares various pairs of Chinese original and Vietnamese adapted works such as *Jin Yun Qiao Zhuan* (金雲翹傳 Tale of Jin Yun Qiao) and *Truyen Kieu* (The tale of Kieu), *Ding Qing Ren* (定情人 Destined love) and *Truyen Song Tinh* (The tale of Song Tinh), *Yu Qiao Li* (玉喬黎) and *Ngoc Kieu Le tan truyen* (New tale of Ngoc Kieu Le), *Hao Qiu Zhuan* (好逑傳 Tale of fortunate union) and *Hao cau tan truyen* (New tale of fortunate union), *Zhong xiao jie yi er du mei* (忠孝節義二度梅 Loyalty, filial piety, chastity, righteousness: the plum flowers bloom again) and *Nhi do mai* (The plum flowers bloom again), and points out that Vietnamese writers adapted those Chinese vernacular novels into verse form by modifying the narration and details to make them sound more elegant. The article will examine this elegantization as an aesthetic rule of Nom adapted verse-tales.

Keywords: Elegantization, Chinese novel, Nom verse-tale, adaptation

Trịnh Căn và tập thơ *Khâm định thắng bình bách vịnh*
(Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh)
Trinh Can and Kham dinh thang binh bach vinh
(Ngu de Thien hoa doanh bach vinh)

Phạm Kim Ngân

ThS. NCS. Khoa Văn học, ĐHKHXH&NV-ĐHQG TP.HCM
MA. PhD. student, Faculty of Literature,
University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
Email: dumien061190@gmail.com

Nghiên cứu Trịnh Căn và tập thơ *Khâm định thắng bình bách vịnh* không chỉ nhằm mục đích giới thiệu Trịnh Căn – một bậc chúa văn võ song toàn mà thông qua văn chương, chúng tôi hy vọng làm sáng rõ hơn về thế giới quan, nhân sinh quan cùng những tư tưởng tiến bộ của ông trong công cuộc hộ quốc an dân. Theo đó, tập thơ “*Khâm định thắng bình bách vịnh*” chính là khúc hoan ca về một vương triều thịnh trị, chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, thể hiện tâm hồn rộng mở, giao cảm với thiên nhiên và sự uyên thâm, minh triết trong vấn đề dung hợp các hệ tư tưởng Nho - Phật - Lão. Với việc sử dụng chữ Nôm và thể thơ Nôm thất ngôn xen lục ngôn, Trịnh Căn đã đóng góp thêm một tập thơ giá trị cho văn học Việt Nam giai đoạn trung kỳ trung đại nói riêng và văn học trung đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Văn học trung kỳ trung đại, Trịnh Căn, *Khâm định thắng bình bách vịnh*, *Ngự đề Thiên hòa doanh bách vịnh*.

The study which focused on the collection “*Kham dinh thang binh bach vinh*” by Trinh Can not only aimed at introducing Trinh Can as an outstanding ruler but also clarified the worldview, humane view and progressive ideas in protecting the country and the people which shown in his poetry. Accordingly, the poetry collection “*Kham dinh thang binh bach vinh*” is a triumphal song about a prosperous dynasty, containing deep humane values, expressing the open-mindedness and nature-connected soul, and wisdom and talent in combining the ideologies of Confucianism, Buddhism and Taoism. With the use of Nom character and verse form of seven and six syllables mixed, Trinh Can has contributed a valuable volume of poetry to Vietnamese literature.

Keywords: Vietnamese literature in the middle ages, Trinh Can, *Kham dinh thang binh bach vinh*, *Ngu de Thien hoa doanh bach vinh*.

**Tiểu thuyết phóng tác của Hồ Biểu Chánh:
cải biên văn học, cải biến văn hóa**
Ho Bieu Chanh's Novels: Literary Adaptation, Cultural Transformation

Phạm Thị Thái Hà

Khoa Văn học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – ĐHQG Tp.HCM

Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: phamthithaiha18298@gmail.com

Cải biên học là một lĩnh vực tổng hòa nhiều lí thuyết văn học và văn hóa. Vì thế, việc nghiên cứu các tác phẩm văn học cải biên không còn là vấn đề của riêng ngôn ngữ nữa, nó cần phải đặt vào trong một bối cảnh văn hóa cụ thể. Tại Việt Nam, Hồ Biểu Chánh là một nhà văn có khối lượng tác phẩm phóng tác tương đối nhiều. Đặc biệt hơn, các tác phẩm phóng tác của ông đều lấy ý tưởng từ các tiểu thuyết phương Tây, sau đó được nhìn qua một lớp kính Nho giáo Trung Hoa và cuối hình thành nên một tác phẩm đậm chất văn hóa Việt Nam. Do đó, các tác phẩm phóng tác của Hồ Biểu Chánh trở thành một sản phẩm của văn hóa và xã hội trong giai đoạn Việt Nam một mặt vẫn còn ảnh hưởng của Nho giáo, mặt khác lại đang tiếp thu các tri thức hiện đại của châu Âu. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung vào quá trình tái sáng tác của Hồ Biểu Chánh để làm rõ sự ảnh hưởng của văn hóa Đông Á vào công việc cải biên của ông.

Từ khóa: Hồ Biểu Chánh, cải biên, văn hóa phương Đông, Nho giáo

Adaptation studies is a scientific field consists of several literary and cultural theories. Therefore, researching literary adaptations is no longer a matter of language itself. It now has to be placed in a specific cultural context. In Vietnam, Ho Bieu Chanh produced many adapted literary works. His works were inspired from Western novels, filtered through the Chinese Confucianism viewpoint and finally becoming products of typical Vietnamese culture. Therefore, Ho Bieu Chanh's literary adaptations are actually cultural and historical works in a period when Vietnam was on the one hand still influenced by Confucianism and on the other hand, acquiring modern European knowledge. In this paper, we will focus on Ho Bieu Chanh's process of recreativity to highlight the influence of East Asian culture to his work of adapting literature.

Keywords: Ho Bieu Chanh, adaptation, Oriental culture, Confucianism

Quan niệm xuất xử trong thơ chữ Hán Nguyễn Du và Nguyễn Đề
The thinking of social engagement or withdrawal
in Sinographic poetry by Nguyen Du and Nguyen De

Phạm Thị Thuý Hằng

ThS. Đại học Sư phạm TPHCM

MA. - Ho Chi Minh City University of Pedagogy

Email: cuiheng246@yahoo.com.tw

Nguyễn Du và Nguyễn Đề là hai anh em ruột, cùng sống vào thời Lê mạt, Nguyễn sơ, cuộc đời cùng trải qua nhiều biến cố lịch sử của thời đại. Tuy nhiên, do cá tính và cảnh ngộ riêng, tư tưởng thể hiện trong thơ của hai ông cũng có nhiều nét tương đồng và dị biệt. Bài viết phác thảo những nét cơ bản trong tư tưởng của hai nhà thơ thể hiện qua thơ chữ Hán, đặc biệt là ở quan niệm xuất xử của nhà Nho trong giai đoạn lịch sử đầy biến động của dân tộc.

Từ khóa: Nguyễn Du, Nguyễn Đề, quan niệm xuất xử, thơ chữ Hán

Nguyen Du and Nguyen De were biological brothers living from the late Le Dynasty to the early Nguyen Dynasty. Their shared experiences of that eventful period in Vietnamese history, their different personalities and life circumstances contributed to their similar but distinguished ways of thinking, which were presented in their poems. This paper discusses some basic features in Sinographic poems of Nguyen Du and Nguyen De with a focus on their thinking of social engagement or withdrawal during this crisis time of Vietnamese history.

Keywords: Nguyen Du, Nguyen De, concept of social engagement or withdrawal, Sino-Vietnamese poetry

**Yếu tố Nhật Bản trong văn học Việt Nam 1940-1945:
Khảo sát trường hợp tạp chí *Tri Tân*, *Trung Bắc chủ nhật*
và *Đại Việt tạp chí***

**Japanese element in Vietnamese literature from 1940-1945:
a research on *Tri Tan*, *Trung Bac Chu Nhat* and *Dai Viet Tap Chi* magazines**

Phan Mạnh Hùng

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities – VNU-HCM

Email: hungphanmanh@hcmussh.edu.vn

Giao lưu Việt - Nhật thông qua các hoạt động dịch thuật, nghiên cứu văn học, văn hoá được hình thành và phát triển ngày càng mạnh mẽ, có chiều sâu trong thế kỷ XX và cho đến hôm nay. Trước 1945, Nhật Bản được biết đến ở Việt Nam qua 2 làn sóng: làn sóng thứ nhất khởi phát từ phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX và làn sóng thứ 2 từ sự hiện diện của người Nhật và văn hoá của họ ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới lần thứ 2. Yếu tố Nhật Bản được nhận diện với các phương diện: là một thế lực xâm lược Việt Nam, nhưng mặt khác sự có mặt của Nhật Bản đã làm bộc lộ sự yếu kém của thực dân Pháp và góp phần thúc đẩy văn học Việt Nam tiến nhanh đến xu hướng tìm về phương Đông. Do vậy, để hiểu thấu đáo hơn văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, đặc biệt là từ 1940 đến 1945 cần thiết phải xem yếu tố Nhật Bản như một tham số khảo sát. Bài viết của chúng tôi bước đầu tập trung khảo sát yếu tố Nhật Bản về chính trị, văn hoá, văn học trên các tạp chí *Tri Tân*, *Trung Bắc chủ nhật* và *Đại Việt tạp chí*.

Từ khóa: Văn học Việt Nam, văn học Nhật Bản, hiện đại hoá, văn hoá, chính trị, dân tộc

Vietnam – Japan cultural exchanges have been established and developed rapidly and deeply since the early of the 20th century until today by translating activities, literary and cultural researches. Before 1945, Japan had been known in Vietnam by two movements: first, the Duy Tan movement which had started in the early of the 20th century; second, during World War II when the Japanese and their culture were presented in Vietnam. Japanese element has been identified through several aspects: as an invasive influence, on the other hand, the presence of the Japanese has revealed the weaknesses of the French, as well as pushing Vietnamese literatures to develop quickly on the trend of “turning back to the East”. Therefore, to better comprehending the Vietnamese literature in the early of the 20th century, specifically from 1940-1945, it is necessary to consider Japanese element as a survey

parameter. In this paper, we focus on initially studying the Japanese element (politic, culture, literature) on several magazines such as *Tri Tan*, *Trung Bac Chu Nhat*, and *Dai Viet Tap Chi*.

Keywords: Vietnamese literature, Japanese literature, modernization, culture, politic, ethnic

Giới thiệu thơ đi sứ phương Nam của Phó Nhượng Kim

介紹傅若金的南行往使詩

Introduction to Fu Ruo Jin's poetry in Southward ambassador trip

Phan Nguyễn Kiến Nam

ThS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nam.kien.phan@gmail.com

Từ sau khi giành được độc lập tự chủ, nhà nước Đại Việt coi chuyện bang giao hữu hảo với Trung Hoa là một trong những quốc sách hàng đầu. Đồng thời, phía Trung Hoa cũng rất xem trọng mối quan hệ với Đại Việt. Trừ những khi hai bên xảy ra xung đột, theo lệ cứ 3 năm 1 lần, phía Đại Việt phái sứ đoàn sang Trung Hoa thực thi các nhiệm vụ ngoại giao; phía Trung Hoa cũng cho sứ giả đến thực hiện các nghi thức: sắc phong, thông cáo. Công thức ngoại giao giữa triều Nguyên của Trung Hoa, tương đương với triều Trần ở phía Đại Việt cũng được diễn ra như vậy. Năm 1335, Phó Nhượng Kim (1303-1342) được triều Nguyên cử đi sứ sang phương Nam. Bài viết giới thiệu về tập thơ *Dữ Lệ thi tập* do ông sáng tác trong thời gian này.

Từ khóa: Thơ đi sứ, Phó Nhượng Kim, bang giao

自從結束大越千年亡國時期，建立大越政權（938 年），越方各朝皇帝為了確立國家的獨立性，與中土友好關係之確立與維繫，便成為外交政策當務之急。而中國亦看重與大越（越方已使用的國號有大瞿越、大越、越南。在此總稱大越）維繫良好的外交關係的問題。因此越南陳朝在陳太宗至陳順宗（1225-1398），除了有衝突戰爭以外，之間兩國往來頻繁，通常每期三年，大越王朝總會派遣使團前往燕京進行外交事務，反過來這階段的蒙古元代朝代（1206-1368）的中國朝廷則派任使者前往，給予安南冊封、通告等。元代相當於越南的陳朝，兩個國家都是強國。一方面是外族的朝廷，另一方面是越南起初進入興盛的階段。南方往北使很值得注意的是阮忠彥的《介軒詩集》，北方往南的傅若金的安南詩寫也一樣不能忽略都成為相當典型性的資料相比、深入分析和多元理

解。傅若金本不是神童，不是書香之內的書生，從經過很卑微的行業，最後他決定選擇學問之路以著名。他自身是很有故事性的作家。傅若金不是著名的詩人，他的詩作引起注意的理由是在元代的外族朝廷著名和繼承宋代的風格。可以說他最燦爛值得提到的詩文內容就是往南方寫作的使臣詩。在相比之眼，我們根據環境的特別與完備性的要素進行介紹往南方的詩集之一-傅若金與他的往使詩成為介紹對象

關鍵詞： 傅若金, 往使詩, 外交關係

In the late 13th and early 14th centuries, the Yuan Dynasty of China and the Tran Dynasty of Daiviet (present-day Vietnam) had a quite balanced diplomatic relationship, each country frequently sending ambassadors to the other. The Chinese ambassador Fu Ruo Jin (傅若金 1303-1342) went on his diplomatic trip to Daiviet in 1335, during which he wrote most of his noticeable poetry collection *Yu Li shi ji* (與礪詩集 Poetry collection of Yu Li) containing more than 60 poems. This article introduces Fu Ruo Jin and analyzes several poems in *Yu Li shi ji* in comparison to poetry written by Vietnamese ambassadors.

Keywords: Fu Ruo Jin, ambassador, poetry, Yuan Dynasty

**Tìm về cội nguồn dân tộc trong văn học Việt Nam
và văn học Trung Quốc (xét trường hợp Nguyễn Xuân Khánh
và một số nhà văn tâm căn Trung Quốc)**

**Finding the root of nation in Vietnamese and Chinese literatures
(the case of Nguyen Xuan Khanh and some “root-seeking” Chinese authors)**

Phan Thị Trà

ThS. – Đại học Thủ Dầu Một

MA. - Thu Dau Mot University

Email: phantra1984@gmail.com

Mỗi dân tộc đều mang một bản sắc riêng, mỗi dân tộc đều đi tìm cái “gốc” theo cách riêng của mình. Cảm thức tìm về cội nguồn là chủ đề được bàn đến khá nhiều trong những nhà văn viết về chủ đề văn hóa dân tộc. Nhiều nhà văn đã dùng ngòi bút của mình tìm về với truyền thống và ký ức dân tộc. Bài viết tìm hiểu chủ đề này thông qua một số tác phẩm của nhà văn Nguyễn Xuân Khánh và một số nhà văn Trung Quốc như Hàn Thiếu Công, Phùng Ký Tài, Mạc Ngôn

Từ khóa: Trung Quốc, Việt Nam, văn học tâm căn, Nguyễn Xuân Khánh

Each nation has its own identity. China and Vietnam have shared not only the

geographical borders but also similar historical journeys, which result in similar traits in culture and literature. Many writers of the two countries have expressed the sense and need to find the way back to their national roots. This shared feeling helps to preserve the relationship between the two countries.

Keywords: China, Vietnam, Nguyen Xuan Khanh, root-seeking.

**Đề tài “kỳ ngộ” và những “phức hợp Tam giáo”
trong văn học trung đại Việt Nam và Hàn Quốc
(qua khảo sát truyện truyền kỳ)**

**The theme of “happy encounter” and the three-philosophies
in medieval Vietnamese and Korean literatures
(through examining the genre of marvelous tale)**

Trần Thị Hoa Lê

PGS. TS. - Đại học Sư phạm Hà Nội

PhD. Assoc. Profs., Hanoi National University of Education

Email: tranhoale1968@gmail.com

Truyện truyền kỳ là thể loại đặc sắc của văn học trung đại Đông Á trong đó có Việt Nam và Hàn Quốc. Từ góc độ tư tưởng triết - mỹ, Tam giáo (Nho, Phật, Lão) và sự giao thoa, hợp nhất hoặc phân ly, đối kháng giữa ba tư tưởng này luôn hiện diện, diễn tiến một cách phức tạp, góp phần làm nên giá trị nghệ thuật cũng như sức hấp dẫn của truyện truyền kỳ Đông Á. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi bước đầu tìm hiểu, đánh giá một số biểu hiện của “phức hợp Tam giáo” nói trên, thông qua khảo sát nhóm truyện viết về đề tài “kỳ ngộ” (cuộc gặp gỡ kỳ lạ) là một trong những đề tài trung tâm của truyện truyền kỳ Việt Nam và Hàn Quốc. Những so sánh bước đầu về “phức hợp Tam giáo” trong thể loại truyện truyền kỳ thời trung đại ở hai nước sẽ góp phần tăng thêm hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai quốc gia vốn có nhiều tương đồng trong truyền thống.

Từ khóa: Kỳ ngộ, Tam giáo, truyện truyền kỳ, văn học trung đại, Việt Nam, Hàn Quốc

Marvelous tale (*truyen truyen ky* in Vietnamese and *chuanqi* in Chinese) was a form of fictional short story popular in medieval East Asia, including Vietnam and Korea. The complicated interaction of Confucianism, Buddhism and Taoism, in which the three philosophies sometimes harmonized and exchanged, sometimes contradicted and countered each other, built up colorful shades and rich values of

East Asian marvelous tales. This article analyzes some evidences of the three-philosophies in marvelous tales of the “happy encounter” theme, which was a key theme of Vietnamese and Korean marvelous tales. This analysis helps to enhance the understanding between people of the two countries that have shared many similarities in culture and tradition.

Keywords: Happy encounter, three-philosophies, marvelous tale, Vietnam, Korea

**Thơ văn Thái Đình Lan và Đặng Huy Trứ
trên con đường “viễn hành lân quốc”**

**Writings by Cai Ting Lan and Dang Huy Tru
during their journeys to neighboring countries**

Trần Thị Hoa Lê

PGS. TS. - Đại học Sư phạm Hà Nội

PhD. Assoc. Profs., Hanoi National University of Education

Email: tranhoale1968@gmail.com

Thành Đức Hồng Hà

PGS. TS. - Đại học Sư phạm Hà Nội

PhD. Assoc. Profs., Hanoi National University of Education

Thái Đình Lan (1801-1859) và Đặng Huy Trứ (1825-1874) đều làm quan với triều đình sở tại trong giai đoạn khó khăn chồng chất (nửa cuối triều Mãn Thanh và nửa cuối triều Nguyễn Gia Long); đều có một khoảng thời gian đi sang nước láng giềng và để lại sáng tác thơ văn về những chuyến viễn du đó. Căn nguyên viễn du khác nhau (Thái Đình Lan bị bão đánh lạc thuyền sang Đại Nam, Đặng Huy Trứ hai lần đến Quảng Châu lo việc nước) nên nội dung thơ văn viết trong chuyến viễn hành về cơ bản là khác nhau. Tuy nhiên, giữa hai vị quan chức – nhà văn cùng sống ở thế kỷ XIX của Đại Loan và Việt Nam còn có nhiều điểm tương đồng về thân phận, tài năng, tấm lòng yêu nước thương dân, sự nghiệp chính trị... Và đặc biệt, một số tương đồng nữa về quan niệm nhân sinh, lý tưởng Nho gia, tinh thần hòa hiếu dân tộc... đã được thể hiện qua những sáng tác trong chuyến “viễn hành lân quốc” của hai ông.

Bài viết nỗ lực chỉ ra chân dung văn hóa độc đáo cũng như đóng góp riêng biệt của hai tác giả Thái Đình Lan và Đặng Huy Trứ đối với mối tương giao giữa hai vùng lãnh thổ lân bang dựa trên nhóm tác phẩm được hai ông sáng tác trong khoảng thời gian ngụ tại lân quốc.

Từ khóa: Thái Đình Lan, Đặng Huy Trứ, viễn hành lân quốc, chân dung văn

hóa, mỗi tương giao lân bang

Cai Ting Lan (蔡廷蘭 1801-1859) of China and Dang Huy Tru (1825-1874) of Vietnam worked as mandarin officials during the difficult, waning phase of the Qing and the Nguyen Dynasties respectively. Each of them also traveled to the country of the other for different reasons. Cai Ting Lan had shipwrecked off the coast of Vietnam, and Dang Huy Tru travelled to Guangzhou twice for diplomatic mission. The two scholars shared similar mindsets and values and experienced similar careers in the same late-19th-century East-Asian background. Their writings during the journeys to each other's country, therefore, expressed deep care for the people of the two countries and good wish for the mutual national relationship. This article portrays the two similar but distinctive cultural figures of Cai Ting Lan and Dang Huy Tru and analyzes their literary contribution during their stay in the neighboring countries.

Keywords: Cai Ting Lan, Dang Huy Tru, journey to neighboring country, cultural figure, neighboring-country relation

**Cuộc gặp gỡ đầu tiên của Việt Nam với văn học phương Tây
ở thế kỷ XVII (trường hợp bộ truyện Nôm *Các thánh truyện*
của Jeronimo Maiorica)**

**The First Meetings of Vietnam with the Western Literature
in the Seventeenth Century**

(A Case Study of Jeronimo Maiorica's Nôm Hagiographic Writings)

Trần Thị Phương Phương

PGS. TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: tranthiphuongphuong.congvan@gmail.com

Bài viết giới thiệu về cuộc gặp gỡ đầu tiên của Việt Nam với phương Tây thông qua văn học Công giáo, trong đó phần nào cho thấy bản chất đa chiều của mối quan hệ của Việt Nam với phương Tây vào đầu thế kỷ XVII, tức thời kỳ tiền thuộc địa ở Việt Nam. Hoạt động của những người châu Âu đầu tiên đến Việt Nam vào đầu thế kỷ XVII có liên quan đến các nhà truyền giáo Cơ đốc. Nhờ sự thích nghi của văn học Cơ đốc giáo và sự cộng tác của dòng Tên châu Âu với các cây bút Việt Nam trong việc tạo ra các văn bản chữ Nôm Công giáo, những bước đầu tiên của văn học Công

giáo Việt Nam đã được thực hiện, dẫn đến những thay đổi lớn trong văn học Việt Nam vào các thế kỷ tiếp theo. Jeronimo Maiorica và một số tác phẩm truyện thánh chữ Nôm của ông như là biểu hiện của sự tiếp biến văn hóa trong thế kỷ XVII ở Việt Nam sẽ được xem xét từ điểm nhìn so sánh phương Tây - Việt Nam.

Từ khóa: Văn học Việt Nam, truyện thánh, Jeronimo Maiorica, dòng Tên

The article introduces the first meetings of Vietnam with the West through the Catholic literature, which partly shows the multi-dimensional nature of the relation of Vietnam with the West in the early seventeenth century, i.e. in the pre-colonial period of Vietnam. The activities of the first European people arriving at Vietnam in the early seventeenth century were related to Christian missionaries. Thanks to the adaptation of Christian literature and the collaboration of the European Jesuits with the Vietnamese writers in creating the Catholic Nôm texts, the first steps of Vietnamese Catholic literature were made, leading to the big changes of Vietnamese literature in the next centuries. Jeronimo Maiorica and some of his Nôm hagiographic works as expression of acculturation in the seventeenth century of Vietnam will be examined from a Western-Vietnamese comparative viewpoint.

Keywords: Vietnamese literature, Jesuit missionaries, Jeronimo Maiorica, hagiographies.

**Thực tế vận động tự sự từ *Kim Vân Kiều truyện*
của Thanh Tâm tài nhân**

đến *Đoạn trường vô thanh* của Phạm Thiên Thư

**The movement of narrative from *Jin Yun Qiao Zhuan* by Qing Xin Cai Ren
to *Doan truong vo thanh* by Pham Thien Thu**

Trần Thị Quỳnh Thuận

PGS. TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: tranthiquynhthuan@yahoo.com.vn

Việc chuyển giao tự sự giữa các cộng đồng có thể diễn ra theo nhiều hướng; trong đó, việc chuyển tải văn hóa, tư tưởng qua văn học là một kênh rất quan trọng. Trên địa bàn Đông Á, các thành tựu văn chương của Trung Quốc thường được các cộng đồng trong khu vực chia sẻ. Với phương thức sáng tạo lại tác phẩm của các nhà văn Trung Quốc, các tác giả Việt cũng tích cực thu nhận các nhân tố văn hóa, tư

tưởng Trung Quốc. Tuy vậy, đó không phải chỉ là sự tái hiện đơn thuần, mà là sự tái tạo mang tính tùy biến, gắn liền với cảm thức văn hóa Việt. Trong thực tế nổi bật ấy, cuộc hành trình chuyển giao cảm thức tự sự của *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân - *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du - *Đoạn trường vô thanh* của Phạm Thiên Thư là một thực tế thú vị. Qua việc làm rõ các bước dịch chuyển tự sự sinh động của một trường hợp cụ thể, bài viết muốn chỉ ra các nét đặc thù của việc tiếp nhận tư tưởng, văn hóa Đông Á nói chung của cộng đồng Việt.

Từ khóa: Vận động, cảm thức văn hóa, *Kim Vân Kiều truyện*, Thanh Tâm tài nhân, *Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du, *Đoạn trường vô thanh*, Phạm Thiên Thư

The narrative transfer within communities can be done by many means; in which literature is a very important channel. In East Asia, Chinese literary achievements have long been shared by regional communities. In that trajectory, Vietnamese authors also actively took Chinese narrative elements with the method of re-creating the works of Chinese writers. However, it is not just a simple stimulation, but a customized reproduction associated with the Vietnamese cultural sense. In that conditional connection, the journey of *Jin Yun Qiao Zhuan* (金雲翹傳) by Qing Xin Cai Ren, *Doan truong tan thanh* (New cry from a broken heart) by Nguyen Du, *Doan truong vo thanh* (Soundless cry from a broken heart) by Pham Thien Thu is an interesting fact. By clarifying the steps of narrative movement of a vivid case, the article points out specific features of Vietnamese literature in receiving exotic narrative elements in general.

Keywords: Movement, cultural awareness, *Jin Yun Qiao Zhuan*, Qing Xin Cai Ren, *Doan truong tan thanh*, Nguyen Du, *Doan truong vo thanh*, Pham Thien Thu

**Viết văn như là phương thức tự chữa lành:
Tự thuật chấn thương trong *Một nỗi đau riêng* của Oe Kenzaburo
và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh
Writing as a way of healing: trauma-narrative
in *A Personal Matter* by Oe Kenzaburo
and *The Sorrow of War* by Bao Ninh**

Trần Thị Thục

TS - Khoa Văn học,

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

PhD. - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-Hanoi

Email: thuctran.uss@gmail.com

Văn học hiện đại Việt Nam và Nhật Bản có nhiều tác phẩm văn học viết về đề tài chiến tranh. Ở Việt Nam, nhà văn Bảo Ninh là người lính trở về từ chiến tranh. Những trang văn ông viết ra như là những dòng tâm trạng, là lời tự thuật của nhà văn về thân phận người lính, về những chấn thương cả về thể xác và tâm hồn của con người trong và sau chiến tranh. Nhà văn Nhật Bản Oe Kenzaburo dù không trực tiếp tham gia chiến trận, nhưng lại là người mà cả tuổi thơ đi qua trong chiến tranh, chứng kiến hậu quả nặng nề của bom nguyên tử in hằn lên số phận bao kiếp người, và đặc biệt là đứa con trai đầu lòng của ông – Hikari, khi sinh ra phải chịu di chứng của bom nguyên tử. Những dòng văn của ông mang nặng nỗi đau và ước vọng về sự hóa giải nỗi đau của kiếp người. Bài viết của chúng tôi tiếp cận hai tác phẩm viết về chiến tranh của hai nhà văn Nhật Bản và Việt Nam, từ lý thuyết chấn thương và soi chiếu hai tác phẩm dưới góc độ so sánh. Văn chương, đối với hai nhà văn, như là phương thức để tự chữa lành những vết thương trong tâm hồn họ.

Từ khóa: văn học chiến tranh, lý thuyết chấn thương, phương thức tự chữa lành, Bảo Ninh, Oe Kenzaburo

The topic of war has never grown old in Vietnamese modern literature. As a veteran from the Resistance War against the America, the Vietnamese writer Bao Ninh brought to his writing many mental and physical traumas from the war, telling horrible experiences and sorrowful fates of soldiers. The Japanese writer Oe Kenzaburo, despite not directly involved in battle, experienced no less pain from war. He spent his childhood throughout the World War II and witnessed horrendous aftereffects of atomic bombs on many Japanese lives, including his first son Hikari, who was born developmentally disabled due to chemicals from the bombs. Oe's works were full of pain and the desire to ease pain. This paper examines the two novels *A Personal Matter* by Oe Kenazburo and *The Sorrow of War* by Bao Ninh from

the literary trauma theory and a comparative viewpoint. Writing, for the two writers, is a way to heal the wounds in their souls.

Keywords: Writing, healing, trauma-informed, *A Personal Matter*, Oe Kenzaburo, *The Sorrow of War*, Bao Ninh

Cảm thức “bi thu” trong thơ trung đại Việt Nam - Trung Quốc
Perceive “the sadness for autumn”
in the Vietnamese – Chinese middle poetry

Trần Thị Vân Dung

ThS. - Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế

MA. - Thua Thien Hue College of Education

Email: ttvandung@gmail.com

Văn học Phương Đông là một nền văn học phong phú và đa dạng, chứa đựng những giá trị thẩm mỹ mang tính thời đại sâu sắc. Sự giao thoa, tiếp biến những tinh hoa giữa các nền văn học ấy đã không chỉ đem lại cho con người những giá trị của nền văn học Phương Đông nói chung và các nền văn học của các nước trong khu vực nhiều kiểu loại giá trị, nhiều cách nhìn, nhiều bản sắc mới mà còn đem lại những nét tương đồng độc đáo, đặc biệt trong thơ trữ tình Phương Đông. Bài viết trình bày về cảm thức “bi thu” trong thơ trung đại Việt Nam và Trung Quốc (qua một số nhà thơ tiêu biểu) để tìm hiểu giá trị thẩm mỹ của hai nền văn học này.

Từ khóa: Cảm thức bi thu, thơ trung đại, văn học phương Đông

Eastern literature is the rich and divers literature, contains profound aesthetic values through the ages. The interference, continuance of quintessence between the two literatures that not only bring the values of Eastern literature in general to people and the literatures of the countries in the region has many types of values, many perspectives and new identities, but also bring unique similarities, especially in the Eastern lyrical poetry.

Keywords: The sadness for autumn, Autumn in middle poem, The Vietnamese – Chinese middle poetry

**Hiện trạng và những hạn chế
trong việc tiếp nhận văn học Việt Nam ở Đài Loan**
Vietnamese literature in Taiwan: Situations and Limitations

Trịnh Thuỳ Trang

ThS. NCS. Khoa Văn học Trung Quốc,

Đại học Quốc lập Thành Công (Đài Loan)

MA. PhD. student, Department of Chinese Literature

National Cheng Kung University, Taiwan

Email: trinhthuytrang47@gmail.com

Việt Nam từ sau Cải cách (1986) đã bắt đầu mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế, chính trị và xã hội với các nước trên thế giới, trong đó có Đài Loan. Ngay đầu những năm 1970, văn học dịch Đài Loan đã xuất hiện tại Sài Gòn. Đến đầu những năm 1990, khi quan hệ ngoại giao và kinh tế giữa hai bên trở nên chính thức và thường xuyên hơn, thì dường như sự giao lưu về mặt văn học dần bị lu mờ. Thậm chí, thời kỳ đầu các tác phẩm văn học Việt Nam được đưa sang Đài Loan chủ yếu phục vụ mục đích chính trị, ngoại giao, nên nội dung tác phẩm còn nhiều giới hạn.

Trong những năm trở lại đây, do sự vận động toàn cầu hoá, sự mở rộng của chính sách hướng “Nam” từ phía Đài Loan, giao lưu giữa hai bên trở nên đa dạng và cập nhật hơn, một số các tác phẩm văn học của Việt Nam đã được dịch và xuất bản tại Đài Loan, được bạn đọc Đài Loan đón nhận. Tuy nhiên, văn học Việt Nam tại Đài Loan vẫn chưa phải là món ăn tinh thần có sức hấp dẫn và ảnh hưởng đối với độc giả nơi đảo Ngọc. Tham luận, thông qua quá trình nghiên cứu và học tập lâu dài, cùng những điều tra thực tiễn, trước hết trình bày hiện trạng của văn học Việt Nam hiện nay tại Đài Loan, sau là những hạn chế còn gặp phải trong việc tiếp nhận văn học Việt Nam ở Đài Loan. Qua tìm hiểu cho thấy, những hạn chế đó tùy thuộc vào việc chọn lựa nội dung tác phẩm, sự tương tác và thấu hiểu lẫn nhau giữa Đài Loan và Việt Nam.

Từ khóa: Văn học Việt Nam, dịch thuật văn học, Đài Loan

Vietnam after the Reformation in 1986 has begun to expand in economic, political and also social relations to other countries, including Taiwan. In the early of 1970s, Taiwanese literature was translated and published in Saigon. By the early of 1990s, when the diplomatic and economic relations between Taiwan and Vietnam became more formal and frequent, it seemed that the exchanges of literature were gradually overshadowed. Even in the early years, few Vietnamese literary works were brought to Taiwan, and they are mainly for political and diplomatic purposes, so the content of the works were still limited.

In recent years, due to the movements of globalization, the expansion of the

New Southbound policy from Taiwanese Government, the co-operation between two territories have become more diverse and updated. There are several Vietnamese literary books that have been translated and published in Taiwan. And they have gathered attention from Taiwanese reader, albeit little. Vietnamese contemporary literature is still not an attractive spiritual dish to Taiwanese people, and it is not enough to influence readers in Formosa Island.

This paper, first of all, will present the current situation of Vietnamese literature in Taiwan, then explain the limitations that prevent Vietnamese literature from gaining more popularity in Taiwan. The source materials utilized are from a long studying and researching process, and some articles published by an important literary journal of Taiwan. Attention would be given to how the images of Vietnamese literature in Taiwan is now and the meanings behind the exchanges between both sides.

Keywords: Vietnamese contemporary literature, Taiwan, translation, influence, exchange

Việc tiếp nhận tiểu thuyết Trung Quốc ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX **Reception of Chinese novels in Cochinchina during the early 20th century**

Võ Văn Nhơn

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: vovannhon2005@gmail.com

Bài viết của chúng tôi trình bày về việc tiếp nhận tiểu thuyết Trung Quốc ở Nam Bộ vào đầu thế kỷ XX. Qua việc khảo sát tình hình dịch thuật tiểu thuyết Trung Quốc ở thời kỳ này, chúng tôi sẽ tìm hiểu sự tiếp nhận của độc giả và các nhà văn Nam Bộ đối với tiểu thuyết Trung Quốc, từ việc chịu ảnh hưởng sâu sắc nội dung cho đến nghệ thuật xây dựng tác phẩm. Chúng tôi cũng đặc biệt chú ý đến phong trào viết tiểu thuyết lịch sử của các nhà văn Nam Bộ ở đầu thế kỷ XX, đó là một phản ứng, một cố gắng vượt thoát khỏi ảnh hưởng Trung Hoa để hiện đại hóa tiểu thuyết, hiện đại hóa văn học Việt Nam.

Từ khóa: Tiểu thuyết Trung Quốc, tiểu thuyết lịch sử, nhà văn Nam Bộ, hiện đại hóa văn học

Through analyzing the Vietnamese translations published in Cochinchina during the early 20th century, this article discussed how Chinese novels were received by Cochinchinese readers and writers in the period and how those novels affected to Cochinchinese novels in plot and style. We also pay attention to the literary movement of writing Vietnamese historical novels in the 20th century as an effort to get beyond Chinese influence to enhance the modernization of Vietnamese literature.

Keywords: Chinese novels, historical novels, Cochinchinese writer, literary modernization

Việt Nam Cổ Duệ từ Bắc truyền lược thuật **越南鼓柅詞北傳略述**

Vũ Thị Thanh Trâm

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

越南胡志明市人文暨社會科學大學文學系講師

Email: thanhtramvuthi@gmail.com

Cổ Duệ từ là một từ tập Việt Nam hiếm hoi hiện còn tồn tại, tác giả là Tùng Thiện Vương Nguyễn Miên Thẩm (1819-1870. Miên Thẩm là hoàng tử thứ mười của vua Minh Mạng, tài năng văn chương nổi danh thời Nguyễn, thơ có ngàn bài, được người đời xưng tụng là “nhất đại thi ông”. Ngoài thơ, Miên Thẩm còn sáng tác từ, trong bối cảnh lịch sử điền từ Việt Nam, *Cổ Duệ từ* của ông có thể nói là tác phẩm tiêu biểu của điền từ Việt Nam.

Cổ Duệ từ của Miên Thẩm có số phận đặc biệt, tuy thất truyền tại Việt Nam, nhưng lại được lưu truyền ở Trung Quốc. Thông qua hoạt động của các sứ thần Việt Nam trên đường đi sứ, từ tập này nhiều lần đến Trung Quốc, được quan viên nhà Thanh lưu ý, sao chép, nhờ đó được lưu truyền ở Trung Quốc, sau được các học giả chú ý giới thiệu và nghiên cứu.

Cổ Duệ từ hiện tồn gồm 115 bài, 1 bài tựa và 1 bài bạt. Bài viết dựa trên các tài liệu của Trung Quốc có ghi chép về *Cổ Duệ từ*, cùng nội dung của bài từ bạt, miêu tả khái quát số lần cũng như tình hình từ tập này theo chân các sứ thần nhà Nguyễn lưu truyền đến Thanh triều.

Từ khóa: *Cổ Duệ từ*, Miên Thẩm, Bắc truyền

《鼓柅詞》是越南稀見的詞集現存，其作者為越南阮朝明命皇十子從善王阮綿審（1819-1870），其文采著名於世，詩傳千首，有「一代詩翁」之稱號。阮綿審善長詩文

外，還有填詞，其著作《鼓枹詞》在越南填詞史上，至於詞集的內容、藝術等方面皆可以代表越南填詞。

阮綿審《鼓枹詞》有特殊的命運，越南現無存，而僅存於中國。越南阮朝使臣在前往中國之路屢次攜入中國，請求清朝官員人士評閱，於是中國文獻關於此事有所記載。也有中國官員見之，因喜歡而抄寫，同時傳播於中國，最後得以出版並受大家的關注、介紹及研究。

《鼓枹詞》現存一一五首、一序一跋。本文以中國文獻有關綿審詞集的記載以及該詞集的跋文內容為研究材料，略述十九世紀中葉，《鼓枹詞》橫跨越南地域之後傳播中國的概況。

關鍵字：越南漢文填詞、阮綿審、《鼓枹詞》

**Lý giải xu hướng vận động của thơ Nôm Đường luật
trong sự phát triển của văn học Việt Nam và khu vực Đông Á**
**An explanation for the development of Tang-regulated Nom-written poetry
in Vietnam in the context of East Asian literature**

Vũ Thanh

PGS. TS. - Viện Văn học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam

PhD. Assoc. Prof., Vietnam Institute of Literature

Email: yuthanhvvh@yahoo.com

Thơ Nôm Đường luật là một hiện tượng độc đáo của văn học trung đại Việt Nam và cũng là hiện tượng độc đáo trong so sánh với văn học các nước đồng văn khác thời trung đại cùng chịu ảnh hưởng của văn hóa, văn học Trung Quốc như Triều Tiên và Nhật Bản. Với văn học trung đại Nhật Bản và Triều Tiên trong khuôn khổ của chữ chữ Kana và Hangul (đều là những văn tự quốc âm dùng để ghi tiếng nói của người bản địa tương tự như chữ Nôm của người Việt Nam) thì điều đặc biệt là ở hai nền văn học này không hề có thơ Đường luật được viết bằng quốc âm như ở Việt Nam. Bài viết của chúng tôi chỉ xin dừng lại ở việc khảo sát xu thế phát triển chung của thơ Nôm Đường luật Việt Nam từ sau tập thơ nổi tiếng của Nguyễn Trãi (1380 - 1442) *Quốc âm thi tập*. Đó là xu hướng tận dụng ưu thế *đôi* của các tác giả thơ Nôm Đường luật, xu hướng nghiêng về sắc thái trào phúng, phê phán xã hội của thể loại thơ này.

Từ khóa: Thơ Nôm Đường luật, đối, trào phúng, phê phán xã hội

As the national writing systems used to transcribe their native languages, Kana of Japan and Hangul of Korea were not used to create Tang-regulated poetry (a Chinese-originated poetic form) like Chu Nom of Vietnam was. Among the four

countries of the Sinosphere, only Vietnam had Tang-regulated poetry in two writing systems, Sinography and Chu Nom, which made a distinctive trait for Vietnam in the whole picture of the Sinosphere literature. From a comparative viewpoint, this article provides some explanation for this fact and examines the development of Tang-regulated Nom-written poetry since *Quoc am thi tap* (National language poetry collection) of Nguyen Trai (1380-1442), illustrating three characteristics of this Vietnamese poetry: creating exact parallels, carrying sarcastic tone, and serving the purpose of social criticism.

Keywords: Tang-regulated Nom-written poetry, parallel, sarcastic tone, social criticism

**Luận về xúc cảm giọng đọc và khác biệt văn tự
trong trường hợp chữ Nôm đoạn cuối *Truyện Kiều*
關於金雲翹傳末段字喃的漢語聲情與文字別解**

魏慈德 / Wei Tzu-Te (Nguy Từ Đức)

GS. - Đại học Quốc lập Đông Hoa

臺灣東華大學中國語文學系

Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*, không chỉ là phiên dịch, mà còn là sự cải biên và sáng tác. Ông sử dụng một văn tự khác, một thể thơ khác để thể hiện một tác phẩm đồ sộ, đồng thời dùng từ, dụng điển đều điều luyện tinh thông. *Đoạn trường tân thanh* của ông có thể coi là tác phẩm đại diện tiêu biểu cho việc sử dụng chữ Nôm trong sáng tác văn học. Chúng tôi, lấy điểm nhìn là một độc giả coi tiếng Hán là ngôn ngữ mẹ đẻ và hoàn toàn không am tường chữ Nôm, xem thử có thể thông qua hình thể của chữ Nôm cũng như những cảm xúc về âm đọc của chữ Nôm, để tiếp cận, thưởng thức và lý giải một tác phẩm có văn tự gần gũi với tiếng Hán hay không?

Và đầu rằng *Đoạn trường tân thanh* là một sáng tác hoàn toàn mới của Nguyễn Du, song khi ông sử dụng những loại thể; văn tự khác nhau để sáng tác, một người tinh thông Hán tự và cả chữ Nôm như ông, khi hạ bút khuôn thước tác phẩm của mình trong thi luật thể lục bát, làm sao để có thể phối hợp sử dụng cả chữ Hán và chữ Nôm, thêm vào đó là vấn đề cước vận, gieo vần, để cho ra đời một tác phẩm đủ đầy về thị giác và thính giác, thể hiện tài năng văn chương của ông? Từ đây, chúng tôi đứng ở điểm nhìn độc giả coi tiếng Hán là ngôn ngữ mẹ đẻ như đã nói, thưởng đọc chương cuối của *Đoạn trường tân thanh* từ câu 3247 đến 3260 và lấy làm đối tượng phân tích. Lý do chọn lựa chương cuối, là bởi vì đây là sự tổng kết của toàn bộ câu chuyện, thông qua đó thể hiện tư tưởng tác giả.

Từ khóa: *Truyện Kiều*, Hán tự, chữ Nôm, thị giác, thính giác

阮攸的這個作品，不只是翻譯，而是真正的改寫與創作，因為使用了不同的文字與文體來呈現，並創造了全新的文辭來表達，長篇巨制，用辭典雅，堪稱喃字的代表作品。而作為一個以漢語為母語，不熟悉喃字的讀者，是否也能透過喃字的形體和聲情，來欣賞與理解這個文字與漢字極其形似的作品呢，因此本文嘗試從漢語讀者的角度來賞析這個作品。

既然《金雲翹傳》是阮攸的全新創作作品，當他使用了不同的文體及文字來創作的時候，精熟漢字與字喃的他，在受限於六八體的格律形式下，如何透過漢字與喃字的相配合使用，加上聲音的韻腳，創作出兼具視覺及聽覺的作品，以展現他的文學長才，這方面有鑒於讀者的洞見分析。因此本文站在一個讀者的位置，嘗試從以漢語為母語的讀者的視角加以申說，以《金雲翹傳》末章，第 3247 行到 3260 行為分析對象。之所以選擇末章，乃因末章是整個故事的總結，作者在敘述完故事後，針對女主角的一生，發出人生的悲嘆，為本篇的主題思想。

關鍵詞：傳翹，漢字，喃字，視覺，聽覺

**“Hoa liên Bách Việt xuân”² – Tình hữu nghị và công việc trị lý
phía nam qua ngòi bút của Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên
花連百越春—韓柳筆下的南方治理與友誼**

張蜀蕙 / Zhang Shu-Hui (Trương Thục Huệ)

GS. - Trường Đại học Quốc lập Đông Hoa

臺灣東華大學中國語文學系教授

Giao Châu, Giao Chỉ hay An Nam xuất hiện trong văn học trước sau Đồi Đường cho đến Ngũ Đại - Tống thường khác biệt với cảm thức chung “trắc thân tại vũ nội” của người Hán, văn hóa Hán. Văn nhân mô tả về phương Nam, thường chỉ dừng ở mức độ cảm khái một hành trình. Thế nhưng vẫn có một Liễu Tông Nguyên bị biếm ở Vĩnh Châu, Liễu Châu và một Hàn Dũ ở Triều Châu trong tác phẩm của chính mình, bằng văn tài điêu luyện và vốn liếng văn hóa sâu sắc, đã thể hiện sự quan sát gần gũi, tinh tế về phương Nam, đầu cả hai đều là những người “Sinh nhai đầu Lĩnh kiêu, Thế nghiệp hãm biên trần”³ (“Từ nay về sau sinh nhai cuộc sống là ở chốn Lĩnh ngoại, Còn sản nghiệp bao năm của chính mình chìm dần trong bụi trần phương xa”).

Những trải nghiệm chân thực, gần gũi, tuy chân chưa chạm đến đất biếm,

² Thơ Lưu Trường Khanh, Đường, 《負謫後登干越亭作》(Phụ trích hậu đăng Cán Việt đình tác): “江入千峰暮，花連百越春” (“Giang nhập thiên phong mộ, hoa liên Bách Việt xuân”)

³ Như (1)

nhưng bằng điểm nhìn tiếp cận văn hóa hành trình và văn hóa biên vực của Hàn và Liễu khiến phương Nam dưới ngòi bút của hai ông chân thực hiếm có.

Thông qua việc tìm hiểu những vần thơ đáp tặng, mộ chí, văn tế, chúng tôi đã phát hiện những sự kiện về việc tìm hiểu phương Nam, giao tế cùng phương Nam của người thời Đường. Trong điểm nhìn của người nhà Đường về Nam Hải, hiển nhiên Giao Chỉ được coi như “nhất thể” với Trung Hoa (Nam Trung nhất thể, Viêm Trung nhất thể). Bằng những mô tả của Hàn và Liễu về việc văn nhân phương Bắc đến quản lý, hay du lịch phương Nam, và trong đó có cả văn nhân Việt Nam Liêu Hữu Phương về sau nổi tiếng ở Kinh sư, đậu tiến sĩ, chúng tôi nhận ra văn nhân ở hai nơi Bắc Nam giao lưu, hay cai trị, hoặc gần gũi hơn là đến sinh sống ở phương Nam, đời sống có thể không phải tốt nhất, hoặc có thể không phải là nơi sau cùng trong cuộc hành trình, nhưng chắc chắn là những chương viết đặc biệt nhất.

Với những hiểu biết trước đây như: chốn này tiềm lực không mạnh, quần hùng cát cứ, thế nước nhỏ bé, song luôn không ngừng quật khởi... thì đây là những mô tả rất khác. Chúng tôi nghiên cứu sự ghi chép của Hàn, Liễu và so sánh, nhận ra được nhiều điều thú vị.

Từ khóa: Liễu Tông Nguyên, Hàn Dũ, bi kí, Nam hành

交州、交趾、安南出現在唐以前與之後五代宋，皆未若唐人，側身在宇內之感。往常文人南行書寫，常視為一己南行感懷。然而貶居永州、柳州柳宗元與之潮州韓愈等，在作品中呈現一種貼身近距離的觀察，雖然兩人俱是「生涯投嶺徼，世業陷邊塵。」之人，然而兩人文采、與深沈之文化視域。貼身、近距離，雖非身蹈其地，於文化通道與文化邊域，以一種接近的角度，呈現了一些時代難有的真實。本文透過他們贈詩文，墓誌、哀祭文，發現了交往南方、開發南方之事實，唐人環南海之視域，誠然將交趾視為南中、炎中一體。透過韓柳筆下顯現北來文人治理、遊歷南方，交趾、南海文人如廖有方等交往歷南之人，後竟顯名京師，進士登第。南北文人因彼此交往、或治理，更貼實在南方，綻放生命不能是最好、或可能是最後，但一定是最特別的篇章。這些了解，比諸國力不強、群雄分割、或帝國勢微，面對趁勢崛起南方，動以軍事、政治威喝，卻顯現著平和難得的異彩。本文探究韓柳作品、作意，以期對此有更多認識。

關鍵詞: 柳宗元、韓愈、碑記、南行

**VĂN HÓA TƯ TƯỞNG VIỆT NAM:
GIAO LƯU VÀ SO SÁNH
VỚI VĂN HÓA TƯ TƯỞNG ĐÔNG Á**

**Những điểm tương đồng trong tư tưởng giáo dục
của Phan Châu Trinh và Fukuzawa Yukichi**
**The Similarities in Phan Chau Trinh's and Fukuzawa Yukichi's Ideas
of Education**

Cao Xuân Long

TS. – Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: caoxuanlong.khoatriet@gmail.com

Phan Châu Trinh (1872-1926) và Fukuzawa Yukichi (1834-1901) là những nhà tư tưởng canh tân tiêu biểu của Việt Nam, Nhật Bản trong giai đoạn tình hình lịch sử - xã hội của phương Đông và phương Tây có nhiều biến động vào nửa cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX. Trong cuộc đời hoạt động của mình, các ông đã để lại cho kho tàng lý luận của mỗi dân tộc nhiều tư tưởng có giá trị, một trong những tư tưởng quan trọng, tiêu biểu của hai ông là tư tưởng về giáo dục. Nội dung tư tưởng này được các ông thể hiện khá phong phú, đặc sắc trên nhiều khía cạnh như: vai trò, đối tượng, mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục,... Điều thú vị là Phan Châu Trinh và Fukuzawa Yukichi đã có những tương đồng và gặp gỡ về phương pháp tiếp cận, cách lý giải các vấn đề về giáo dục và sự ảnh hưởng tư tưởng giáo dục đến sự phát triển xã hội của mỗi nước.

Từ khóa: Tư tưởng giáo dục, canh tân, Phan Châu Trinh, Fukuzawa Yukichi

Phan Chau Trinh (1872 – 1926) and Fukuzawa Yukichi (1834 – 1901) were Vietnamese and Japanese thinkers who advocated the reform for their countries in the late 19th – the early 20th centuries. During their lives full of activities, both of them left to their countries the treasures of many valuable ideas, including the ideas of education. Phan's and Fukuzawa's educational ideas were expressed in many aspects, such as role of education, object and goal of education, content and methods of education, ect. Although their approaches to and their interpretations of educational issues as well as their influences on their country's development were different, there were some interesting similarities between them, which should be studied in order to draw historical lessons for the countries' development in present day.

Keywords: Phan Chau Trinh, Fukuzawa Yukichi, ideas of education, similarities

**Từ *Chúc cầm hồi văn* của Tô Huệ
đến bài *Dạ cổ hoài lang* của Cao Văn Lầu**
From Su Hui's *Zhijin Huiwen* to Cao Van Lau's *Da co hoai lang*

Châu Hoài Phương

ThS. NCS. Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM
MA. Ph.D. student, University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: chauhoaiphuong81@gmail.com

Chúc cầm hồi văn của Tô Huệ là một thi phẩm được du nhập vào Việt Nam trong quá trình giao lưu, tiếp nhận các tác phẩm của văn học Trung Quốc và đã lưu truyền ở vùng đất Nam Bộ. Tại nơi đây, nỗi nhớ mong chồng của nàng Tô Huệ đã tạo nên niềm cảm hứng để trong dân gian, bài Nam ai Tô Huệ *Chúc cầm hồi văn* được ra đời và phổ biến rộng rãi hơn trăm năm qua. Bài *Dạ cổ hoài lang* của nhạc sư Cao Văn Lầu từ khi ra đời cho đến nay đã là một tác phẩm âm nhạc tuyệt vời đóng góp to lớn cho nền âm nhạc dân tộc Việt Nam. Bài viết này bàn về mối tương quan từ *Chúc cầm hồi văn* của Tô Huệ đến bài *Dạ cổ hoài lang* của Cao Văn Lầu. *Dạ cổ hoài lang* ra đời và có sức sống mạnh mẽ cho đến ngày hôm nay là sự tổng hợp nhiều yếu tố từ văn hóa, lịch sử, xã hội và tâm tình cá nhân của người nhạc sĩ tài hoa. Bài viết vận dụng phương pháp tổng hợp tư liệu, phân tích, so sánh, liên văn bản để làm nổi bật mối liên hệ giữa các tác phẩm này trong sự giao lưu tư tưởng, văn hóa, tiếp nhận và phát triển.

Từ khóa: *Chúc cầm hồi văn*, Tô Huệ, Nam ai, *Dạ cổ hoài lang*, Cao Văn Lầu, giao lưu, tiếp nhận

Su Hui's *Zhijin Huiwen* (Palindrome Poem Woven on Brocade) was introduced to Vietnamese readers during the course of literary exchange between Vietnam and China. The poem was put on the melody of Nam Ai song and was widespread in Southern Vietnam over hundred years ago. Cao Van Lau's *Da co hoai lang* (Night Drum Beats Causes Longing for Absent Husband) was famous song which made an important contribution to the development of traditional Vietnamese music. The article is an attempt to compare Su Hui's *Zhijin Huiwen* and Cao Van Lau's *Da co hoai lang* in order to clarify the relation between them as phenomenon of cultural and literary exchange.

Keywords: Su Hui, *Zhijin Huiwen*, Cao Van Lau, *Da co hoai lang*, Nam Ai

Thoát Á luận: Bài học canh tân đất nước từ Nhật Bản

Leaving Asia: A nation-state reform lesson from Japan

Dương Trường Phúc

ThS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: duongtruongphuc@gmail.com

Minh Trị Duy Tân là công cuộc cận đại hóa thành công của Nhật Bản từ giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trở thành chủ đề được giới học giả nước ngoài quan tâm khi nghiên cứu về lịch sử Nhật Bản cận đại. Một trong những di sản nổi bật của thời kỳ này chính là tư tưởng “Thoát Á luận” của Fukuzawa Yukichi. Từ nhận thức về sự tụt hậu của dân tộc cũng như tình trạng của các nước châu Á cùng thời không thể trở thành tấm gương cho Nhật Bản, ông đã chủ trương tiếp cận có chọn lọc văn minh phương Tây trên nền tảng văn hóa - xã hội của nước Nhật, chỉ có tiếp cận văn minh và khai hóa văn minh mới có thể giúp nước Nhật độc lập và phát triển. Sự thành công của công cuộc canh tân đất nước không chỉ giúp Nhật Bản giữ vững độc lập mà còn đưa nước này trở thành cường quốc châu Á. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc giao lưu văn hóa giữa các quốc gia đã trở nên dễ dàng nhưng đồng thời cũng xảy ra nguy cơ về việc mất danh tính dân tộc cũng như những thách thức cho việc tiếp thu văn minh bên ngoài. Bài viết này, trên cơ sở phân tích về tinh thần cách tân và tiếp cận văn minh phương Tây được thể hiện qua tư tưởng Thoát Á nhằm gợi mở một số bài học cho Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Từ khóa: Thoát Á luận, Fukuzawa Yukichi, Minh Trị Duy Tân, khai hóa văn minh

Meiji Restoration was a successful modernization of Japan from the middle 19th century to the early 20th century. It has become the topic most concerned by foreign scholars when they study modern Japanese history. One of the outstanding legacies of this period is Fukuzawa Yukichi's innovative ideology “Leaving Asia”. He realized that Japan was falling far behind the development of Western countries, and that other Asian countries were even worse and could not work as examples for Japan to improve its condition. Therefore, he advocated to selectively learn from Western civilization based on Japanese cultural and social foundations. The successful national reform not only helped Japan maintain its independence from Western colonialism but also made it the leading country in Asia. Today, the globalization process has facilitated cultural exchange between countries but also poses the risk of losing national identities, which challenges each country to have suitable strategies in receiving external influences. This article analyzes the ideologies of innovation and of receiving Western civilization presented in “Leaving Asia”, and proposes a few recommendations for Vietnam in the international integration.

Keywords: Leaving Asia, Fukuzawa Yukichi, Meiji restoration, civilization

Khu vực văn hóa chữ Hán: Khái niệm và nội dung nghiên cứu

The Sinosphere: Concept and Content of Studies

Đoàn Lê Giang

PGS. TS. – Khoa Việt Nam học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Vietnamese Studies

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: doanlegiangussh@gmail.com

Khu vực văn hóa chữ Hán còn gọi là khu vực văn hóa Đông Á là vấn đề được bàn tới khá nhiều trong các công trình nghiên cứu, bài viết gần đây. Tuy nhiên tên gọi của nó chưa được thống nhất, người thì gọi là “vòng văn hóa chữ Hán”, “vùng văn hóa Hán”, “khu vực văn hóa đồng văn”,... Bài viết này xác định cho đúng tên gọi, nguồn gốc khái niệm, và các nội dung nghiên cứu: quá trình hình thành khu vực văn hóa chữ Hán, nghiên cứu từng nền văn hóa riêng biệt, các mối quan hệ trong và ngoài khu vực, và nghiên cứu so sánh giữa nền văn hóa từng quốc gia trong khu vực để đi tới giáo trình văn hóa Đông Á, hay giáo trình khu vực văn hóa chữ Hán.

Từ khóa: Khu vực văn hóa chữ Hán, khu vực văn hóa Đông Á, văn hóa khu vực học

The Sinosphere, or the East Asian cultural sphere is an issue discussed quite a lot in recent studies. However, the scholars have not agreed on its terminology. Some of them call it as “cultural Chinese circle”, the others prefer the term “cultural Chinese area” or “Chinese character cultural sphere”, etc.

This article is an attempt to define the term, its origin as well as to examine the issues of its studies such as the process of the Sinosphere’s formation, the specific cultures involving in this sphere, the internal and external relationships of the area in order to build a textbook of East Asian culture or a textbook of Sinosphere.

Keywords: Sinosphere, East Asian cultural sphere, area studies

**Từ quan điểm “vô vi” của Đạo giáo đến quan điểm “nhàn”
của Nguyễn Bình Khiêm
From “Wu-Wei” Concept of Taoism
to Nguyen Binh Khiem’s Concept of “Leisure”**

Hà Trọng Thà

TS. - Trường Đại học An ninh nhân dân

PhD. - University of People's Security

Email: thahuyen7775@yahoo.com

Cao Xuân Long

TS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: caoxuanlong.khoatriet@gmail.com

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585), nhà tư tưởng tiêu biểu của Việt Nam thế kỷ XVI đã đóng góp vào lịch sử tư tưởng Việt Nam nhiều tư tưởng có giá trị, trong đó có quan điểm “nhàn”. Tư tưởng về “nhàn” xuất phát từ đặc điểm xã hội Việt Nam thế kỷ XVI, kế thừa những giá trị trong truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đặc biệt chịu sự ảnh hưởng sâu sắc, rõ nét của tư tưởng nhân sinh Đạo giáo của Lão tử. Theo Lão Tử, con người không thể can thiệp vào quá trình tiến hóa của vạn vật, nên phải “vô vi” theo quy luật - “đạo”, để thích ứng được sự phát triển khách quan của tự nhiên và xã hội. Từ quan điểm “vô vi” của Đạo giáo, Nguyễn Bình Khiêm đã đưa ra quan điểm “nhàn” hết sức sâu sắc và bình dị nhằm ứng xử với những biến động của lịch sử xã hội lúc bấy giờ.

Từ khóa: Đạo giáo, vô vi, Nguyễn Bình Khiêm, nhàn

Nguyen Binh Khiem (1491 - 1585), a great thinker of Vietnam in the sixteenth century, contributed to the history of Vietnamese thought with many valuable ideas, including the concept of “leisure”. This concept originated from Vietnamese social characteristics in the the sixteenth century and inherited the values of Vietnamese cultural tradition as well as the cultural quintessence of other countries, including Taoism and Lao-tzu’s concept of “wu-wei”. Lao-tzu argued that human beings could not interfere with the evolution of all things and they had to be “wu-wei” in accordance to the rule – “Tao” to adapt to the objective development of nature and society.

In this article, we suggest that Nguyen Binh Khiem, influenced by Lao-tzu’s concept of “wu-wei”, proposed a simple but very profound concept of “leisure” to deal with the fluctuations of social history at that time. His “leisure”, due to objective and subjective circumstances, could not overcome the limitations of the times. However, in the current historical and social conditions, if we know how to inherit

the values and overcome limitations, the “leisure” concept still has modern significance.

Keywords: Nguyen Binh Khiem, Taoism, Lao-Tzu, wu-wei, leisure

**Nghiên cứu các truyện cổ Việt Nam và Hàn Quốc
có đề tài xung đột anh chị em và văn hóa giao tiếp**
**A Study on the Aspects of Vietnamese and Korean Good and Evil Sibling
Stories and Cultural Communication**

Kwon Hyeok-rae

PhD., Professor, Liberal Education College, Yong In Univ., South Korea

Bài viết khảo sát các truyện cổ Việt Nam để tìm hiểu việc các truyện cổ này có đóng góp để người Hàn Quốc có thể hiểu thêm về văn hóa, tình cảm và giá trị Việt Nam hay không. Hiện nay, có khoảng 150.000 người Việt Nam định cư sang Hàn Quốc. Từ việc khảo sát các tư liệu, đối chiếu các giá trị và quy tắc văn hóa trong các câu chuyện xung đột anh em/ chị em tiêu biểu của Việt Nam và Hàn Quốc, bài viết lý giải bản chất đa văn hóa của văn hóa Việt Nam trong xã hội Hàn Quốc.

Trong các câu chuyện kể về xung đột anh em/ chị em, nhân vật người anh/ người chị thường là những người tham lam. Người em trong truyện cổ thường là những người nghèo và không có thể lực do bị người anh/ người chị chèn ép. Nhiều câu chuyện dân gian Hàn Quốc và Việt Nam cùng có các chủ đề, nhân vật và chất liệu tương tự với nhau. Từ nghiên cứu so sánh và tìm hiểu truyền thống văn hóa Đông Á lâu dài và văn hóa ứng xử của Hàn Quốc và Việt Nam có thể lý giải sự khác biệt về văn hóa giao tiếp giữa hai nước, qua đó người Hàn Quốc có thể hiểu thêm về văn hóa Việt Nam và sinh sống hài hòa với người Việt nhập cư trên đất nước mình.

Từ khóa: Chuyện xung đột anh chị em, hiểu biết đa văn hóa, *Heungbu Nolbu*, *Hầm vàng hầm bạc*, truyện cổ Việt Nam

This study examined whether Vietnam’s old literature could contribute to Koreans’ understanding of and respect for Vietnamese culture, emotions, and values. About 150,000 Vietnamese immigrants live in Korea currently. By comparing and examining the materials, values, and cultural codes of the representative sibling conflict stories of Vietnam and Korea, this study tries to understand the multicultural nature of Vietnamese culture in Korean society.

In sibling conflict stories, the older brother characters are the ones who have failed to control their greed. Brothers and sisters in Vietnamese and Korean literature represent poor and powerless people. Their poverty is due to the older sibling’s

greed. Understanding the nature and climate of Vietnam can be made easier if this context is explained before reading or practicing old Vietnamese stories in Korea. Many Korean and Vietnamese folk tales share similar themes, characters, and compositions. If we can understand both the comparative literature and the homogeneity of the two countries in the long tradition of Chinese characters and their representative culture, and also explain the differences in terms of cultural communication, Koreans can live with the 150,000 Vietnamese immigrants living in our society. It will help to understand Vietnamese culture..

Keywords: Good and Evil Sibling Stories, Multicultural understanding, “Heungbu Nolbu”, “Star tree story”, “Gold pit, Silver pit”, Vietnam old stories

Cảng biển Đông Nam Á qua một số tư liệu Hán Nôm triều Nguyễn

Hồ Ngọc Minh

ThS. NCS. - Khoa Văn học

MA. PhD. Student - Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: hongocminh95@gmail.com

Với địa thế của mình, Việt Nam có nhiều con đường để kết nối với thế giới bên ngoài. Tuy nhiên, thế kỷ 18 trở về trước trong phạm vi châu Á, Việt Nam chủ yếu đi sứ sang Trung Quốc bằng đường bộ, cho nên những ghi chép chúng ta có được đều có nội dung chủ yếu về đất nước này. Khi triều Nguyễn nắm quyền đầu thế kỷ 19, đường biển bắt đầu được khai thác nhiều hơn, đặc biệt trong bối cảnh châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng phải đối mặt với làn sóng văn hóa – văn minh tràn vào theo gót chân những lực lượng viễn chinh và chiếm đóng của người châu Âu. Những chuyến đi ấy đã để lại nhiều tư liệu quý giá, nội dung phản ánh hình ảnh và hoạt động văn hóa – xã hội – kinh tế của các hải cảng trải dài từ Biển Đông đến cửa ngõ vào Ấn Độ Dương - eo biển Malacca. Trong quá trình nghiên cứu tư liệu, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến các ghi chép của các chuyến Dương trình hiệu lực và một số ghi chép liên quan đến khu vực trên đường công cán châu Âu của những danh thần có tầm ảnh hưởng trong lịch sử triều Nguyễn như Phan Thanh Giản, Cao Bá Quát, Hà Tông Quyền.... Những ghi chép này giúp chúng ta có thể biết được Luzon (Philippines), Singapore, Borneo, Malaysia và Indonesia trong quá khứ như thế nào trước khi trở thành cảng biển nổi tiếng toàn thế giới như ngày nay.

Từ khoá: Cảng biển, Đông Nam Á, tư liệu Hán Nôm

**Lịch sử và văn hóa Trung Hoa trong các bộ sưu tập câu hát dân gian
ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX
(trường hợp Câu hát huê tình)
Folk Songs in Southern Vietnam in the Late 19th – Early 20th Centuries
(A Case Study of *Cau hat hue tinh*)**

La Mai Thi Gia

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: thigia1510@gmail.com

Bài viết tìm hiểu sự ảnh hưởng và những biểu hiện của văn hóa, lịch sử Trung Hoa trong các bộ sưu tập câu hát dân gian ở Nam Bộ được xuất bản từ cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX, qua một trường hợp điển hình là sưu tập *Câu hát huê tình* do Đặng Lễ Nghi biên soạn. Các câu hát trong các sưu tập thời kỳ này chứa rất nhiều từ Hán Việt và tràn ngập điển tích điển cố từ văn học và lịch sử Trung Hoa. Ở bài viết này chúng tôi chỉ chọn trình bày những biểu hiện tiêu biểu của văn hóa Trung Hoa trong nội dung *Câu hát huê tình* ở hai khía cạnh: (1) Dùng tên địa danh hay các triều đại khác nhau trong lịch sử Trung Hoa để chỉ không gian xa cách và sự chia lìa trong tình yêu đôi lứa; (2) Dùng tên nhân vật và mối quan hệ của các nhân vật trong lịch sử Trung Hoa để chỉ bản thân và quan hệ lứa đôi.

Từ khóa: *Câu hát huê tình*, câu hát dân gian, Nam Bộ, văn hóa Trung Hoa

The paper examines the influence and expression of Chinese culture and Chinese history in the collections of Southern Vietnam's folk songs published from the late 19th to the early 20th century, through a case study of *Câu hát huê tình* (*Folk Songs of Love*) compiled by Dang Le Nghi.

There are many verses with Sino-Vietnamese words and Chinese classical literary and historical allusions in the collections of this period. In this article, we only choose to present the typical expressions of Chinese culture in the context of *Câu hát huê tình* in two aspects: (1) using different Chinese toponyms or names of the dynasties in Chinese history to refer the large geographical distance that separates the lovers; (2) using the names of Chinese historical people and the relationship between them to talk about love and the lovers themselves.

Keywords: Folk songs, Southern Vietnam, *Cau hat hue tinh*

**Đọc lại thần tích đền Lý Ông Trọng (*Việt điện u linh tập*)
trong liên hệ với tự sự
về hai nhân vật hữu quan – Triệu Xương và Cao Biền
Rereading Legend of Ly Ong Trong Temple
(Collection of Stories on the Shady and Spiritual World of the Viet Realm)**

Lê Thời Tân

PGS. TS. - Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

PhD. - Associate Professor, Thu Do University

Email: lethoitannvu@gmail.com

Tài liệu thành văn sớm nhất hiện được biết đến và cũng là tài liệu quan trọng nhất đối với việc tìm hiểu thần tích Lý Ông Trọng cùng lịch sử Đền/ Đình Chèm (Tứ Liên, Hà Nội) là cuốn *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên. Bài viết áp dụng cách đọc liên văn bản *Việt điện u linh tập* với các thư tịch khác như *Lĩnh Nam chích quái*, *Tân Đường thư* và *An Nam chí nguyên*, nhằm sơ bộ phác thảo một số phương diện đáng chú ý trong kết cấu truyền thuyết đền Lý Ông Trọng.

Từ khóa: *Việt điện u linh tập*, Đền Lý Ông Trọng, liên văn bản

Applying method of intertextual reading *Viet Dien U Linh Tap* (Collection of Stories on the Shady and Spiritual World of the Viet Realm), *Linh Nam chich quai* (Selection of Strange Tales in Linh Nam), *Xin Tangshu* (New Book of Tang) and *Annan zhiyuan*, this article gives an outline of some interesting aspects in the structure of *Legend of Ly Ong Trong Temple* (i.e. Chèm Temple in Tu Liem, Hanoi)

Keywords: *Viet Dien U Linh Tap*, Ly Ong Trong temple, intertextuality

**Luận bàn về niên hiệu Trung Hoa dân quốc ở Việt Nam qua bi ký biển ngạch,
đối liên tại các Hội quán người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh
中華民國在越南——以胡志明市華人會館匾聯碑記為討論對象**

羅景文 / Luo Jing-Wen

TS. Khoa Văn học Trung Quốc, Đại học Quốc lập Trung Sơn, Đài Loan

臺灣高雄中山大學中國文學系助理教授

Văn hoá người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh khá phong phú, hội quán và chùa miếu là đặc trưng quan trọng của văn hoá người Hoa. Phần lớn các hội quán và chùa miếu người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập trong sau thế kỷ

thứ 17, vì thế trong hội quán có nhiều biển ngạch, đối liên, bi ký có thời gian trong khoảng thời gian này. Theo sự thay đổi chủ quyền chính trị, Trung Quốc bước vào giai đoạn Trung Hoa dân quốc, nhưng do các yếu tố chính sách của thực dân Pháp, Hoa kiều hoạt động cách mạng... khiến cho quan hệ chính phủ Trung Quốc với người Hoa ở Việt Nam cũng thay đổi. Người Hoa ở Việt Nam có cách nhìn như thế nào về quan hệ này? Trong cách ghi niên hiệu của họ có phải thể hiện sự đồng thuận của họ? Người viết bằng phương thức quan sát, thông qua các ghi chép niên hiệu, tên người, nhân vật, địa danh trên các biển ngạch, đối liên, bi ký trong các chùa miếu hội quán người Hoa để tìm hiệu những dấu tích lịch sử của giai đoạn Trung Hoa dân quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Thành phố Hồ Chí Minh, Hội quán người Hoa, chùa miếu, Trung Hoa dân quốc

在越南胡志明市有相當豐富的華人文化，而會館與寺廟正是華人文化的重要表徵。目前大部分華人會館及寺廟多為清治時期（十七世紀之後）成立，因此會館內多有清治時期碑記、楹聯、牌匾。而隨著政治主權的轉移，中國他進入了「中華民國」時期，但由於法國殖民的政策、海外僑民支持革命等因素，也使這些在越華人與中國政府的關係有了轉變。在胡志明市的越南華人如何看待這樣的關係？他們如何紀年，而這是否牽涉到他們的認同？筆者觀察的方式，即透過華人會館及廟宇碑記、楹聯、牌匾等信仰文物上的時間紀年方式，以及這些文物文獻之相關內容是否提及中華民國之人、事、時、地、物，來觀察中華民國在越南、在胡志明市的歷史痕跡。

關鍵字: 越南胡志明市、華人會館、寺廟、中華民國

Những khó khăn và nỗ lực hoà nhập với nền văn hoá mới tại Đài Loan của những cô gái Việt Nam trong hôn nhân xuyên quốc gia

Vietnamese Women in Transnational Marriage in Taiwan: Their Difficulties and Efforts to Integrate Taiwanese Culture

Mai Thị Kim Khánh

ThS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: kimkhanhmai@hcmussh.edu.vn

Nguyễn Thị Quỳnh Như

ThS.- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

MA. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Hôn nhân xuyên quốc gia Đài Việt làm một chủ đề nghiên cứu không còn mới. Tuy nhiên bằng phương pháp thu thập và phân tích tư liệu sẵn có (các bài viết, bài

ngiên cứu của các học giả Việt Nam và Đài Loan) bài viết này sẽ đem đến một cách tiếp cận mới thông qua việc tổng quan (1) những khó khăn và căng thẳng mà các cô dâu Việt phải đối mặt trong giai đoạn đầu khi đến Đài Loan: vừa làm dâu, làm vợ, làm mẹ, vừa phải vượt qua các rào cản về ngôn ngữ, văn hoá, sự kỳ thị của xã hội và tìm kiếm việc làm để gửi tiền về cho gia đình tại quê nhà; (2) những nỗ lực để thích nghi với cuộc sống mới và đã có những hoạt động để khẳng định vị thế trong gia đình chồng tại Đài Loan, đồng thời, chính những nỗ lực của họ tại quốc gia đến và những đóng góp cho kinh tế gia đình tại quê nhà đã làm thay đổi cách nhìn nhận của gia đình và cộng đồng về vai trò và giá trị người phụ nữ trong văn hóa trọng nam của người Việt.

Từ khóa: Hôn nhân xuyên quốc gia, Đài Loan, thích nghi, phụ nữ

Taiwan - Vietnam transnational marriage is no longer a new research topic. However, by collecting and analyzing available materials (articles and research papers written by Vietnamese and Taiwanese scholars), this article brings a new approach through overviewing (1) challenges and tensions faced by Vietnamese spouses in the early stage of their living in Taiwan as a daughter-in-law, a wife and a mother to overcoming lingual and cultural barriers, as well as social stigma and seeking a job to remit money to their families at home; (2) efforts to adapt to a new life, to affirm the position in the husband's family in Taiwan; meanwhile, it is these efforts in Taiwan and their financial contributions to Vietnam's economy that has changed the perception of their families and the community about the role and values of women in Vietnamese male-dominated culture.

Keywords: Transnational marriage, Vietnamese women, Taiwanese culture, difficulties, efforts of integration

Với văn hóa Đông Á cổ truyền - những điều muốn nói **Some Considerations on Traditional East Asian Culture**

Nguyễn Đình Chú

GS. Đại học Sư phạm Hà Nội

Prof., Hanoi University of Education

Mặc dù trọng tâm của hội thảo là tập trung về giao lưu văn hóa tư tưởng ở khu vực Đông Á từ xưa đến nay, nhưng tôi vẫn muốn đây cũng là dịp chúng ta cùng nhau nhận rõ hơn giá trị của văn hóa phương Đông cổ truyền, sự khác nhau giữa văn hóa phương Đông cổ truyền và văn hóa phương Tây, sự áp đảo của văn hóa

phương Tây đối với văn hóa của phương Đông cổ truyền đó là thế nào? Mà mục tiêu là nhằm phục hưng văn hóa phương Đông cổ truyền trong đó có văn hóa Đông Á cổ truyền nhằm xây dựng văn hóa Đông Á hiện đại và mai sau.

Từ khóa: Văn hóa Đông Á cổ truyền, phương Đông và phương Tây, phục hưng

Although the topic of this conference focuses on the cultural exchanges in East Asian region from the past to present day, I would like to emphasize the values of traditional East Asian culture in comparison with Western culture, paying attention on the tendencies of the pressure of the West on the East Asian culture in modern time and considering about the question how to overcome this pressure while keeping the values of Western culture and revive the values of traditional Eastern culture in order to build a new modernized East Asian culture for the future.

Keywords: Traditional East Asian culture, the East and the West, to overcome the cultural pressure

Biểu hiện của “Tam cương” trong văn tế Hán Nôm Việt Nam
Expression of the “Three Fundamental Bonds” (sangang) in Vietnamese
Eulogies Written in Classical Chinese and Nom

Nguyễn Đông Triều

TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Literature

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: dongtrieunguyen1976@yahoo.com

Văn tế Hán Nôm Việt Nam là sự thể hiện cao độ của đạo đức, luân lý Nho giáo. Bên cạnh nội dung bày tỏ lòng tiếc thương, kính trọng, nhớ ơn người đã mất, văn tế Hán Nôm còn chứa đựng nhiều thông điệp có ý nghĩa to lớn, thiết thực dành cho người còn sống. Trong đó những giá trị đạo đức, luân lý chuẩn mực theo quan điểm Nho giáo rất đáng được đề cao. Những quan điểm đạo đức, luân lý này phần nào có vai trò hướng con người đến những đức tính tốt đẹp, những hành vi phù hợp với quy tắc ứng xử chung. Tham luận này trình bày biểu hiện của ba giếng mối quân thần, phu phụ, phụ tử thông qua những đối tượng tiêu biểu của văn tế Hán Nôm xét từ quan điểm Nho giáo của Trung Quốc, qua đó rút ra những ý nghĩa, giá trị thực tế, tích cực và vận dụng chúng vào đời sống thường ngày nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn.

Từ khóa: Văn tế Hán Nôm, Tam cương, quân thần, phu thê, phụ tử

Vietnamese eulogies written in classical Chinese and in Nom expressed in high level the confucian ethics and morals. Beside the condolences, respects and gratefulness for the deceased people, the eulogies contained many messages meaningful for the people who stayed alive, praising the moral standards and values from a confucian viewpoint, which lead people to dignity and behaviors consistent with common rules of conduct.

This article examines the expression of “three fundamental bonds” (lord and retainer, husband and wife, father and son) as typical subjects of Vietnamese eulogies written in Chinese and Nom, and tries to derive from that the significant values that could be useful for modern life

Keywords: Eulogies, “three fundamental bonds”, lord and retainer, husband and wife, father and son

**Mười duyên ngàn năm – ngôi tháp mộ của nhà sư Giao Chỉ
tại chùa Linh Nham Sơn Đông, Trung Quốc**
**A Thousand Year of Destiny: The Vietnamese Buddhist Monk's Stupa
in Lingyan Temple of Jinan, Shandong province, China**

Nguyễn Hoàng Yến

TS. – Khoa Đông phương học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - Faculty of Oriental Studies,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: hoangyen@hcmussh.edu.vn

Trong bài viết này chúng tôi giới thiệu về ngôi tháp mộ của Hằng Công đề điểm, vị lưu học tăng Việt Nam đến Trung Quốc trong thế kỷ XV. Đây là vị tăng và nguồn tư liệu cấp một chưa từng được biết đến trước đây. Mộ tháp của Hằng Công đề điểm nằm trong khu vườn mộ tháp tại chùa Linh Nham thành phố Tế Nam, Sơn Đông, Trung Quốc. Bài viết sẽ cung cấp cho độc giả thông tin sơ lược về lịch sử, các di tích chính của chùa Linh Nham để độc giả có cái nhìn tổng quan về khu di tích trước khi giới thiệu cụ thể về ngôi mộ tháp của Hằng Công đề điểm trên các phương diện như đặc điểm kiến trúc, trang trí, nội dung chữ khắc trên tháp mộ để độc giả hiểu hơn về nhân vật cũng như tư liệu lịch sử đặc biệt này để làm cơ sở cho các nghiên cứu sâu hơn tiếp theo.

Từ khóa: Tháp mộ, Hằng Công Đề Điểm, thế kỷ XV, Việt Nam, Giao Chỉ, Trung Quốc, Phật giáo, chùa Linh Nham Sơn Đông

My article introduces the stupa of Hằng Công đề điểm (恒公提点), a

Vietnamese Buddhist monk arriving to China for study in the 15th century. So far, the primary resources about this monk have not been known in Vietnam. His stupa locates in the garden of stupas in Lingyan temple of Jinan city, Shandong province of China. The article provides with brief information of Lingyan's history and its major relics to give an overview of the temple, then introduces the readers to the Vietnamese monk's stupa in the aspects of architectural characteristics, decoration and content of epitaph to help them more understand about this persona as well as get some information of historical resources about him for further researches.

Keywords: Stupa, Hằng Công đề điểm (恒公提点), Buddhism, Lingyan temple, Jinan, Shandong

**Nhân tố Nhật Bản đối với sự hình thành tư tưởng duy tân
của các trí thức Việt Nam trong phong trào giải phóng dân tộc
nửa đầu thế kỷ XX**

**Role of the Japanese Factors in Formation of Vietnamese Intellectuals' Ideas
of Restoration in the Movement of Nation Liberation
in the Early 20th Century**

Nguyễn Hữu Phúc

ThS. - Trường THCS Phú Hồ, Phú Vang, Thừa Thiên Huế.

MA. - Phu Ho High School, Phu Vang, Thua Thien-Hue

Email: thienphuc2509history@gmail.com

Khởi xướng và lãnh đạo phong trào dân tộc, dân chủ đầu thế kỷ XX là tầng lớp sĩ phu yêu nước tư sản hoá (còn gọi là tầng lớp sĩ phu yêu nước tiến bộ) trong bối cảnh xã hội Việt Nam phân hoá chưa thuần thực. Các sĩ phu tiến bộ đầu thế kỷ XX nhận thức rằng muốn giải phóng dân tộc, phát triển đất nước phải kết hợp chặt chẽ cứu nước với duy tân. Góp phần cho sự hình thành tư tưởng duy tân này của các trí thức cấp tiến chính là nhân tố "Nhật Bản". Bài viết này phân tích về ảnh hưởng Nhật Bản, cơ sở hình thành, phương thức tiếp nhận tư tưởng duy tân ở một số nhà Nho cấp tiến Việt Nam.

Từ khóa: Duy tân, Nhật Bản, giải phóng dân tộc, nhà trí thức, tư tưởng, Việt Nam

To be in the vanguard of the Vietnam national and democratic movements in the early twentieth century were the patriotic intellectuals. They understood the significance of unifying the mission of national salvation with the mission of national innovation in order to liberate and develop Vietnam. Japanese experiences were

among the factors influencing on their ideology and activities. This paper examines those factors and their role in the movement of nation liberation of Vietnam.

Keywords: Restoration, Japan, national liberation, intellectuals, VietNam.

**Ý nghĩa của việc công bố tư liệu Hán Nôm
trong nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam
The Significance of Publishing Sino-Nom Materials
for the Studies of Medieval Vietnamese Literature**

Nguyễn Phúc An

ThS. NCS. - Đại học Quốc lập Thành Công, Đài Loan

MA. PhD. student, National Chengkung University

Email: phucanng@yahoo.com

Đặt văn học trung đại Việt Nam vào bối cảnh văn học Đông Á trong tương quan văn học chữ Hán các nước trong khu vực là để thấy được các đặc trưng của văn học Việt Nam. Nhưng kể từ khi nền văn học Việt Nam được quốc ngữ hóa, người dân Việt Nam xa dần Hán học và Nôm học, văn bản cổ văn bằng chữ Hán và chữ Nôm không được nhiều người tiếp cận. Đồng thời việc công bố tư liệu Hán Nôm của Việt Nam cũng chịu nhiều hạn chế. Bài viết mong muốn thông qua những kinh nghiệm cá nhân và tình hình học thuật chung hiện giờ, nêu lên ý kiến về ý nghĩa của việc công bố tư liệu Hán Nôm đối với hoạt động nghiên cứu văn học Việt Nam trung đại.

Từ khóa: Văn học trung đại, Việt Nam, tư liệu Hán Nôm

To put medieval Vietnamese literature into the general picture of East Asian literature is not to assimilate it with the Chinese literature, but to compare it with the literature written in Chinese of other East Asian countries such as China, Korea, Japan in order to find out the differences and the specific characteristics of Vietnamese literature. Since Vietnamese literature began to be written in Romanized scripts, Vietnamese people have been more and more far away from classical literary textes written in Chinese and in Nom because most of them can not understand those writings. In addition, the publication of Sino-Nom materials in Vietnam has been limited. This article examines the present status of Sino-Nom studies in Vietnam and suggestes some personal ideas of the significance of publishing Sino-Nom materials for the prosperous studies of medieval Vietnamese literature.

Keywords: Medieval literature, Sino-Nom materials, Vietnamese literature

**Vài suy nghĩ về nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam
trong bối cảnh khu vực và thế giới**
Studies of Confucianism in Vietnam in the Regional Context

Nguyễn Thanh Phong

ThS. NCS. - Đại học An Giang, ĐHQG TPHCM

MA. Ph.D. Student - An Giang University, VNU-HCM

Email: ntphongagu1985@gmail.com

Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Nho giáo trong suốt chiều dài lịch sử hơn 2000 năm. Hệ thống tư tưởng học thuyết Nho giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm trong nhiều phương diện của đời sống xã hội, từ chính trị, tư tưởng, giáo dục, văn học, nghệ thuật, lịch sử đến tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán... Do một số đặc điểm chính trị xã hội đặc thù, sự phát triển của Nho giáo ở Việt Nam diễn biến theo một hướng đi riêng, có phần khác biệt với các nước và vùng lãnh thổ còn lại ở Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. Điều đó dẫn đến việc nghiên cứu Nho giáo của Việt Nam, từ đầu thế kỉ XX đến nay, dù đã có khá nhiều thành quả, nhưng nhìn chung vẫn còn nghèo nàn, chưa theo kịp những diễn biến mới để hòa nhập vào quỹ đạo chung của học thuật khu vực và thế giới. Bài viết đưa ra những nhận định chung về tình hình nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam, giới thiệu những hướng nghiên cứu đang được học giới quốc tế quan tâm, và tiếp cận hướng đi hiện đại hóa trong nghiên cứu Nho giáo ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nho giáo, Nho giáo Việt Nam, nghiên cứu Nho giáo, Nho giáo hiện đại

Vietnam was influenced by Confucianism more than two thousand years. The Confucian ideology left its marks in many aspects of Vietnamese social life such as politics, ideology, education, literature, arts, customs, religions and beliefs and so on. Due to some social and political circumstances Confucianism in Vietnam developed with some differences in comparison with other East Asian countries. Although having certain achievements, the studies of Confucianism in Vietnam have not developed enough to integrate into the international scholarships.

This article gives an outline the status of the studies of Confucianism in Vietnam and proposes some suggestions for modernizing them.

Keywords: Confucianism, Vietnam, studies of Confucianism, modern

**Nghiên cứu tiếp biến văn hóa và ngôn ngữ
trong những yếu tố Hán Việt (Bàn luận trên cơ sở tầm nguyên
một số yếu tố Hán Việt cùng trường nghĩa pháp luật)
A Study of Acculturation and Language Transformation
in Sino-Vietnamese Vocabulary (A Discussion on Etymology
of Sino-Vietnamese Legal Vocabulary)**

Nguyễn Thị Thanh Chung

PGS. TS. - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

PhD. Assoc. Prof., Hanoi University of Education

Email: thanhchungdhsp@gmail.com

Các yếu tố Hán Việt trong tiếng Việt vốn có nguồn gốc từ chữ Hán, vậy nên một phần trầm tích văn hóa đã thấm thấu vào tiếng Việt. Người Việt Nam ngày nay có thể thông qua việc khai thác các yếu tố văn hóa trong chữ Hán để tìm hiểu quá trình tiếp biến các nội hàm văn hóa, tư tưởng, quan niệm thông qua diễn trình phát triển của ngôn ngữ và văn tự. Một trong những lĩnh vực có ảnh hưởng đến đời sống vật chất và tinh thần của con người là pháp luật. Phương pháp chính được sử dụng trong bài viết là phương pháp so sánh lịch sử với thủ pháp phân tích từ nguyên. Bài viết khảo sát tầm nguyên một số yếu tố liên quan đến pháp luật như *cải, chính, hình, luật, pháp, phạt, tội, tù, trị, trừng*. Các yếu tố này đã vay mượn có chọn lọc các nét nghĩa của chữ Hán và có quá trình tạo nghĩa mới. Đó là cơ sở cho thấy được sức sống của ngôn ngữ của dân tộc Việt Nam. Các nội hàm văn hóa trong các yếu tố Hán Việt liên quan đến pháp luật phần nào phản ánh quan niệm về công bằng, minh bạch, việc sử dụng hình phạt để tiêu trừ cái ác và quan niệm về việc tác động vào đời sống tinh thần của con người cho thấy một mối tương đồng văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc, rộng hơn là khát vọng chung về văn hóa pháp luật của các nước phương Đông và xã hội loài người.

Từ khóa: Yếu tố Hán Việt, tiếp biến văn hóa, ngôn ngữ, pháp luật, từ cùng trường nghĩa

Acculturation is a process of cultural exchange and integration between the countries and the regions to build specific culture for each nation. The Chinese elements in Vietnamese vocabulary were part of Chinese cultural sediment in Vietnamese language. By examining the cultural elements in Chinese characters, the process of language and writing development as well as the cultural remains hidden in the Sino-Vietnamese vocabulary, the modern Vietnamese scholars can understand the acculturation process and the integration of Chinese thoughts in Vietnam. One of the aspects influencing to Vietnamese material and spiritual life is the law. The Sino-Vietnamese elements in Vietnamese legal vocabulary have close relation with

the Chinese words of the same field. My article gives a primary study of acculturation based on the etymology of Sino-Vietnamese elements in the Vietnamese legal terminology.

Keywords: Sino-Vietnamese elements, legal vocabulary, acculturation, language transformation

**Tiếp xúc và giao lưu của văn nhân Việt Trung ở Nhật Bản:
Trường hợp Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu
The Cultural Contact and Exchange between Vietnamese
and Chinese Scholars in Japan: Phan Boi Chau and Liang Qichao**

Nguyễn Tiến Lực

PGS. TS. – Khoa Nhật Bản học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Japanese Studies

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nguyentienlucjps@gmail.com

Mùa xuân năm 1905, Phan Bội Châu đã đến Nhật Bản để thực hiện sứ mệnh của “Duy tân hội” là “cầu viện vũ khí” cho cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập cho Việt Nam. Ở đó, ông đã tiếp xúc với Lương Khải Siêu (1873-1929), văn nhân và lãnh tụ nổi tiếng của Biến pháp Mậu Tuất của Trung Quốc, hiện đang sống lưu vong ở Nhật Bản. Phan đã nhận được sự giúp đỡ quý báu của Lương Khải Siêu và chịu ảnh hưởng tư tưởng của ông. Tuy nhiên, Phan đã tiếp xúc với Lương như thế nào, nhận sự giúp đỡ nào từ Lương và ảnh hưởng tư tưởng của Lương như thế nào thì các công trình nghiên cứu từ trước đến nay đề cập chưa đầy đủ và đánh giá chưa thỏa đáng.

Trong bài này, ngoài hai cuốn hồi ký của Phan Bội Châu, tôi đã sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác, khảo sát lại tường tận các cuộc tiếp xúc và sự giúp đỡ cụ thể của Lương Khải Siêu đối với Phan Bội Châu. Qua việc khảo sát này, tôi muốn đánh giá lại những ảnh hưởng của Lương Khải Siêu đối với Phan Bội Châu trong thời kỳ hoạt động ở Nhật.

Từ khóa: Phan Bội Châu, Lương Khải Siêu, tiếp xúc, giao lưu

In the spring of 1905, Phan Boi Chau went to Japan to carry out the mission of “Duy Tan hoi” (Restoration Association), which was the “weapons aid request” for the armed struggle for independence of Vietnam. There he came into contact with

Liang Qichao (1873-1929), the famous intellectual and leader of the Restoration of China, who was living in exile in Japan at that time. Phan has received invaluable help from Liang Qichao and was influenced by his thoughts. However, how Phan was exposed to Liang, how did he receive the help from Liang and how he was influenced by Liang – those questions so far have not been studied enough.

In this article, in addition to two memoirs of Phan Boi Chau, I used many other sources, reviewed the meetings and specific helps of Liang Qichao for Phan Boi Chau. Through this research, I want to re-evaluate the influence of Liang Qichao on Phan Boi Chau during his staying in Japan.

Keywords: Cultural contact and exchange, Phan Boi Chau, Liang Qichao, Japan

**Giới thiệu về giáo dục Nhật Bản trên báo chí quốc ngữ Nam bộ
giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX**

**Views on Japanese Education in Vietnamese Newspapers Written
in Southern Vietnam**

in the Late 19th Century – Early 20th Century

Nguyễn Trọng Nhân

ThS. Đại học Kỹ thuật TP.HCM

MA. Ho Chi Minh City University of Technology

Bài viết tìm hiểu về đặc trưng của nền giáo dục Nhật Bản trong nửa cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX, trong đó mô tả tác phẩm *Nhật ký của một giáo viên châu Âu dạy tiếng Anh ở Nhật Bản* qua các bài báo của các nhà báo Việt Nam và Pháp như là: Vân Anh, Mme Huong Nhut, B.T.M, Mai Hue, Ng.Ph, Andrée Viollis,... từ các tài liệu này có thể nêu đánh giá về thành công và hạn chế của giáo dục Nhật Bản trước 1954.

Từ khóa: Giáo dục, Nhật Bản, báo chí quốc ngữ, Nam Bộ

The article examines the characteristics of Japanese education in the late 19th and the early 20th centuries, which were described in *Diary of an European Teacher Who Taught English in Japan* and in the essays written by the Vietnamese and French journalists, such as Van Anh, Mme Huong Nhut, B.T.M, Mai Hue, Ng.Ph, Andrée Viollis, etc. From those documents it could be conclude of the successes and limitations of Japanese education before 1945.

Keywords: Education, Japan, Vietnamese newspapers, Southern Vietnam

Tư tưởng Đạo giáo ở Nam Bộ, Việt Nam
(Trường hợp những biểu tượng trong kiến trúc chùa, miếu của tôn giáo
Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang)
Taoism in Southern Vietnam
(A Case Study of the Symbols in the Architecture of Pagodas and Temples
of Tu An Hieu Nghia Religion in Tri Ton District, An Giang Province)

Nguyễn Trung Hiếu

ThS. NCS Khoa Văn hóa học, Trường ĐHKHXH & NV - ĐHQG TP.HCM

MA. PhD. student, Faculty of Culturology

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: nguyenhieuvhls@gmail.com

Mai Thị Minh Thuy

ThS. - Trường Đại học An Giang - ĐHQG TP.HCM

MA. - An Giang University, VNU-HCM

Email: mtmthuy@agu.edu.vn

Đạo giáo du nhập vào Nam Bộ, Việt Nam bằng hai con đường chính: (1) Các đạo sĩ ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam theo lưu dân Nam tiến; (2) Sự truyền bá Đạo giáo của người Trung Hoa đến lưu trú ở Nam Bộ trong các giai đoạn cuối thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX. Tuy nhiên, dòng ảnh hưởng tư tưởng Đạo giáo ở Nam Bộ phần lớn từ quá trình truyền bá Đạo giáo của người Trung Hoa.

Qua các thời kỳ khác nhau, với nhiều tác động của lịch sử xã hội, Đạo giáo ảnh hưởng vào đời sống người dân Nam Bộ qua nhiều khía cạnh khác nhau, nhất là tín ngưỡng và tôn giáo. Sự xâm nhập của Đạo giáo vào tín ngưỡng và tôn giáo ở Nam Bộ rất lớn, nhất là các tôn giáo nội sinh, trong đó, đạo/ tôn giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (TÂHN) là một điển hình.

Nhằm làm rõ hơn tư tưởng Đạo giáo trong tôn giáo nội sinh TÂHN, và qua đó thấy được mối liên hệ của các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ với hệ thống tư tưởng văn hóa Trung Hoa qua các giai đoạn khai phá và cộng sinh đa tộc người ở Nam Bộ, trong nghiên cứu này, chúng tôi đi vào tìm hiểu tư tưởng Đạo giáo thể hiện qua các biểu tượng đặc trưng trong kiến trúc ngôi thờ của TÂHN, như: cổ lâu, hồ lô, kiến trúc bát quái, các ngôi tháp,... Từ các biểu tượng nổi bật này cùng với nhiều yếu tố và khía cạnh khác cho thấy tư tưởng Đạo giáo trong TÂHN rất sâu đậm.

Từ khóa: Đạo giáo Nam Bộ, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, kiến trúc chùa miếu

Taoism entered Southern Vietnam primarily in two ways: (1) Taoists in Northern and Central Vietnam went Southward with the emigrants; (2) The Chinese immigrants had spread out Taoism after settling in Southern Vietnam from the late 17th century to the late 19th century.

Through many periods, with influences of social history, Taoism affected the lives of the people of the Southern at many different aspects, especially beliefs and religions. The integration of Taoism with the local religions and beliefs in Southern Vietnam was obvious, and the Tu An Hieu Nghia religion (TAHN) was a typical example.

The article aims to clarify the Taoist elements integrating in TAHN, and to realize the relationship of indigenous religions in the South with the Chinese cultural ideas through the stages of settlement and living together of ethnicities in Southern Vietnam. In this study, we research on the Taoism thought represented through the specific symbols in the architecture of pagodas and temples of TAHN religion such as ancient tower, bottle gourd, the eight trigrams architecture, and the towers. These outstanding symbols along with many other factors and aspects show the profound influence of Taoism on TAHN religion.

Keywords: Taoism, influence, architecture of pagodas and temples, Tu An Hieu Nghia religion.

**Tam giáo trong văn hóa Việt Nam qua cái nhìn
của Alexandre de Rhodes (1591 - 1660)
và Léopold Michel Cadière (1869 - 1955)**

**The Three Teachings in Vietnamese culture through the vision of Alexandre
de Rhodes (1591 – 1660) and Léopold Michel Cadière (1869 – 1955)**

Nguyễn Văn Hiệu

TS. Khoa Văn hoá học, Trường Đại học KHXH&NV TP HCM
PhD., Faculty of Cultural Studies, USSH-VNU HCM

Định vị trong không gian văn hóa Đông Nam Á cổ, Việt Nam, giống như các quốc gia khác trong khu vực, có cơ tầng văn hóa Đông Nam Á bản địa với nhiều giá trị văn hóa phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, không giống các nền văn hóa khác ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của Ấn Độ, Việt Nam, như G. Coedès xác định, chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Trung Quốc, từ thể chế, phong tục, tôn giáo, ngôn ngữ đến chữ viết (Coedès 1975). Đến giữa thế kỷ XVI, khi những nhà truyền giáo phương Tây đến truyền đạo, Việt Nam đã có quá trình tiếp xúc và tiếp biến văn hóa Trung Quốc trên 1500 năm. Thời kỳ đầu tiên trong điều kiện không bình thường (một ngàn năm Bắc thuộc, từ khoảng thế kỷ II TCN đến thế kỷ X) và tiếp theo là trong thời kỳ độc lập với điều kiện bình thường hoặc tương đối bình thường (từ thế kỷ thứ mười trở đi), các vương triều Việt Nam chọn mô hình Trung

Quốc để xây dựng đất nước. Đến cuối thế kỷ XIX, văn hóa Việt Nam đã có khoảng 2000 năm gắn liền với quỹ đạo văn hóa Đông Bắc Á, chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc và thường được coi là thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc - một khu vực văn hóa với nhiều sự khác biệt với văn hóa phương Tây, đặc biệt là về tôn giáo. Bài viết này nghiên cứu Tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo) trong văn hóa Việt Nam qua cái nhìn của hai nhà truyền giáo phương Tây, cũng là hai học giả nổi tiếng trong hai thời kỳ khác nhau trong lịch sử Việt Nam: Alexandre de Rhodes (1591-1660) và Léopold Michel Cadière (1869-1955). Những đóng góp mang tính học thuật của hai nhân vật này được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam, nhưng từ quan điểm, thái độ và đánh giá của họ về Tam giáo trong văn hóa Việt Nam để giúp hiểu rõ hơn những ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc trong văn hóa Việt Nam vẫn chưa được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Bài viết muốn góp phần lấp vào khoảng trống này.

Từ khoá: Tam giáo, văn hoá Việt Nam, Alexandre de Rhodes, Léopold Michel Cadière

Located in Southeast Asia and having rich Southeast Asian cultural base, Vietnam, however, had grew out of the Southeast Asian cultural region and joined the Sinosphere for over 1500 years before the arrival of the first Western missionaries in the 16th century. The Chinese acculturation in Vietnam happened in two phases. The first phase lasted about a millennium under the Chinese colonialism, during which the Chinese culture was forced on the colony. The second phase started when Vietnam achieved its independence in the 10th century and selectively adapted from the Chinese culture. About 2000 years in the Sinosphere before the beginning of the modernization in the late 19th century had shaped the Vietnamese culture as one of the East Asian, with many differences from Western culture, especially in terms of religion. This article studies the Three Teachings (Confucianism, Buddhism, Taoism) in Vietnamese culture through the vision of two Western missionaries Alexandre de Rhodes (1591-1660) and Léopold Michel Cadière (1869-1955). The Rhodes' and Cadière's contributions to Vietnamese culture have been extensively researched and acknowledged in Vietnam, but we would like to look at their opinions and attitudes towards the adaptation of the Three Teachings in Vietnam to have a better insight about this historical issue from a contemporary external view.

Keywords: The Three Teachings, Vietnamese culture, Alexandre de Rhodes, Léopold Michel Cadière

**Hoàng Trọng Huân và dấu ấn văn hóa gia tộc
của ông trong lòng Sài Gòn**
Hoang Trong Huan and the Cultural Marks of his Clan in Saigon

Phạm Ngọc Hoàng

TS. - Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ

PhD. - Southern Institute of Social Sciences

Email: hlh.camly@gmail.com

Vùng đất Sài Gòn - Gia Định giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là nơi tụ họp nhiều thương nhân người Hoa đến làm ăn, phát triển sự nghiệp. Họ đến Việt Nam mang theo nhiều màu sắc văn hóa khác nhau, định cư và coi Sài Gòn là quê hương thứ hai của mình, hòa nhập vào cộng đồng người Việt và có những đóng góp quan trọng đối với văn hóa, lịch sử, kinh tế. Nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử phát triển của Sài Gòn không thể không nhắc tới họ. Hoàng Trọng Huân là một nhân vật trong số họ. Ông có nhiều thành công trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, ông còn là một tác gia sáng tác nhiều thơ văn, là một thư pháp gia nổi tiếng và là soạn giả của nhiều văn bia chữ Hán hiện còn lưu tại TP. Hồ Chí Minh. Trong bài viết này, chúng tôi thông qua những tài liệu chữ Hán, những bài văn bia do ông soạn viết, những dấu ấn của gia tộc ông còn hiện hữu trong lòng Sài Gòn, cũng như nhiều hoạt động công ích xã hội khác của ông và gia tộc vẫn còn hiện diện trên nhiều nẻo đường của TP. Hồ Chí Minh để tìm hiểu thêm về lịch sử gia tộc, về văn hóa tư tưởng của ông khi sống trên đất Sài Gòn và những đóng góp của gia tộc ông trong sự hình thành và phát triển Sài Gòn.

Từ khóa: Hoàng Trọng Huân, dấu ấn văn hóa, văn bia chữ Hán, Sài Gòn

Saigon and Gia Dinh in the late 19th and the early 20th centuries were place where many Chinese traders arrived to begin and develop their business. Those traders settled down and considered Saigon as their second home. They integrated into the Vietnamese community and brought many elements of Chinese culture into it, making important contributions for the cultural and economic development of Saigon. Hoang Trong Huan was one of those Chinese traders living in Saigon at that period. He was a successful businessman, at the same time was an author of many poems, a famous calligrapher and author of many inscriptions still preserved in present day Ho Chi Minh city. This article examines Hoang Trong Huan's inscriptions and other resources of his family preserved in Saigon in order to understand more about his thoughts while living in Saigon, about his clan's history and their contribution to the development of Saigon as a city of cultural interference between many ethnicities.

Keywords: Hoang Trong Huan, cultural mark, Chinese inscription, Saigon

Nghiên cứu về Nho giáo Việt Nam
trong sự so sánh với Nho giáo Trung Quốc và Nhật Bản
A Research on Vietnamese Confucianism
in Comparison with Chinese and Japanese Confucianism

Phạm Thị Loan

TS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: ploanloan@gmail.com

Từ khi Nho giáo ra đời cho đến nay đã trên 2.500 năm. Trong khoảng thời gian lâu dài ấy, Nho giáo có lúc thịnh lúc suy, có lúc được coi là đỉnh cao của hệ tư tưởng thống trị nhưng cũng có lúc bị phê phán nặng nề, bị coi là nguồn gốc của tư tưởng bảo thủ lạc hậu. Dù vậy, với tư cách là một học thuyết chính trị - đạo đức, Nho giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài tại Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản cũng như một số nước châu Á khác, và cho đến nay, tư tưởng Nho giáo vẫn còn ảnh hưởng trong xã hội hiện đại. Ở Việt Nam, Nho giáo đã trở thành một trong những thành tố của truyền thống văn hóa Việt Nam, chi phối mạnh mẽ đến tư duy và thái độ ứng xử của người Việt. Do vậy, việc nghiên cứu về Nho giáo ở Việt Nam từ các góc độ khác nhau giúp nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò, đặc điểm và những ảnh hưởng của Nho giáo đối với đời sống xã hội Việt Nam, trên cơ sở đó có thái độ khách quan trong việc tiếp thu di sản của quá khứ, góp phần tạo ra nội lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Việc tìm hiểu, phân tích, so sánh Nho giáo ở Việt Nam với Nho giáo Trung Quốc và Nhật Bản, sẽ giúp nhận thức được rõ nét hơn những đặc trưng của Nho giáo Việt Nam, hiểu rõ hơn về văn hóa Việt Nam nói chung đồng thời thấy được nét tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia trong khu vực về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo.

Từ khóa: Nho giáo, nghiên cứu Nho giáo

Since Confucianism was born, it has been over 2,500 years. During that long period, Confucianism sometimes was impaired, sometimes was prosperous, even the pinnacle of the dominant ideology, but sometimes it was severely criticized, considered as the source of conservative and backward thought. Nevertheless, as a political-ethical doctrine, Confucianism has had a profound and lasting influence in China, Vietnam, Japan and some other Asian countries. So far, Confucianism thought still influences in modern society. In Vietnam, Confucianism has become one of the elements of Vietnamese cultural tradition. It strongly influenced the thinking and behavior of Vietnamese people. Therefore, the study of Confucianism in Vietnam from different perspectives will help us to be more aware of the position, role, characteristics and impacts of Confucianism on Vietnamese social life. On that basis,

there is an objective attitude in acquiring the legacy of the past, contributing to creating internal resources to promote the development of society. Through studying, analyzing and comparing Confucianism in Vietnam Confucianism in China and Japan, we will understand more clearly the characteristics of Vietnamese Confucianism, as well as Vietnamese culture. At the same time, we can see the similarities and differences in terms of customs, beliefs and religions of the nations in the region.

Keywords: Confucianism, Vietnam, China, Japan, comparative study

Văn hóa ứng xử trong tục ngữ Việt Nam và Hàn Quốc **Cultural Behavior in Vietnamese and Korean Proverbs**

Phan Ánh Nguyễn

ThS. - Đại học Phú Yên / MA. - Phu Yen University

Email: anhnguyenphan88@gmail.com

Tục ngữ là kho kinh nghiệm quý giá được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở khắp nơi trên thế giới. Thông qua những câu nói chứa đựng kinh nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực, chúng ta có thể tìm thấy quan niệm và cách ứng xử trong nhiều khía cạnh (gia đình, tình bạn, công việc...). Tục ngữ là một trong những phương diện để chúng ta khám phá tính cách của con người. Thông qua tục ngữ, chúng ta có thể biết được văn hóa ứng xử của mỗi đất nước. Văn học Việt Nam và Hàn Quốc có những nét tương đồng lẫn những nét khác biệt, trong đó có nhiều câu tục ngữ tương tự nhau. Từ việc tìm hiểu kho tàng tục ngữ, chúng ta có thể hiểu rõ hơn về văn hóa và mối quan hệ của hai đất nước Đông Á này.

Từ khóa: Văn hóa ứng xử, tục ngữ, Việt Nam, Hàn Quốc

Proverb is a precious source of experience which is saved from this generation to other generations all over the world. It is only the heritage of every nation but also cultural big value. Through the sentences contains experience on many fields, we can find their concept and cultural behavior on a lot of aspects (family, friendship, work...). Proverb is one of channels which we discover character of people. Vietnam is a country in Southeast Asia region, Korea is Northeast Asia region. However, they have the same proverb. Through proverb, we can know cultural behavior of every country. Vietnam and Korea have specialties. Besides, they have similarities. Therefore, we have a better understanding of the relationship of the two countries in East Asia.

Key words: culture, behavior, proverb, Vietnam, Korea

**Những cuộc "bút đàm" trong chuyến công cán
đến Phúc Kiến năm 1831**
**"Conversations by Writing" during Vietnamese Envoys' Travel
to Fujian in 1831**

Phan Thị Thu Hiền

TS. - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội.

PhD. - University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: ngo.phan06@gmail.com

Văn thơ bang giao chiếm một vị trí quan trọng trong tổng thể di sản văn học trung đại Việt Nam. Lý Văn Phức 李文馥 (1785 - 1849) là nhà thơ, nhà văn, nhà ngoại giao nổi tiếng đã được lịch sử triều Nguyễn ghi nhận. Tác phẩm *Mân hành thi thoại tập* 閩行詩話集 của Lý Văn Phức được sáng tác từ chuyến đi công cán năm Tân Mão (1831) sang Trung Hoa. Bài viết giới thiệu nội dung, tư tưởng của mảng thơ văn xướng họa trong *Mân hành thi thoại tập* với mong muốn phục dựng bức tranh về những cuộc bút đàm trong chuyến công cán năm 1831, tìm hiểu cơ sở và lý giải nguyên nhân của phương thức giao tiếp độc đáo này cũng như nhận định giá trị của nó trong hoạt động ngoại giao Việt Nam - Trung Hoa thời trung đại.

Từ khóa: Bút đàm, thơ bang giao, Lý Văn Phức, *Mân hành thi thoại tập*, 1831

Diplomatic poetry occupied an important place in medieval Vietnamese literature. According to the the authors of the collection *Envoy Poetry* (1993), "up to sixty envoys who wrote poems, with hundreds of collections, nearly ten thousand poems from Tran to Nguyen dynasties." It is true that "the envoy road became road of poetry". The envoys' poetry helps to learn about many aspects of life, as history, politics, military, geography, economics, diplomacy, culture, arts, etc. The collections of envoys' poetry as Phung Khac Khoan's *Su hoa but thu trach thi*, Le Quy Don's *Que Duong thi tap*, Nguyen Tong Quai's *Hoa Trinh thi tap*, Nguyen Du's *Bac hanh tap luc*, Phan Huy Ich's *Tinh sa ky hanh*, Ly Van Phuc's *Man hanh thi thoai tap* and Chu Nguyen tap vinh, etc. attracted constantly the attention of researchers so far.

Keywords: Diplomatic poetry, envoy poetry, conversation by writing

Sự tiếp biến văn hóa Đông Á của Hồ Chí Minh
(Nhìn từ các nghiên cứu của Hồ Chí Minh về Nho giáo và Lão giáo)
East Asian Acculturation in Ho Chi Minh's Thoughts
(A Study of Ho Chi Minh's Works on Confucianism and Taoism)

Trần Thị Phúc An

TS. - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

PhD. - Hanoi University of Mining and Geology

Email: phucantt@gmail.com

Thông qua phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả thu được từ các nghiên cứu lý thuyết, bài viết làm rõ sự tiếp thu có chọn lọc và vận dụng một cách sáng tạo của Hồ Chí Minh về những tư tưởng, giá trị văn hóa Đông Á, mà cụ thể là Nho giáo và Lão giáo. Đó là những quan điểm về đạo đức, về xây dựng một xã hội “đại đồng”, việc tôn trọng phụ nữ, đức tính khiêm nhường và lối sống hài hòa, gắn bó với thiên nhiên... đã được Hồ Chí Minh nghiên cứu và cải biên cho phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc nhằm phục vụ sự nghiệp cách mạng.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, văn hóa Đông Á, tiếp biến văn hóa

Through the methods of analyzing, summarizing and comparing the results obtained from theoretical studies, the author clarified the selective acquisition and a creative application of Ho Chi Minh on ideas and values of East Asian culture, namely Confucianism and Taoism. Those are moral perspectives, about building an ideal society, perspectives on women, humility, and lifestyle in harmony with nature, which were studied and modified by Ho Chi Minh in accordance with the cultural traditions of the nation to serve revolutionary career.

Keywords: Ho Chi Minh; East Asian culture; Acquirement and Adaptability

Báo chí ở Nhật Bản và Hàn Quốc cuối thế kỷ XIX đến những năm 1920
Journalism in Japan and Korea from the late 19th century to 1920s

Trần Huỳnh Tuyết Như

ThS. - Trường Trung cấp Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh

MA. – School of Economic-Technical Nguyen Huu Canh

Email: nhutuyet1806@gmail.com

Trong tiến trình phát triển ở các nước Đông Á bao gồm Nhật Bản và Hàn Quốc, sự ra đời của báo chí là một hiện tượng văn hoá tinh thần độc đáo, mang lại nhiều

đóng góp và giá trị có tính chất khai mở cho văn học và ngôn ngữ theo hướng hiện đại. Báo chí vừa là môi trường hình thành, đào tạo, nuôi dưỡng đông đảo đội ngũ tác giả văn học hiện đại, vừa là nơi bồi dưỡng, tạo ra sự chuyển mình mới mẻ cho các tác giả truyền thống. Thông qua báo chí, chúng ta có thể hình dung một phần tương đối quá trình hiện đại hoá văn học bản địa tại từng quốc gia. Đây là nguồn khởi sinh cho những bước chuyển mình đầy trăn trở hướng ra thế giới hiện đại nhưng vẫn giữ vững giá trị truyền thống phương Đông ở các nền văn học khu vực Đông Á. Với khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi sẽ cố gắng giới thiệu một cách khái quát về lịch sử hình thành, vai trò, tầm quan trọng của báo chí ở giai đoạn đầu phát triển cũng như sức tác động của nó với quá trình vận động của nền văn học tại các quốc gia trên, nhằm đem đến một góc nhìn đầy đủ và hệ thống.

Từ khoá: hiện đại hoá, báo chí, báo chí Nhật Bản, báo chí Hàn Quốc.

In the development process in East Asian countries including Japan and Korea, the birth of the journalism is a unique spiritual cultural phenomenon, bringing many values and contributions to the beginning of modern language and literature. Journalism is both an environment for forming, training, and nurturing a large contingent of modern authors, and a place to foster and create a new transformation for traditional authors. Through journalism, we can imagine part of the modernization of indigenous literature in each country. This is the beginning of the change of East Asian Literature: relating to the modern world but still keeping the value of Eastern traditions. Within the framework of this article, we generally introduce the formation history as well as the role and the importance of journalism in the early stages of development and its impact on the movement of literature in the mentioned countries. Through our multidimensional and systematic perspective, readers will have a sensible assessment.

Keywords: modernization, East Asian journalism, Japanese journalism, Korean journalism

**Dấu ấn hồ Động Đình trong văn hóa Việt:
nhìn từ quan điểm của người Việt Nam thời trung đại
The traces of Dongting Lake in Vietnamese culture:
From the medieval Vietnamese people's perspectives**

Trịnh Thùy Dương

CN. HVCH. - Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

MA. student, Hanoi University of Education

Email: thuyduongtrinhdhsphn@gmail.com

Nguyễn Thanh Tùng

PGS. TS – Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,

PhD. Assoc. Prof., - Hanoi University of Education

Email: nguyentunghnue@gmail.com

Bài viết xem xét dấu ấn của hồ Động Đình 洞庭湖 – một địa điểm được xem là nơi phát tích của họ Hồng Bàng 鴻龐氏 truyền thuyết trong văn hóa Việt qua con mắt của người Việt Nam thời trung đại. Qua việc khảo sát sự xuất hiện của hồ Động Đình trong các tư liệu lịch sử, văn chương, tín ngưỡng Việt Nam khoảng trước thế kỉ XX, bài viết phác họa những khuynh hướng tiếp nhận chính của người Việt thời trung đại đối với hiện tượng này, trong đó đặc biệt là ở giai đoạn thế kỉ XVIII-XIX. Từ đó, bài viết gợi mở những kiến giải về sự vận động trong tư tưởng của người Việt Nam thời kỳ tiền hiện đại, đồng thời đặt ra thêm những chất vấn về việc nghiên cứu cổ sử và sự tiếp biến văn hóa tại Việt Nam đương thời.

Từ khóa: Hồ Động Đình, văn hóa Việt, Việt Nam thời trung đại, tiếp biến văn hóa

This paper aims to examine the traces of Dongting Lake 洞庭湖 as the legendary Hong Bang Clan's 鴻龐氏 originating location in Vietnamese culture from the medieval Vietnamese people's perspectives. By investigating the appearance of Dongting Lake in Vietnamese historical, literary and religious texts before and around the 20th century, the paper depicts main cognitive movements of Vietnamese people toward the issue throughout the medieval period, especially from the 18th century to 19th century. Thus, the paper will suggest the deeper insights into the movements of premodern Vietnamese people's thoughts and make new inquiries about studies of Vietnamese ancient history and her acculturation.

Keywords: Dongting Lake, Vietnamese culture, medieval Vietnam, acculturation

Ảnh hưởng của Đạo giáo trong văn hóa tinh thần của người Việt

Influences of Taoism in Vietnamese Spiritual Culture

Võ Thị Thùy Dung

TS. – Đại học Đà Lạt / PhD. - Da Lat University

Email: dungvtt_nv@dlu.edu.vn

Ra đời ở Trung Hoa vào thế kỷ thứ II sau công nguyên, Đạo giáo được hình thành trên nền tảng của Đạo gia, triết thuyết do Lão Tử, Trang Tử xây dựng và hoàn thiện. Trong quá trình phát triển, Đạo giáo đã ảnh hưởng đến văn hóa không chỉ riêng đất nước Trung Hoa mà còn cả các quốc gia khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, Việt Nam. Riêng ở Việt Nam, sau khi du nhập, Đạo giáo nhanh chóng được tiếp nhận và dần được bản địa hóa với những đặc trưng riêng. Bằng phương pháp hệ thống, tổng hợp, so sánh, bài viết tập trung làm rõ ảnh hưởng của Đạo giáo đến văn hóa tinh thần của người Việt. Việc tìm hiểu nguồn gốc, đặc trưng, quá trình du nhập, phát triển của Đạo giáo ở Việt Nam nhằm tạo cơ sở giúp nhận diện và lý giải ảnh hưởng của Đạo giáo đến văn hóa tinh thần Việt Nam ở các phương diện tôn giáo tín ngưỡng, phong tục tập quán và một số lĩnh vực khác liên quan.

Từ khóa: Đạo giáo, văn hóa tinh thần, ảnh hưởng văn hóa

The article gives a brief history of Taoism, history of its introduction, domestication and development in Vietnam from the 2nd century to present day. The article also focuses on the influences of Taoism to Vietnamese spiritual culture in several aspects such as religious practice, beliefs, customs, literature, etc.

Keywords: Taoism, domestication, Vietnamese spiritual culture

**Nghiên cứu sách *Tam đại toàn thời Vĩnh Lạc* trong khoa cử Đông Á –
trường hợp so sánh hình thái phát sinh ở hai nước Việt Nam và Hàn Quốc**
作為東亞科舉用書の永樂三大全研究—以韓越兩國の生産型態比較為中心—

許怡齡 / Xu Yi-Ling / Hứa Di Linh

GS. Đại học Văn hoá Trung Quốc, Đài Loan

中國文化大學教授

Bài viết đứng trên ý nghĩa của nho học Đông Á khảo sát quá trình tiếp nhận *Tính lý đại toàn* ở Hàn Quốc từ thế kỷ 15 đến 19, so sánh sự khác nhau trong cách định vị *Tính lý đại toàn* của hai nước, từ đó nắm được sự tương đồng và dị biệt cơ bản của nho học hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. Vào năm Vĩnh Lạc thứ 3, triều Minh

(1415), nhóm người Hồ Quảng được vua Vĩnh Lạc sai biên soạn *Ngũ kinh đại toàn*, *Tứ thư đại toàn*, *Tính lý đại toàn*. Năm 1419, ba bộ sách Đại toàn này được ban cho Triều Tiên và Giao Chỉ, khiến cho *Tính lý đại toàn* trở thành bộ sách quan trọng của Tính lý học ở Hàn Quốc và Việt Nam. Trong ba bộ *Đại toàn*, *Tính lý đại toàn* là bộ sách duy nhất có sự phát sinh thêm sách tiết yếu tại cả hai nước, việc ấy ngầm cho thấy *Tính lý đại toàn* và hai bộ sách đại toàn còn lại có ý nghĩa và phương thức tồn tại khác nhau. *Tính lý đại toàn* ít có quan hệ với khoa cử, khiến cho bộ sách này mang tính “thoát li thế tục” một cách tương đối. Triều Tiên vì thế đem *Tính lý đại toàn* xếp lên đầu, còn Việt Nam thì lại đem *Tính lý đại toàn* để vị trí cuối cùng của ba bộ sách đại toàn. Từ việc so sánh hai cách định vị khác nhau về cùng một bộ sách, sự khác nhau cơ bản của nho học hai nước cũng được hiển lộ: Nếu Triều Tiên là xem “nho học là tâm học”, thì Việt Nam xem “nho học là thực học”.

Từ khóa: *Đại toàn*, Hàn Quốc, Việt Nam, Nho học

本文的宗旨，在於從東亞儒學的意義上考察 15 到 19 世紀《性理大全》在韓越的接受過程，比較兩國對《性理大全》的定位差異，藉此掌握韓越兩國儒學基調的異同。明永樂 13 年[1415]，胡廣等人奉永樂帝之命編纂《五經大全》《四書大全》《性理大全》三書。永樂 17 年[1419]，三《大全》被頒賜給朝鮮及交趾，使《性理大全》成為韓越性理學的重要讀物。三《大全》中，《性理大全》是唯一在韓越兩國皆產生「節要本」者，這似乎暗示《性理大全》與另外兩《大全》具有不同的存在方式與意義。相對於另外兩《大全》，《性理大全》與科舉的關係較為薄弱，使該書具有一種相對的「脫世俗性」。朝鮮因為如此而將《性理大全》視為三大全之首，越南則因此將《性理大全》視為三大全之末。藉由比較韓越對《性理大全》的定位，兩國儒學的基本質性差異也被顯題化：若說朝鮮儒學是「作為『心學』的儒學」，越南儒學可說是「作為『實學』的儒學」。

關鍵詞: 《大全》，韓國，越南，儒學

**Gợi ý liên văn hóa của Husserl về sự đổi mới luân lý và tính hợp lý
về lý luận: Một nhận định mới từ quan điểm Đông Á**
**Husserl's Intercultural Implication of Ethical Renewal and Theoretical Rationality:
A Reappraisal from East Asian Perspective**

游淙祺 / Yu Chung-Chi

GS. - Trường Đại học Quốc lập Trung Sơn, Đài Loan

Prof. - National Sun Yat-sen University (Taiwan)

Trong chuỗi bài Về cải tổ, viết từ 1922 đến 1924, Husserl đề cập đến mối quan hệ liên văn hóa giữa “châu Âu” và “phi-châu Âu”. Những luận điểm mà Husserl nói đến trong các bài viết này không có nhiều điểm khác biệt so với bài giảng của ông tại

Vienna năm 1935 (sau in lại trong *Sự khủng hoảng của các khoa học châu Âu và Hiện tượng luận siêu việt*). Trong bài giảng này, Husserl trình bày một cách hệ thống những ý kiến của ông về châu Âu và đâu là những đặc trưng khiến châu Âu trở nên khác biệt so với những phần khác của thế giới. Đáng chú ý là những luận điểm này đã được nói đến trong chuỗi bài *Về cải tổ của Husserl*, dù hoàn cảnh ra đời của chúng rất khác nhau. Trong công trình *Sự khủng hoảng...*, Husserl thể hiện sự lo âu, rằng các ngành khoa học hiện đại đang đi chệch ra khỏi thế giới-đời sống (life-world). Ngược lại, trong chuỗi bài *Về cải tổ*, Husserl tập trung chủ yếu vào các nan đề luân lý học. Tuy nhiên, các tác phẩm này đều chạm đến các vấn đề văn hóa và liên văn hóa mà Husserl sẽ tiếp tục quan tâm đến, thậm chí còn sâu và rộng hơn, trong những tác phẩm về sau. Husserl luận giải vấn đề châu Âu/phi-châu Âu theo hai hướng riêng biệt, thứ nhất là từ phối cảnh luân lý, còn thứ hai là từ phối cảnh khoa học hiện đại. Bài viết này lần lượt nghiên cứu hai hướng luận giải trên, từ đó lý giải quan niệm của Husserl về sự khác biệt văn hóa. Cuối cùng, bài viết sẽ trình bày một vài ý kiến về vấn đề liên văn hóa, nhất là từ điểm nhìn Đông Á.

Từ khóa: Husserl, liên văn hóa, điểm nhìn Đông Á

In the Kaizo articles, written between 1922 and 1924, Husserl reflected on the intercultural relationship between “the European” and “the non-European.” The viewpoints Husserl outlines in these articles do not differ substantially from those found in his 1935 Vienna lecture, which was later included in the *Crisis*.⁴ In this latter work, Husserl systematically describes his ideas about Europe and what makes Europe different from other parts of the world. Notably, these viewpoints had already been disclosed in Husserl’s Kaizo articles, albeit in very different contexts. In the *Crisis*, Husserl addressed his concerns about the modern sciences which, he believed, were increasingly deviating away from the concrete life-world. In contrast, in his Kaizo articles, Husserl focused primarily on ethical issues. Nevertheless, both of these works touch on the cultural and intercultural problematics that Husserl continues to address, with greater intensity, in his later philosophy.

Husserl handles the European/non-European issue in two distinct ways, first, in an ethical context, and second, in the context of modern sciences. This paper will explore these two ways respectively. On such a basis, the paper will handle Husserl’s conception of cultural difference. As last, the paper will make an intercultural reflection, in particular from the standpoint of East Asia.

Keywords: Husserl, intercultural, East Asian perspective

⁴ Orth, Ernst Wolfgang. “Interkulturalität und Inter-Intentionalität: zur Husserls Ethos der Erneuerung in seinen japanischen Kaizo Artikeln”, *Zeitschrift für Philosophische Forschung*, 47.3 (1993): 334.

Nho học Việt Nam: Tính bản địa hoá và nguyên nhân hình thành

越南儒学：本土化特征及其形成原因

张玲 / Zhang Ling (Trương Linh)

ThS. - Học viện Khoa học xã hội tỉnh Vân Nam

云南省社会科学院越南研究所

Việt Nam nằm trong vùng trung tâm Đông Nam Á, nơi giao thông quan trọng ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, Đông Á với Nam Á, là điểm then chốt quan trọng con đường buôn bán trên biển thời xưa. Đồng thời Việt Nam lại nằm ở giữa hai nền văn minh lớn của thế giới, chịu ảnh hưởng của hai nền văn minh này, đặc biệt là văn hoá Trung Quốc. Ngoài ra, Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của văn hoá phương Tây thời cận hiện đại. Vì thế văn hoá truyền thống Việt Nam tồn tại nhiều yếu tố khác nhau, dung hợp và phát triển, gồm có bản sắc tự thân và cả những yếu tố ảnh hưởng từ bên ngoài. Nho học ở Việt Nam là một ví dụ, trong quá trình phát triển, nó đã dung hợp văn hoá bản địa với các yếu tố văn hoá bên ngoài.

Thế kỷ thứ 3, Nho học truyền vào phương nam. Trải hàng ngàn năm giao lưu và dung hợp, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia trong vùng văn hoá Nho giáo. Trong quá trình truyền bá và dung hợp ấy, trong mỗi giai đoạn lịch sử nó biểu hiện đặc trưng tính chất bản địa hoá, như việc tiếp thu lý học của Tống Nho, Minh Nho, coi trọng tư tưởng hoà hợp, tính bản địa hoá trong tư tưởng trọng nam khinh nữ... Bài viết này từ góc độ bản sắc văn hoá Việt Nam để tìm hiểu chỉ ra nguyên nhân xuất hiện những đặc tính ấy. Trong đó, Việt Nam là một trong những quốc gia Đông Nam Á có vị trí địa lý liền kề với Trung Quốc, tính chất văn hoá bản địa và những nhân tố văn hoá Nam Á là một trong những nguyên nhân hình thành nên tính bản địa hoá trong Nho học Việt Nam. Nho học Việt Nam hoàn toàn không phải tiếp thu một cách thụ động mà tiếp thu một cách có chọn lọc và thay đổi nó khiến nó mang tính bản sắc dân tộc.

Từ khóa: Nho học, Việt Nam, bản địa hoá, nguyên nhân

越南位于东南亚中心地带，处于东亚和南亚、印度洋和太平洋的交通要塞，是古代海上丝绸之路的重要枢纽。同时，越南又深受世界两大文明（古中国和古印度）的熏习，特别是越南北方地区至后来的南方地区，深受中国汉文化的深刻影响。此外，越南还有西域文化影响。在近代西学东渐的潮流中，越南也受到西方科学和文化的冲击。因此，越南的传统文化多元并存、融合发展，既具有自身的本色，也受到外来文化的影响。儒学在越南的发展也不例外，既与越南本土文化相融合，又与其他外来文化并存。

公元 3 世纪，儒学南传逐渐深入交趾之地。经过千余年的交流与融合，越南成为儒家文化圈内的重要国家之一，越南传统文化深受儒家文化濡染。儒学在越南传播与融合的进程中，因受到多元文化特质的影响，每个历史时期都表现出明显的本土化特征，诸如选择性地吸收宋明理学、更注重合和思想、男尊女卑思想本地化等。本文主要从越

南文化本色角度出发去探寻出现这些特征的原因。其中，越南作为东南亚国家之一，其独特的中越地缘位置、越南本土文化特征以及东南亚文化因子的影响等，是形成这些特征的主义原因。根据文化传播和交流的规律，特别是依据利于本土民众的需要，越南对儒学的利用和吸收并不是完全的“拿来主义”，而是经过整合与重构，并进行了本土化改造和选择。

关键词： 儒学；越南；本土化；原因

**Du lịch phương Nam –Ấn tượng về Việt Nam đầu thế kỷ XX
của thương nhân Đài Loan Trang Ngọc Ba
向南遊——二十世紀初臺灣商人莊玉波的越南印象**

莊秋君 / Zhuang Qiu-Jun / Trang Thu Quân

TS. Khoa Văn học, Đại học quốc lập Thành Công, Đài Loan
臺灣國立成功大學中國文學系博士後研究

Đầu thế kỷ XX, Đài Loan tuy thuộc thời kỳ Nhật Bản thống trị nhưng vẫn giữ được những mối liên hệ với Nam Dương. Theo đà phát triển của nền kinh tế mậu dịch, rất nhiều thương nhân Đài Loan hoặc giai cấp thượng tầng bắt đầu đi du lãm nước ngoài, một trong đó chính là thương nhân Đài Loan Trang Ngọc Ba (1883-?). Trang Ngọc Ba thời trẻ hâm mộ phú thương Đài Nam Vương Tuyết Nông, phụ trách trông coi việc mua bán tại các cửa hàng của Vương Tuyết Nông ở Kobe, Nhật Bản. Sau này ông về nước, tự thành lập tổ chức thương hội mua bán Ngọc Ba, việc buôn bán trải khắp các nước như Indonesia, Philippines, Phúc Châu, Thiên Tân, Nhật Bản, v.v... Trang Ngọc Ba tuy là thương nhân nhưng lại yêu thích và sáng tác thơ chữ Hán, từng gia nhập “Dĩnh Xã”, là một trong ba thi xã Hán văn lớn nhất Đài Loan lúc bấy giờ, và ông cũng thường có sáng tác đăng báo. Tháng 9 năm 1937, ông cùng lúc đăng mười bài thơ về du lịch Việt Nam trên “Nhật Nhật Tân Báo” và “Phong Nguyệt Báo”, nội dung ghi lại những điều ông mắt thấy tai nghe ở Việt Nam.

Bài viết dựa trên những bài thơ du lịch Việt Nam của Trang Ngọc Ba, phân tích phong cảnh miền Bắc Việt Nam đầu thế kỷ XX, đồng thời cũng thảo luận về mối quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam thời đó.

Từ khóa: Trang Ngọc Ba, Nhật Nhật Tân Báo, Ấn tượng Việt Nam, ký sự du lịch

二十世紀初，臺灣雖仍在日本統治時期，但沒有斷絕與南洋的聯繫；隨著經貿的發展，許多台灣商人或上層階級也開始到外國遊覽，莊玉波（1883-？）便是其中一例，

他早年蒙台南富商王雪農的賞識，前往王氏在日本神戶的商行擔任出納，後來歸國自組玉坡貿易商會，商行貿易遍布印尼、菲律賓、福州、天津、日本等地。莊玉波雖經商但熱愛漢詩與創作，曾加入台灣漢文詩社團——瀛社，並且時常在報紙上發表詩作，1937年9月，莊氏在《日日新報》及《風月報》上同時發表了十首越南遊詩，記錄他在越南的所見所聞。

本文就莊玉波的越南遊詩，分析二十世紀初的北越風景，並討論這時候台灣與越南的關係。

關鍵詞：莊玉波、日日新報、越南印象、遊記

**Từ Văn miếu Hà Nội Việt Nam xem xét việc truyền bá
và phát triển Nho học ở Đông Á –
khảo sát văn bia tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội
从越南河内文庙看儒学在东亚的传播和发展
——基于河内文庙进士碑刻的考察**

Zhong Ke 钟珂

Viện Nghiên cứu Việt Nam, Đại học Sư phạm Quảng Tây
广西师范大学越南研究院 钟珂, 541001
Institute of Vietnamese Studies, GXNU, China

Văn miếu ở Hà Nội Việt Nam là dấu bia quan trọng trong lịch sử phát triển Nho học Việt Nam, là một trong những trung tâm quan trọng của văn hoá khoa cử truyền thống thời xưa. Trong quá trình xây dựng văn hoá Việt Nam, Văn miếu Hà Nội chiếm một vị trí rất trọng yếu, là trạm chủ yếu của việc hình thành và phát triển Nho học tại Việt Nam. Thông qua khảo sát Nho học ở Đông Á, đặc biệt là quá trình phát triển và truyền bá Nho học ở Việt Nam, qua sự phân tích truyền thống văn hoá Nho học ẩn tàng trong văn bia tiến sĩ ở Văn miếu, kết hợp với quá trình phát triển và hoàn cảnh nảy sinh của nó, tiến tới lý giải các thông tin văn hoá lịch sử ẩn chứa trong văn bia, cho thấy chế độ khoa cử đối với việc cấu thành nên hệ thống văn hoá và nó đã thúc đẩy ra sao việc sáng tác thơ văn trở thành nền quốc học chủ đạo trong văn hoá Việt Nam, từ đó xác lập địa vị chủ thể của Nho học đồng thời nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến việc hình thành hệ thống quản lý nhà nước và các phương diện khác. Do đó, rõ ràng Nho giáo là một nguồn văn hóa phổ biến với sức sống mạnh mẽ được chia sẻ bởi các nước Đông Á.

Từ khoá: Việt Nam, Văn miếu Hà Nội, văn bia tiến sĩ, Nho học, Đông Á, phát triển và truyền bá

越南河内文庙是越南儒学发展史上的重要里程碑，作为越南王朝时期科举文化的重要中心之一，河内文庙在越南文化的构建过程中占据重要地位，是儒学在越南起始和发展的主要载体。通过考察儒学在东亚特别是在越南的传播和发展，分析探讨河内文庙进士碑刻所蕴含的儒学文化传统，结合河内文庙进士碑刻的产生背景和发展历程，进一步解析进士碑刻蕴含的历史文化信息，归纳出越南科举考试制度对构建越南文化体系及其如何推动文赋诗歌成为主流国学，从而由此确立儒学的主体地位，并对越南形成的文臣武治管理体系等各方面产生的深刻影响，以此可以窥探儒学是东亚曾经共享的具有强劲生命力的文化根源所在。

关键词：越南；河内文庙；进士碑刻；儒学；东亚；传播和发展

The construction of Hanoi Temple of Literature is an important milestone in the development of Vietnamese Confucianism. As one of important centers of imperial examination culture in the period of monarchy in Vietnam, the temple is essential in the construction of Vietnamese culture and is the main carrier of the initiation and development of Confucianism in Vietnam. By investigating the spread and development of Confucianism in East Asia, especially in Vietnam, this paper describes the Confucian cultural tradition contained in the Jinshi Stele in the temple, and further analyzes the historical and cultural information contained in the stele in combination with the background and development of the inscriptions. Vietnamese imperial examination system had profound influence. It helped the construction of cultural system in Vietnam, promoted the traditional poetry literature to become the main culture of Vietnam. As a result, Confucianism achieved its dominant position in Vietnam. Moreover, the imperial examination system also exerted its impact on the management system of culture, subject and military affairs formed in Vietnam. It is hence obvious that Confucianism is a common cultural source with strong vitality shared by East Asian countries.

Keywords: Vietnam; Hanoi Temple of Literature ; Jinshi Stele; Confucianism; East Asia; spread and development

**PHẬT GIÁO VIỆT NAM:
GIAO LƯU VÀ SO SÁNH VỚI PHẬT GIÁO ĐÔNG Á**

Giá trị và sức lan tỏa của tác phẩm Phật giáo
Truy môn cảnh huấn ở Việt Nam
在越南〈緇門警訓〉佛教作品的價值及其擴展
Values and the pervasiveness
of the Buddhist work *Zi men jing xun* in Vietnam

Đinh Khắc Thuân

PGS. TS. - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PhD. Assoc. Prof., Institute of Han-Nom Studies

Email: thuanhannom@gmail.com

Truy môn cảnh huấn là một tập hợp các lời cảnh sách, huấn giới, phép tắc người tu hành của các thiền sư nổi tiếng Trung Quốc. Sách được sư tăng Lâm Tế thời Nguyên tu bổ và cho khắc in vào năm Hoàng Khánh thứ 2 (1313), sau được Thiền sư Như Dĩ thiền phái Lâm Tế thời Minh bổ khuyết, in lại năm Thành Hóa thứ 10 (1474) thời Minh. Sách này từng được xem là chỉ nam cho người tu hành, thể tài rộng, nội dung phong phú, đặc biệt là những thuyết pháp của cổ đức cao tăng giúp ích cho người mới vào tu học. Tập sách lưu truyền phổ biến ở Trung Quốc, Đài Loan và cả ở Việt Nam. Sách lưu truyền ở Việt Nam có thể cùng thời với sự du nhập và phát triển Thiền phái Lâm Tế vào thế kỷ XVII-XVIII. Sách hiện có bản in vào năm Tân Sửu, niên hiệu Thành Thái thứ 13, tức năm 1901, tại chùa Hoa Tân, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sách viết bằng chữ Hán, gồm 10 quyển, 253 tờ. Tập sách được dịch lần đầu do cố Thượng tọa Thích Viên Thành tổ chức dịch và xuất bản năm Tân Tỵ - 2001. Đến nay, xuất hiện thêm nhiều bản dịch và đặc biệt là sách được dùng làm sách học ở các Trường Hạ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài viết giới thiệu văn bản, giá trị nội dung tư tưởng, cũng như quá trình du nhập, lan tỏa và chân giá trị trong hoạt động Phật giáo ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Phật giáo Việt Nam, *Truy môn cảnh huấn*, thiền phái Lâm Tế

〈緇門警訓〉是一部中国歷代著名警策、訓誡、規儀、箴銘的綜合選輯。元代臨濟宗僧永中補，明代臨濟宗僧如香續補，先後刊行於元仁宗皇慶二年（1313）及明憲宗成化十年（1474）。本書可視為「修行指南」之類的書，其體裁廣泛，內容豐富，特別是古德高僧的參禪說法大意，可做初學入門的嚮導。〈緇門警訓〉非常普遍于中國，也流傳于臺灣和越南。此書流行在臨濟禪派所以成為普遍于越南十七十八世紀。次書得到做木刻在成泰十三年海防市安老縣花新寺。本書有十卷，兩百五十三頁。書第一次得到翻譯成越語由於上座釋圓成組織于 2001 年。如今出現不少新翻譯版，特別此書得到越南佛教教會所用在夏場的材料。本章介紹一些〈緇門警訓〉的版本，內容價值也是在越南現今佛教活動的傳入與流傳及其真價值。

关键词: 越南佛教，緇門警訓

Zi men jing xun (緇門警, *Truy mon canh huan* in Vietnamese, Admonishments for monastics) is a collection of Buddhist admonishments, sermons, and regulations released by prestigious Chinese Zen masters. The collection was compiled and block-printed by monastics of the Lin Ji (臨濟) Zen school in 1313 during the Yuan Dynasty, edited and reprinted in 1474 during the Ming Dynasty. This book was considered a guideline for monastics, covering vast topics in different writing forms, very useful for starters to Buddhism. The book was used widely in China, Taiwan and Vietnam. Its first entrance to Vietnam might be at the same time with the development of the Lin Ji Zen school in Vietnam during the 12th and 13th centuries. The oldest Vietnamese version of this book was printed in the third year of Thanh Thai (1901) in Hoa Tan Pagoda, An Lao District, Hai Phong Province. The book was written in Sinography, consisting of 10 volumes, 253 pages. It was first translated into Quocngu by the Most Venerable Thich Vien Thanh and his co-workers, and printed in 2001. More Quocngu translations of the book have been published in recent years and used as textbook in Buddhist institutes. This article introduces the text and values of *Zi men jing xun*, its circulation in Vietnam and its significance to Buddhism activities in Vietnam today.

Keywords: *Zi men jing xun*, *Truy mon canh huan*, Vietnamese Buddhism

**Việt hóa, dân gian hóa Nho giáo, Phật giáo
(Khảo sát sự tiếp biến một số khái niệm Nho, Phật
trong ca dao, dân ca Nam Bộ)**

**Vietnamization and folklorization of Confucianism and Buddhism
(study the adaptation of Confucian and Buddhist terms
in Southern folk songs and poems)**

Đoàn Lê Giang

PGS. TS. – Khoa Việt Nam học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Vietnamese Studies

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Email: doanlegiangussh@gmail.com

Trong ca dao dân ca Nam Bộ có khá nhiều khái niệm Nho giáo, Phật giáo được sử dụng như các khái niệm: Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, Duyên, Nghiệp, Kiếp... Những khái niệm này vừa giữ nghĩa gốc lại vừa có những nét nghĩa riêng theo cách hiểu của

người Việt Nam bình dân. Bài viết này khảo sát sự tiếp biến của các khái niệm đó, để giúp người đọc nhận diện bản sắc Việt Nam về Nho, Phật.

Từ khóa: Tiếp biến văn hóa, ca dao dân ca, Nho giáo, Phật giáo...

Southern Vietnamese folk songs and poems have many Confucian and Buddhist terms such as loyalty, filial piety, chastity, righteousness, destiny, karma, life cycle, etc. Besides keeping their original meanings, those terms developed new connotations as being understood by Vietnamese commoners. This article examines the adaptation of those philosophical terms into Vietnamese common life to highlight the distinction of Vietnamese Confucianism and Buddhism.

Keywords: Cultural adaptation, folk song, folk poem, Confucianism, Buddhism

Ảnh hưởng của tư tưởng khoan dung Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Influence of Buddhist tolerance on Ho Chi Minh's thoughts

Lê Đức Thọ

ThS. - Trường Cao Đẳng nghề Đà Nẵng

MA. - Danang Vocational Training College

Email: ductho@danavtc.edu.vn

Trên cơ sở vạch rõ nội hàm khái niệm khoan dung, bài viết bước đầu phân tích những biểu hiện của tư tưởng khoan dung Phật giáo được thể hiện thông qua các phẩm hạnh: “Vị tha”, “Từ bi”, “Bác ái”, “Lòng trắc ẩn” và đặc biệt là sự khoan hòa giữa đạo Phật với các tôn giáo khác. Qua đó, chỉ ra sự ảnh hưởng của tư tưởng khoan dung của Phật giáo đối với sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, làm rõ ý nghĩa của tư tưởng khoan dung Phật giáo đối với mỗi cá nhân, gia đình và xã hội trong tiến trình hội nhập và phát triển hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Phật giáo, tư tưởng khoan dung

The article discusses the connotation of tolerance in Buddhism, which concerns various virtues such as selflessness, solicitude, sympathy, empathy, and especially the harmonious aggregation of Buddhism with other religions. On this foundation, the article analyzes how Buddhist tolerance contributed to Ho Chi Minh's thoughts and discusses the significance of Buddhist tolerance to individuals, families and the society in the era of integration and development today.

Keywords: Buddhist tolerance, Ho Chi Minh's thoughts

Chất Thiền – Phật trong thơ Mai Am qua *Diệu Liên tập*

Lý Hồng Phượng

ThS. NCS. - Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV
MA. PhD. Student - Faculty of Literature,
University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
Email: hongfeng81@gmail.com

Cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX là thời kì phát triển rực rỡ của thơ văn Việt Nam. Ngoài sự đóng góp không nhỏ của các nhà Nho xuất thân từ khoa bảng, còn có một đội ngũ sáng tác thuộc hoàng tộc như Nguyễn Phúc Miên Trinh, Nguyễn Phúc Miên Thẩm, “Tam Khanh” của Nguyễn triều: Nguyễn Phúc Vĩnh Trinh (Trọng Khanh – *Nguyệt Đình thi thảo* 月亭詩草), Nguyễn Phúc Trinh Thận (Mai Am – Thúc Khanh – *Diệu Liên tập* 妙蓮集), Nguyễn Phúc Tĩnh Hoà (Quý Khanh – *Huệ Phố thi tập* 蕙圃詩集)... Trong đó, Mai Am - Thúc Khanh – một nhà thơ nữ sáng giá trong Mạc Vân thi xã. Bài viết tập trung tìm hiểu chất Thiền – Phật trong thơ Mai Am qua *Diệu Liên tập*, từ đó giúp chúng ta hiểu rõ thêm về con người của bà – một khuê nữ hoàng tộc với tài hoa và thân phận đặc biệt.

Từ khoá: Mai Am, *Diệu Liên tập*, chất Thiền – Phật, nhà thơ nữ

Tìm hiểu thơ chữ Nôm của các nhà Nho thế kỷ XV-XIX viết về Phật giáo từ góc nhìn văn hóa

**A cultural view on Nom poetry about Buddhism written
by Confucian scholars from the 15th to the 19th century**

Phạm Kim Ngân

ThS. NCS. - Khoa Văn học
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM
MA. PhD. Student - Faculty of Literature,
University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM
Email: dumien061190@gmail.com

Với tư cách một thành tố văn hóa, thơ chữ Nôm của các nhà Nho thế kỷ XV-XIX viết về Phật giáo có thể được xem như hoạt động văn hóa (loại hình tác giả, hoạt động sáng tạo, giao lưu văn học...), sản phẩm văn hóa (các yếu tố về thể loại, ngôn ngữ văn học...), ý thức - phẩm chất văn hóa (hệ giá trị, bản sắc văn học) từ khung văn hóa hay phối cảnh văn hóa. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đặt thơ chữ Nôm của các nhà Nho thế kỷ XV-XIX viết về Phật giáo trong sự tương tác với các thành tố văn hóa

khác như triết học, tôn giáo, chính trị, đạo đức..., trong chủ trương “cư Nho mộ Thích”, “Phật – Lão hòa đồng” hay sự dung hợp giữa Nho - Phật - Lão với truyền thống văn hóa dân tộc. Việc tìm hiểu và kết nối nhiều chiều kích văn hóa khác nhau là cơ sở để lý giải văn học qua các giai đoạn lịch sử và không gian văn hóa khác nhau. Từ đó, hướng đến việc giải quyết những vấn đề rộng hơn từ lý thuyết văn học so sánh như sự khác biệt giữa văn học Phật giáo trong thế giới quan, nhân sinh quan của nhà Nho so với các thiền sư; sự tiếp nhận, ảnh hưởng và khác biệt của văn học Phật giáo Việt Nam so với Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên - Hàn Quốc; sự giao lưu hội nhập của văn hóa tư tưởng Việt Nam với văn hóa tư tưởng Đông Á...

Từ khóa: Thơ Nôm, nhà Nho, đề tài Phật giáo, văn học Phật giáo

From the cultural view, Nom poetry about Buddhism written by Confucian scholars from the 15th to the 19th century can be regarded as a cultural activity (in terms of author type, creativeness, and cultural exchange), a cultural product (in terms of literary genre and language), or a cultural consciousness (in terms of literary identity and value system). This article also views those Nom poetry in a broader context with other cultural elements such as philosophy, religion, politics and morality, analyzing how those poems illustrate the thoughts “cư Nho mộ Thích” (live in Confucianism love Buddhism), “Phật Lão hòa đồng” (Buddhism and Taoism in harmony), and the actual aggregation of the three philosophies with traditional national culture. From those analysis, the article suggests further directions to study the differences between Confucian and Buddhist thinking conveyed in poetry, to compare Buddhist literature in Vietnam to that in other East Asian countries, and to research about Vietnam’s cultural and ideological integration to East Asia.

Keywords: Nom poetry, Buddhism, Confucian scholar, cultural view

**Quan điểm Phật - Đạo - Nho
trong sáng tác của thiền sư Toàn Nhật Quang Đài
Buddhist, Taoist, and Confucianist
views in literary creation by Zen Master Toan Nhat Quang Dai**

Phan Thạnh

ThS. NCS. - Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG Hà Nội
MA. PhD. Student - University of Social Sciences and Humanities, VNU-Hanoi
Email: thichchandao@gmail.com

Thiền sư Toàn Nhật Quang Đài là một cao tăng của Phật giáo Việt Nam, đồng thời là một tác gia lớn của nền văn học Phật giáo nói riêng và nền văn học Việt Nam

nói chung. Xuất thân là một nhà Nho, thiền sư Toàn Nhật đã hiểu rõ những vấn đề cơ bản của Khổng học. Đến khi xuất gia học Phật, tiếp thu tinh hoa Phật pháp, thiền sư Toàn Nhật đã toàn tâm toàn ý tu tập và giáo hóa chúng sanh. Thiền sư để lại một lượng tác phẩm đồ sộ, được viết bằng chữ Nôm và chữ Hán. Nội dung tác phẩm chứa đựng nhiều vấn đề của thời đại. Qua những tác phẩm của mình, thiền sư đã trình bày quan điểm về Phật - Đạo - Nho dưới nhiều góc độ khác nhau, thể hiện sự giao thoa tư tưởng Tam giáo trong nền tư tưởng Việt Nam.

Từ khóa: Phật - Đạo - Nho, thiền sư Toàn Nhật, văn học Phật giáo

Zen Master Toan Nhat Quang Dai was an erudite monk of Vietnamese Buddhism and a great writer of Vietnamese literature. Starting as a Confucian scholar, he had learned all the basics of Confucianism before becoming a Buddhist monk and devoting his life to study, practice and spread Buddhist teachings. His legacy includes many literary works written in Sinography and Chu Nom, discussing many social issues of his time from his comprehensive Buddhist-Taoist-Confucianist viewpoint, which was a typical example of the three-teaching aggregation in Vietnam.

Keywords: Buddhism-Taoism-Confucianism, Zen master, Toan Nhat Quang Dai, thoughts

Chữ Hiếu trong Nho giáo và Phật giáo **Filial piety in Confucianism and Buddhism**

Thích Đồng Thành

ĐD. TS. - Học viện Phật giáo Việt Nam

Ven., PhD. - Vietnam Buddhist University

Email: thichdongthanh@gmail.com

Hiếu đạo được xem là một nếp sống đạo đức cao đẹp làm nền tảng căn bản trong đời sống xã hội Á Châu, tạo nên một sắc thái đặc thù của nền văn minh phương Đông. Nói đến chữ Hiếu là nói đến một triết lý sống nhân bản mà mọi quốc gia và tôn giáo đều tôn vinh, ca ngợi. Tuy vậy, mỗi tôn giáo và mỗi truyền thống tâm linh đều có một cách nhìn khác nhau về triết lý sống này. Bài viết này trình bày khái niệm và quan điểm về chữ Hiếu trong hai truyền thống Nho giáo và Phật giáo cũng như những nỗ lực của giới trí thức Phật giáo trong quá trình diễn dịch và ứng dụng triết lý chữ hiếu của đạo Phật trong nền văn hoá Trung Hoa.

Từ khóa: Chữ Hiếu, triết lý nhân bản, Nho giáo, Phật giáo

Filial piety is a basic virtue in East Asian society, a distinctive trait of Oriental civilization. Requiring people to respect and care for their parents, elders and ancestors, filial piety is praised in every country and religion, but each religion or national tradition has its own view of this virtue. This article discusses the connotation of filial piety in Confucianism and Buddhism and the effort of Buddhist scholars in interpreting and applying Buddhist filial piety to Chinese culture.

Keywords: Filial piety, Confucianism, Buddhism

Vấn đề Khu Thích dĩ nhập Nho trong *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*
The issue of “khu Thich di nhap Nho” in *Truc Lam tong chi nguyen thanh*

Thích Hạnh Tuệ

ĐD. TS. - Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

Viện nghiên cứu Phật giáo Việt Nam

Ven., PhD. - Vietnam Buddhist University in Ho Chi Minh City

& Vietnam Buddhist Research Institute

Email: thichhanhtue@gmail.com

Vấn đề ‘Khu Thích dĩ nhập Nho’ là một vấn đề khá phức tạp trong lịch sử tư tưởng Việt Nam khoảng cuối thời trung đại, tức khoảng thế kỷ XVIII-XIX. Đây là vấn đề với quan niệm ‘đưa Nho vào Phật’, nói cách khác là ‘dùng tư tưởng Nho gia để lý giải tư tưởng Phật gia’ (Dĩ Nho giải Phật). Thuật ngữ khái niệm ‘Khu Thích dĩ nhập Nho’ lần đầu tiên được Phan Huy Ích nêu ra khi viết lời Tựa cho tác phẩm luận thuyết *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* của Ngô Thì Nhậm và các đạo hữu, để nhận xét về cội nguồn nội dung tư tưởng tác phẩm này.

Trên cơ sở đọc sâu, đọc kỹ tác phẩm *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, bài viết này sẽ luận giải và chứng minh vấn đề ‘Khu Thích dĩ nhập Nho’ một cách rõ ràng hơn.

Từ khóa: Khu Thích dĩ nhập Nho, Dĩ Nho giải Phật, Ngô Thì Nhậm, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*

“Khu Thich di nhap Nho” was a complicated issue in Vietnamese ideological history in the late Middle Age. The expression literally means “bring Confucianism into Buddhism” or can be generally understood as “use Confucian thinking to explain Buddhism thinking” (di Nho giai Phat). The expression “khu Thich di nhap Nho” was first used by Phan Huy Ich in his foreword to Ngo Thi Nham’s essay *Truc Lam tong chi nguyen thanh* (The original sound of the tenets of Truc Lam Zen) to describe and evaluate this work. This article studies *Truc Lam tong chi nguyen thanh* as

the foundation to provide a clearer explanation of “khu Thich di nhap Nho”.

Keywords: Khu Thich di nhap Nho, di Nho giai Phat, Ngo Thi Nham, *Truc Lam tong chi nguyen thanh*

Giải pháp nâng cao giá trị đạo đức Phật giáo cho tiến trình hòa bình Đông Nam Á

Enhance Buddhism ethical values for the peace-building in Southeast Asia

Thích Nguyên Hạnh

TS. - Học viện Phật giáo Việt Nam

Ven., PhD. - Vietnam Buddhist University

Email: thichhanhtue@gmail.com

Khối ASEAN ngoại trừ Brunei theo Hồi giáo và Philippines theo Thiên Chúa giáo, trong 9 nước còn lại, thì 5 nước chịu ảnh hưởng Phật giáo sâu đậm, đó là Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Myanmar và Lào. Và 3 nước Indonesia, Malaysia, Singapore thuộc nhóm đa tôn giáo, trong đó Phật giáo cũng có phần ảnh hưởng nhất định. Giá trị đạo đức Phật giáo giúp con người tăng trưởng thêm tình yêu thương đến vạn loại, đi sâu và gắn kết với cộng đồng dân tộc, xoa dịu nỗi đau khổ của những người chịu nhiều bất hạnh trong cuộc sống, thông qua các hoạt động từ thiện. Nâng cao giá trị đạo đức Phật giáo đóng góp cho con người Đông Nam Á những giá trị nhân văn tốt đẹp hình thành nên nhân cách, lối sống hiền hòa của người Đông Nam Á trong lịch sử và hiện nay. Việc thực hành lối sống đạo đức Phật giáo còn làm giảm thiểu xung đột, mâu thuẫn, thù hận giữa người và người, giữa quốc gia đến quốc gia. Đây là nét đẹp văn hóa đạo đức đặc sắc của Phật giáo cần được nhân rộng và phát huy trong thời đại mới.

Từ khóa: Giá trị đạo đức, giá trị nhân văn, Phật giáo Đông Nam Á

Most countries in the ASEAN either have Buddhism as their national religion or are greatly influenced by Buddhism among other religions. Buddhism is very flexible, tending to be an ethical way of living and thinking rather than a set of classic doctrines and rituals. Therefore, enhancing Buddhist ethical values helps to develop harmonious personality for people in the ASEAN, growing more love and caring for every creature, easing pain and misery in life, reconciling differences, reducing conflicts and hatred between people and nations, and consequently contributing to the peace-building in Southeast Asia.

Keywords: Buddhism, ethical value, Southeast Asia, peace-building

**Tìm hiểu *Phật tâm ca* của Tuệ Trung thượng sĩ
và *Chứng đạo ca* của Huyền Giác
Analysis of *Phat tam ca* by Tue Trung Thuong Si
and *Zheng dao ge* by Yong Jia Xuan Jue**

Thích Phước Đạt

TT. TS. - Học viện Phật giáo Việt Nam

Most Ven., PhD. - Vietnam Buddhist University

Email: nguyenhanhvnn@gmail.com

Tuệ Trung thượng sĩ (Việt Nam) và Vĩnh Gia Huyền Giác (Trung Quốc) là hai vị thiền gia/ thiền sư ngộ đạo. Để tỏ bày sự tỏ ngộ của mình, hai vị đều có tác phẩm để lại. Tuệ Trung viết *Phật tâm ca* và Huyền Giác viết *Chứng đạo ca*. Bài viết tìm hiểu giá trị nội dung tư tưởng Thiền Phật được thể hiện qua hai tác phẩm, đồng thời so sánh những điểm tương đồng/ tương cận về vấn đề ngộ đạo của hai tác giả trong hai tác phẩm.

Từ khóa: Tuệ Trung Thượng Sĩ, Huyền Giác, *Phật tâm ca*, *Chứng đạo ca*

Tue Trung Thuong Si of Vietnam and Yong Jia Xuan Jue (永嘉玄覺) of China were two enlightened Zen masters. *Phat tam ca* (Song for Buddha and mind) by Tue Trung Thuong Si and *Zheng dao ge* (Song of Buddhism enlightenment) by Yong Jia Xuan Jue both convey their perceptions of Buddhism. This article explores the content of Buddhism presented in the two works and discusses how similarly the two authors perceived Buddhism.

Keywords: Tue Trung Thuong Si, Yong Jia Xuan Jue, *Phat tam ca*, *Zheng dao ge*

**Quan hệ giữa thiền sinh học, thiền tôn giáo và thiền học nghệ thuật
nhìn từ cơ sở minh triết phương Đông
Relationship between biological meditation, religious meditation
and artistic meditation based on Oriental wisdom**

Võ Phước Lộc

TS - Đại học Tiền Giang

PhD. - Tien Giang University

Email: vophuocloctg@gmail.com.vn

Nhà thiền xem làm thơ là thể nghiệm để đạt đến trạng thái tâm thức không phân biệt; thấu cảm cùng muôn loài. Điều này biến thiền có sức hấp dẫn kì lạ cho con

người muốn sống hạnh phúc bền vững. Nhìn từ góc độ khoa học luận, trên cơ sở minh triết phương Đông, các nhà khoa học phân chia thiền thành ba mặt: thiền sinh học, thiền tôn giáo và thiền học nghệ thuật. Ở phương Đông, người Ấn giải thích thiền (yoga-dhyana) là nền tảng hướng về Đại ngã (Brahman) để khám phá ra Ngã (Atman); người Trung Hoa cho đây là đường hợp nhất hài hòa của đạo Âm-Dương. Tiếp biến thiền, người Việt cho là khởi nguyên nhân từ của Cha Trời - Mẹ Đất; của cấu trúc sinh thành Đẻ Đất - Đẻ Nước. Chính đức Phật và Thiền tông nâng cao hơn về chất phép thiền định Bà La Môn; tổng kết thể nghiệm, phát hiện ra thiền tôn giáo. Về sau kết hợp với suy tưởng Mantra mà sinh ra thiền học nghệ thuật. Phật - Thiền vào Trung Hoa rồi truyền sang các nước Đông Nam Á, tiếp tục phát triển nguyên tắc cốt tủy: nghe thấy lời thinh lặng hợp nhất của tình cảm chúng sinh và vũ trụ sinh thành. Ngày nay phép thiền yoga được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới và có thể xem thiền là bộ môn khoa học tinh tế nghiên cứu về thể xác, tinh thần và vẻ mặt tâm linh của con người.

Từ khóa: thiền sinh học, thiền tôn giáo, thiền học nghệ thuật, minh triết phương Đông

Meditators view poetry as an experience of reaching an undifferentiated and empathic state of consciousness with all beings. This makes meditation a strange attraction for people who wish to lead a lasting happy life. From the viewpoint of scientific discourse, scientists divide meditation into three aspects based on Eastern wisdom such as biological meditation, religious meditation, and artistic meditation. In the East, Indian people explained meditation (yoga-dhyana) as the basis of Brahman to discover the Atman. The Chinese consider it the harmonious path of the Yin-Yang religion. In continuing the meditation, Vietnamese people regarded it as the benevolent cause of Heavenly Father and Mother Earth and the birth structure of Soil and Water. The Buddha himself and Zen Buddhism are more advanced in the quality of Brahman meditation and have experimentally reviewed the discovery of religious meditation. Later, they combined it with the Mantra thought that gave birth to Zen art. Zen Buddhism was spread in China and then transmitted to Southeast Asian countries. It continued to develop the essential principle: to hear the silent speech of beings and the born universe. Today, yoga meditation is spread all over the world. The meditation can be considered a subtly scientific study of the physical, mental and spiritual appearance of human beings.

Keywords: biological meditation, religious meditation, artistic meditation, oriental wisdom

PHỤ LỤC

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN TRẦN TRƯỜNG KHÁNH
TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐÀI LOAN VỪA ĐƯỢC XUẤT BẢN TẠI VIỆT NAM

Hồi âm từ phương Nam

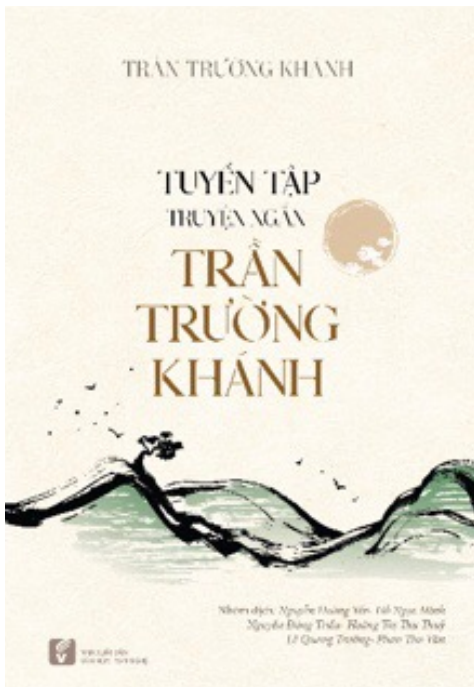
Huỳnh Như Phương

GS. TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Prof., Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM



Trong lời nói đầu viết cho bản dịch tiếng Việt *Tuyển tập truyện ngắn Trần Trường Khánh*, tác giả chân thành bày tỏ ước vọng “đi tìm tri âm ở phương trời văn học khác”. Chợt nhớ ngày xưa Lưu Hiệp từng băn khoăn: “Tri âm thực khó thay! Âm thực khó tri mà người tri âm thực khó gặp. Gặp được tri âm là sự nghìn năm có một” (*Văn tâm điêu long*, thiên 48: Tri âm).

Tôi là một độc giả của Trần Trường Khánh, từ phương Nam xa xôi, quen thuộc với văn học Trung Quốc, nhưng có phần xa lạ với văn học trên lãnh thổ Đài Loan đầy sóng gió, lại càng chưa biết gì nhiều về tác phẩm của những nhà văn trên đảo Kim Môn có số phận gian nan khôn xiết. Không dám nhận là người tri âm, tôi chỉ thấy mình may mắn được thưởng thức tác phẩm này như thưởng thức “một hiện tượng, một bức tranh riêng biệt” (Hoàng Khắc Toàn) vừa lạ lẫm, vừa gần gũi để có thể ký thác vào đó một chút tâm trạng mình.

Những biến động lịch sử và cuộc đấu tranh ý thức hệ nửa cuối thế kỷ 20 đã đẩy Đài Loan và miền Nam nước tôi vào những tình thế hiểm nghèo. Những người đồng bào cùng trong một nước phải chia nhau ở hai bên chiến tuyến mà lần ranh là một vùng biển (Đài Loan) hay một dòng sông (Bến Hải). Kim Môn (Đài Loan) và Bình Trị Thiên (Việt Nam) trở thành chảo lửa của chiến tranh. Một nơi là hàng cọc nhọn chống đổ bộ, một nơi là hàng rào điện tử McNamara, ranh giới lẽ ra là khu phi quân sự đó trở thành vùng tranh chấp quyết liệt nhất với bao máu xương đổ xuống.

Nhà văn Trần Trường Khánh đã chứng kiến hai lần khủng hoảng ở eo biển Đài Loan với những cuộc pháo kích, những trận hải chiến giữa hai bờ mà người dân Kim Môn phải chịu đựng. Nhưng cả sáu truyện ngắn trong tập này không nhằm miêu tả trực tiếp những biến cố ấy mà thể hiện những di chứng của thời kỳ thiết quân luật đã đè nặng lên đời sống của khoảng mười vạn dân Kim Môn trong hơn 36 năm ròng.

Dù thời nào, xứ nào thì nạn nhân trực tiếp của độc tài, quân phiệt cũng là những người dân lành vô tội. Những oan khiên vô có rơi xuống đầu người thợ xây như A Thuận (*Xe khách công cộng nhân dân*). Những thân phận phụ nữ trôi dạt như Vương Mỹ Lệ, Hoàng Ngọc Tiêu trở thành món hàng chuyên tay bao kẻ vô biên thô bạo (*Tạm biệt đảo Hải Nam, Tướng quân và Gạo Bồng Lai*). Những góa phụ trung hậu như chị Thiêm Đình bị viên chức địa phương bắt nạt, quấy rối và làm nhục (*Tôn Rỗ*).

Truyện *Tạm biệt đảo Hải Nam* dẫn ta đi qua những di tích và thắng cảnh thu hút tầm mắt mà không che giấu được vết thương trên cơ thể xã hội và cơ thể người phụ nữ chìm sâu trong bi kịch của nghề tiếp viên. Qua Vương Mỹ Lệ, độc giả Việt Nam bắt gặp hình ảnh hiện đại của Thúy Kiều (*Đoạn trường tân thanh*, Nguyễn Du), Tuyết (*Đời mưa gió*, Khái Hưng và Nhất Linh), Huyền (*Làm đĩ*, Vũ Trọng Phụng)... trong một xã hội tự xưng là văn minh. Mô-típ “gặp lại cố nhân” được Trần Trường Khánh thể hiện tự nhiên, chân thực, để lại dư vị đắng cay mà không rơi vào một *happy-ending* giả tạo.

Theo thiên ý, truyện ngắn hay nhất trong tập này là *Tướng quân và Gạo Bồng Lai*. Mặc dù tác giả cẩn trọng rào đón rằng trong quân đội Quốc Dân Đảng có “hàng chục ngôi sao sáng lấp lánh với tên gọi tướng quân”, độc giả không tránh khỏi đặt câu hỏi rằng cái guồng máy thối nát nào đã sản sinh ra một Ngưu tướng quân đốn mạt như vậy? Với bút pháp trào phúng cay nghiệt, Trần Trường Khánh đã khắc họa sinh động chân dung và tính cách một “tướng quân” đời bại, thô lỗ trong “dáng vẻ anh Trư”, trên đời chỉ nghiện hai món là uống rượu ngâm dái chó để tráng dương bổ thận, và hưởng lạc thú với Gạo Bồng Lai hàng tuần ở trà thất Am Tiền, đến mức “chẳng cần giữ gìn tinh lực để phản công đại lục” (!).

Cảm hứng phê phán, đả kích trong tác phẩm Trần Trường Khánh không dừng lại đó. Đọc truyện *Xe khách công cộng nhân dân*, tôi liên tưởng đến tác phẩm của Franz Kafka, Aziz Nesin, Slawomir Mrozek, Bùi Ngọc Tấn, với những con người thuần phác, vô tội bị chụp mũ, bức cung, tra tấn một cách oan khuất chỉ vì một lý do vớ vẩn, tuy về sau có được minh oan, trả lại danh dự thì tâm hồn cũng đã tổn thương nghiêm trọng mà không thể oán trời trách người được nữa, đành tự an ủi mình “đã không may sinh nhầm thời đại”. Truyện ngắn này là một bản luận chứng đầy mỉa mai về tình trạng nhà cầm quyền có thể nhân danh những lý lẽ tốt đẹp như bảo vệ an ninh quốc gia để đẩy dân lành vào vòng tai họa ở “nơi không ánh mặt trời”.

Thế đó, những thiên truyện hiện thực của Trần Trường Khánh cho thấy bạo lực và sự vô đạo có thể bóp nghẹt cuộc sống của một vùng đất như thế nào. Nhân vật Trần, vốn là một nhà văn, từng thốt lên cay đắng: “Con người thật hiểm ác. Chẳng phải các người luôn mồm nói rằng phải cải cách cái xã hội bất lương này, phải kiến lập một xã hội hoàn hảo tốt đẹp, nhưng tại sao không cách nào xóa bỏ được ánh mắt của lợi danh và quyền lực?”.

Nhưng nghĩa vụ của một nhà văn, dù không thiếu khiếm tốn, đòi hỏi ông ta không được thỏa hiệp với nỗi sợ hãi và lòng yếm thế, nhất là khi ngòi bút được

truyền cho sức mạnh tinh thần và những đức tính tốt đẹp mà những người dân giàu lương tri ở Kim Môn, tuy có lúc phải “ngậm miệng làm ngơ, mũ ni che tai” trước cường quyền để “tránh chuốc họa vào thân”, cuối cùng không để cho ai tước đoạt. Ở bên kia và bên đây, con người chân chính đều tin vào lẽ phải và điều thiện, tin rằng “ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”, như tục ngữ đã nói. Dù đã rơi vào hầm lửa của một xã hội đầy cạm bẫy, người “thần nữ” vẫn không thôi nuôi khát vọng về nhân tính, tình yêu và cái đẹp: “Khi em đã rửa sạch đôi tay đầy bùn tanh, em sẽ rửa sạch những vết nhơ trong lòng em bằng chính đôi tay của mình; em muốn khi em trao cho anh, em là người trong sạch và hoàn mỹ, dù em đang ở chân trời góc biển nào đó...”.

Những người như chị Thiêm Đình, Xuân Đào, Vồng Yêu Tử đều coi trọng đạo lý dân gian, phong hóa làng quê và phẩm giá của người phụ nữ. Đó là sức mạnh khiến Thiêm Đình trụ vững mà Tôn Rỗ dù mưu ma chước quỷ cũng không làm cho gục ngã. Đó là lẽ sống tự lập và tự trọng khiến Vồng Yêu Tử, không oán trách số phận, thà lấy sức mình nuôi con, nuôi mẹ chứ không làm kẻ phụ tùy của người chồng gàn dở. Đó là phản ứng thật đáng trách nhưng cũng thật đáng thương của Xuân Đào, người đàn bà đầy chất sinh thực khí, đã chọn cái chết để rửa nỗi nhục của mình. Những người phụ nữ đó sản sinh từ thổ nhưỡng, khí hậu Kim Môn, đồng thời cũng là hình ảnh người phụ nữ Á Đông trọng nhân cách, mà trên đất nước Việt Nam chúng tôi thời nào cũng có.

Tác phẩm của Trần Trường Khánh cho thấy văn học ở một địa phương có thể vươn ra khỏi các bức tường để tìm thấy sự đồng cảm của người đọc qua sự hiệp thông với chủ nghĩa nhân đạo. Xin trân trọng cảm ơn tác giả và giáo sư Trần Ích Nguyên đã bắc cầu cho tác phẩm này đến với bạn đọc Việt Nam qua bản Việt ngữ do các dịch giả ở Trường Đại học Khoa học xã hội - nhân văn và Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện. Đối với riêng tôi, tập truyện này không chỉ mở ra cánh cửa nhận thức về một xứ sở lắm trầm luân như quê hương tôi, mà còn đem lại kinh nghiệm mỹ cảm về sức lôi cuốn của nghệ thuật ngôn từ, như cách nói của Chu Quang Tiềm, nhà mỹ học hiện đại Trung Hoa được tiếp nhận ở cả Đài Loan và Việt Nam.

**Độc nhà văn Đài Loan Trần Trường Khánh,
cảm tấm lòng nhân ái sâu sắc**

Trần Lê Hoa Tranh

PGS. TS. – Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

PhD. Assoc. Prof., Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Đài Loan có một nền văn học lâu đời và rất đặc biệt. Tuy thế, văn học Đài Loan vẫn chưa được biết đến nhiều ở Việt Nam. Giữa rất nhiều tuyển tập truyện, lịch sử văn học các nước, hiện Việt Nam chúng ta chỉ mới có cuốn *Lược sử văn học Đài Loan* của Diệp Thạch Đào do nhóm Phạm Tú Châu, Trần Hải Yến, Bùi Thiên Thai, Lê Xuân Khai dịch gần đây. Trước đó, tuyển tập truyện ngắn Diệp Thạch Đào *Giấc mộng xuân trong ngõ Hồ Lô* cũng đã được dịch. Xa hơn nữa, năm 1997, có một tập truyện ngắn Đài Loan được dịch là *Rạng sáng* do nhóm Lương Duy Thứ, Nguyễn Thành Tuệ, Phan Đỗ Huy, Đoàn Hồng, Trần Ngọc Anh dịch gồm 10 truyện ngắn Đài Loan. Phạm Tú Châu có dịch 5 truyện ngắn trong tuyển tập *Nhà văn và tác phẩm* năm 2016,... Như vậy cùng với nhà văn nữ đại chúng Đài Loan rất nổi tiếng là Quỳnh Dao thì có lẽ bức tranh văn học Đài Loan ở Việt Nam còn rất ít ỏi. Những nhà văn như Bạch Tiên Dũng, Tam Mao,... gần như chưa được dịch và giới thiệu.

Văn học Đài Loan giai đoạn hiện đại có truyền thống hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Những chủ đề chính trong văn học Đài Loan là hoài niệm quá khứ (hương sâu văn học) mà hai truyện ngắn đã được dịch của Bạch Tiên Dũng (*Cửa hàng Hoa Kiều vinh ký* và *Du viên kinh mộng*) là tiêu biểu. Chủ đề thứ hai là cuộc sống trắc trở lo toan sau ngày đến Đài Loan của người đại lục. Chủ đề thứ ba là miêu tả cuộc sống đang diễn ra của người Đài Loan trong vòng 50 năm trở lại đây. Trần Trường Khánh là nhà văn có sáng tác ở mảng chủ đề thứ ba này.

Trần Trường Khánh là nhà văn của Kim Môn, Đài Loan. Kim Môn là ở đâu? Đây là một quần đảo nhỏ gồm một số hòn đảo trong đó có Đại Kim Môn, Tiểu Kim Môn, Ô Khâu và một số đảo nhỏ xung quanh thuộc Đài Loan, có lúc đã từng rơi vào vùng tranh chấp giữa Đài Loan và đại lục. Chính vì biệt lập nên Kim Môn vẫn còn mang những dấu vết nông thôn yên bình, kiến trúc kiểu cổ và bờ biển.

Tuyển tập truyện của Trần Trường Khánh gồm 6 truyện, trong đó có một truyện vừa, còn lại là 5 truyện ngắn, xoay quanh cuộc sống xã hội Kim Môn và cũng phản ánh những đặc điểm của văn học Đài Loan hiện đại nói chung trong 50 năm qua. Sáu truyện ngắn được viết bằng giọng văn giản dị, không quá trau chuốt, nhưng cảm động và chân thật.

Cái hay của tuyển tập là từ đó, người đọc hiểu thêm về bối cảnh lịch sử, xã hội những năm 1950-1970 của Kim Môn nói riêng, Đài Loan nói chung, một giai đoạn

lịch sử nhiều biến chuyển mà cũng rất đau đớn đối với người dân Kim Môn, Đài Loan.

Hai truyện đầu, *Tạm biệt đảo Hải Nam...* và *Tướng quân và Gạo Bông Lai* nói đến một vấn nạn nghiêm trọng của xã hội Đài Loan những năm 1950, đó là những “trại tiện nghi” (comfort station) và những “phụ nữ tiện nghi” (comfort women) có từ thời chiến tranh thế giới thứ hai do Nhật lập ra, mà trong truyện này, tác giả gọi là các “trà thất” (một cách gọi khác của “kỹ viện”). Đây là một vấn đề nóng của thế giới mà Trần Trường Khánh, trong hai truyện này, đã xoáy sâu vào thân phận phụ nữ và phê phán chủ nghĩa nam quyền. Tác giả miêu tả thân phận của những người phụ nữ này như cô Nhân, như Lệ Mỹ, rất đáng thương, có tâm hồn, thích đọc sách, yêu cái đẹp, nhưng bị coi thường, bị khinh rẻ,... Có lẽ tác giả đã từng công tác trong một đơn vị “kỹ viện” nên hiểu rất rõ bản chất, những tâm tình và cuộc sống của họ.

Các truyện sau miêu tả cuộc sống nông thôn của Kim Môn một cách giản dị và chân thật, những lo toan hàng ngày tũn mủn như chuyện có con, lấy vợ cho con, chuyện vợ chồng, chuyện một phụ nữ góa chồng nuôi con,... Để thấy rằng thật ra cuộc sống nông thôn cũng có những bộn bề, nỗi niềm của nó chứ không phải là êm đềm, hiền hòa hay nhẹ nhàng như mở đầu truyện mà chúng ta lầm tưởng.

Kết thúc bất ngờ là một kỹ thuật tốt của nhà văn Trần Trường Khánh. Truyện “Tạm biệt đảo Hải Nam”, miêu tả một mối tình khắc cốt ghi tâm của một tiếp viên và một nhân viên văn phòng cùng yêu sách vở, trải qua hơn hai mươi năm gặp lại tình cảm vẫn nồng cháy và chân thật nhưng rồi cuối cùng, người đàn ông vẫn cương quyết không nối lại tình xưa vì lòng tự trọng. Hay truyện *Xuân Đào*, cuộc sống êm đềm của hai vợ chồng quẩn quít gần bó cuối cùng đột nhiên bị phá vỡ dẫn đến bi kịch của cả gia đình.

Tập truyện cũng có một truyện ngắn mang tính thời sự và gần với chất ký, chất phóng sự, truyện *Xe khách công cộng nhân dân* nói về sự oan ức của một cậu thanh niên nông thôn chưa học hết tiểu học lên thành phố làm thêm, chỉ vì viết bừa lên xe bus mà bị quy kết là ra ám hiệu và làm loạn. Nỗi oan khiên này là một dấu ấn trong cuộc đời của cậu và sau mấy chục năm, cậu nộp đơn đòi bồi thường nhưng thất bại. Như vậy có thể thấy tình hình xã hội của Đài Loan cũng có những bất cập, bất công đối với người dân.

Tựu trung, tất cả các truyện đều cho thấy tấm lòng của nhà văn đối với những lớp người thấp cổ bé họng trong xã hội. Tấm lòng xót thương đối với các cô làm nghề tiếp viên, với cậu thanh niên bị án oan Hoàng Đại Thuận, với thiếu phụ góa chồng Thiêm Đình, với hai vợ chồng trung niên nông thôn Xuân Đào - Lai Phước, với cô gái mới lấy chồng nhưng không chịu được sự vũ phu của chồng mình, dũng cảm giành tự do Vồng Yêu Tử,... song song đó, là sự bất mãn và lên án không hề che giấu của ông đối với những người trong bộ máy chính quyền từ cao như vị tướng quân, đến thấp như bọn lính đàn áp cậu thanh niên trong truyện *Xe khách công cộng nhân dân* hay Tôn Rỗ, phó trưởng thôn trong truyện *Vồng Yêu Tử*,...

Trong bối cảnh chung những giao lưu thiết thực giữa Việt Nam và Đài Loan, có thể thấy, tập truyện là một đóng góp nho nhỏ chầm phá vào nỗ lực tìm hiểu và giới thiệu văn học Đài Loan đối với độc giả Việt Nam. Rất mong sẽ có thêm nhiều tác giả khác của văn học Đài Loan tiếp tục được giới thiệu trong tương lai.

Trần Trường Khánh và những thân phận Kim Môn

(Nhân đọc *Tuyển tập truyện ngắn Trần Trường Khánh*)

Nguyễn Đình Minh Khuê

Khoa Văn học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

Faculty of Literature,

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

Sự nghiệp William Faulkner gắn chặt với vùng đất Yoknapatawpha thoát thai từ chính tường tượng của nhà văn; nhiều kiệt tác của Mạc Ngôn thường có bối cảnh là một thị trấn nhỏ thuộc tỉnh Sơn Đông; còn ở Việt Nam, nhắc đến miệt vườn châu thổ Cửu Long là phải nhắc đến Sơn Nam – người thường được gọi bằng cái tên thương quý là “ông già Nam Bộ”. Nhiều nhà văn đã lựa chọn để gắn bó máu thịt với một vùng đất, và không ít người trong số ấy đã tạo dựng được những nghiệp văn lừng lẫy, như ba đại diện mà tôi vừa nhắc đến trên đây. Trần Trường Khánh cũng là một trường hợp đặc biệt của văn học Đài Loan đương đại, khi phần lớn sáng tác của ông, trong đó có sáu tác phẩm được chọn dịch sang tiếng Việt và in trong *Tuyển tập truyện ngắn Trần Trường Khánh* lần này, đều ít nhiều có mối nối kết sâu đậm với vùng đảo Kim Môn. Có người sẽ lý giải, rằng vì Trần Trường Khánh là một người con của Kim Môn, đã sinh ra, lớn lên và chịu ơn rất nhiều từ mảnh đất này, nên việc ông viết về Kim Môn cũng là điều dễ hiểu. Nhưng tôi cho chính vị thế và số phận đặc biệt của vùng đảo này mới là điều đã thôi thúc, gợi nhiều cảm hứng cho các sáng tác của Trần Trường Khánh.

Kim Môn là một quần đảo nhỏ, diện tích chỉ vào khoảng 150 cây số vuông, không đông dân cư, nhưng lịch sử của nó đã trải qua không ít những thăng trầm. Nằm cách Hạ Môn thuộc Trung Quốc đại lục ở chỗ gần nhất chỉ 1,8 km, nên từ năm 1949, khi chính quyền Trung Hoa dân quốc chính thức tiếp quản Kim Môn, nơi đây trở thành vùng địa đầu chiến tuyến, liên tục hứng chịu những trận pháo kích, những cuộc giao tranh, và quan trọng hơn là trong suốt 36 năm, cư dân Kim Môn luôn phải sống trong không khí nặng nề, kiềm tỏa của thời kỳ thiết quân luật. Sống và chứng kiến gần như toàn bộ những biến động dữ dội ấy, Trần Trường Khánh viết về Kim Môn và những câu chuyện của người dân Kim Môn như một thôi thúc nội tâm, một nỗ lực tận tụy để, như lời tâm sự của ông, “tránh một ngày nào đó thời gian sẽ làm mờ đi tất cả”.

Tinh thần sáng tác này được phản ánh rất rõ trong sáu truyện được chọn giới thiệu trong *Tuyển tập truyện ngắn Trần Trường Khánh*. Năm truyện trong số đó trực tiếp lấy bối cảnh từ thời kỳ chính quyền Trung Hoa dân quốc quân giới hóa Kim Môn. Nhưng không tập trung vào những giằng co chính trị và quân sự diễn ra trên

vùng đảo này, Trần Trường Khánh, ngược lại, kể cho độc giả câu chuyện về những phận người. Có người phụ nữ sắc sảo và học thức, bị thời cuộc và những rối ren đưa đẩy trở thành một tiếp viên phục vụ trong những “trà thất” quân đội như Vương Lệ Mỹ. Có người quả phụ tiết hạnh bị những tên tướng quân vô lại có ý đồ hãm hiếp như chị Thiêm Đình. Có chàng trai trẻ như Văn Tường, vì bị công sự đè lên ngực khi còn là sĩ quan quân đội, nên sức khỏe giảm sút, yếu ớt, khiến cô gái nào cũng dè dặt tránh xa. Hay cũng có chàng thanh niên một ngày nọ chợt bị bắt giam, nhục hình, tra khảo chỉ vì viết vài dòng chữ linh tinh trên băng ghế xe khiến chính quyền nghi ngại như Thuận.

Rõ ràng, cái nan đề mà Trần Trường Khánh muốn nói đến, muốn mổ xẻ qua những truyện ngắn của ông chính là nhân tính và số phận con người. Ông đặt con người trong thế đối lập với chiến tranh (như trường hợp Văn Tường, Xuân Đào trong truyện *Xuân Đào*), với những ham muốn nhục dục phi nhân, với chính trị và những thế lực cường quyền (như Tôn Rỗ trong *Tôn Rỗ*, vị phó tướng trong *Tướng quân và Gạo Bông Lai* hay những tên lính bức cung người vô tội trong *Xe khách công cộng nhân dân*,...). Từ trong những tình huống thảm khốc ấy, người ta chợt thấy con người nhỏ bé quá, đau thương quá khi lúc nào cũng có nguy cơ phải đối diện với những tình thế thảm khốc, những thế lực vô nhân, những tai ương bất trắc và phi lý. Số phận của người Kim Môn thuở ấy, như trong những câu chuyện mà Trần Trường Khánh kể, càng đau đớn hơn khi họ phải luôn kiên gan chống chọi với những dòng lũ lịch sử dữ dội cuốn qua, vằn xoáy, bóp méo, thậm chí giết chết họ, phá nát nhân tính họ.

Màu sắc hiện thực chủ nghĩa, theo cách ấy, nổi lên rất rõ trong những truyện ngắn của Trần Trường Khánh, với những tự sự sống động và chân thực đến run rẩy, những hình tượng được đẩy đến độ điển hình. Nhưng nói như thế thì vẫn còn chưa đủ. Nếu đọc một loạt sáu truyện ngắn trong tập truyện này, tôi tin độc giả tinh ý sẽ có thể nhận ra khuynh hướng lãng mạn hóa của truyện ngắn Trần Trường Khánh. Trong những tình thế khốc liệt nơi nhân tính bị bức hại hoặc có nguy cơ bị bức hại, Trần Trường Khánh luôn có ý thức thiết đặt những trở lực: anh Trần trong *Tạm biệt đảo Hải Nam*, đảo Hải Nam hẹn gặp lại cố gắng đưa Vương Lệ Mỹ thoát ra khỏi cảnh “lầu xanh”; nhân vật xưng tôi có chức vụ quản lý các trà thất trong *Tướng quân và Gạo Bông Lai* dám trực tiếp tranh biện với vị tướng quân ham mê sắc dục; Vương Vạn Phú trong *Tôn Rỗ* thì bất chấp quân quyền, đánh cho viên phó trưởng thôn một trận toi bồi vì tội hãm hiếp phụ nữ; hay cô gái trẻ Vông Yêu Tử dám vượt ra khỏi mọi định kiến, quyết bỏ anh chồng giàu có, luôn khiến cho cô và người mẹ nuôi bị ngược đãi về mặt tinh thần. Những tranh đấu cho quyền sống và những mong ước về sự hồi phục những giá trị nhân tính như thế được Trần Trường Khánh xây dựng khá hợp lý, logic, không quá gượng ép, khiên cưỡng. Điều này khiến những truyện ngắn của ông không những không viển vông, xa rời cuộc đời, mà ngược lại càng gần gũi với con người, thấm đẫm chất người.

Thật ra, với nhiều người đọc hôm nay, các truyện ngắn này của Trần Trường Khánh, trong một chừng mực nào đó, khó có thể khiến họ mãn nhãn, nhất là trên phương diện hình thức nghệ thuật. Phần lớn các tác phẩm của ông được kể bằng kỹ thuật tự sự truyền thống, không có những thủ pháp đột phá, hiện đại như giấu nhại, cắt dán hay mê cung,... Nhưng đọc văn Trần Trường Khánh, theo tôi, cũng là một trải nghiệm văn chương thú vị, bởi những sáng tác của ông giúp bổ khuyết phần nào cho hiểu biết của người Việt về một nền văn học Đài Loan phong nhiêu và có bản sắc mà trước đây, ta hầu như chỉ nghe đến những Quỳnh Dao, Tam Mao, Trương Ái Linh,... Quan trọng hơn, những sáng tác của Trần Trường Khánh nói với chúng ta về một vùng đảo nhiều biến động, về những cuộc đời và những số phận thảm khốc, khơi lên trong ta những tra vấn và trăn trở về quyền lực, chính trị, bản năng, về con người và sự làm người. Tin rằng, với những câu chuyện chân thực, sống động cùng sự tín niệm và ngòi ca nhân tính, tuyển tập truyện ngắn này của Trần Trường Khánh sẽ được bạn đọc Việt Nam đón nhận và yêu quý.

